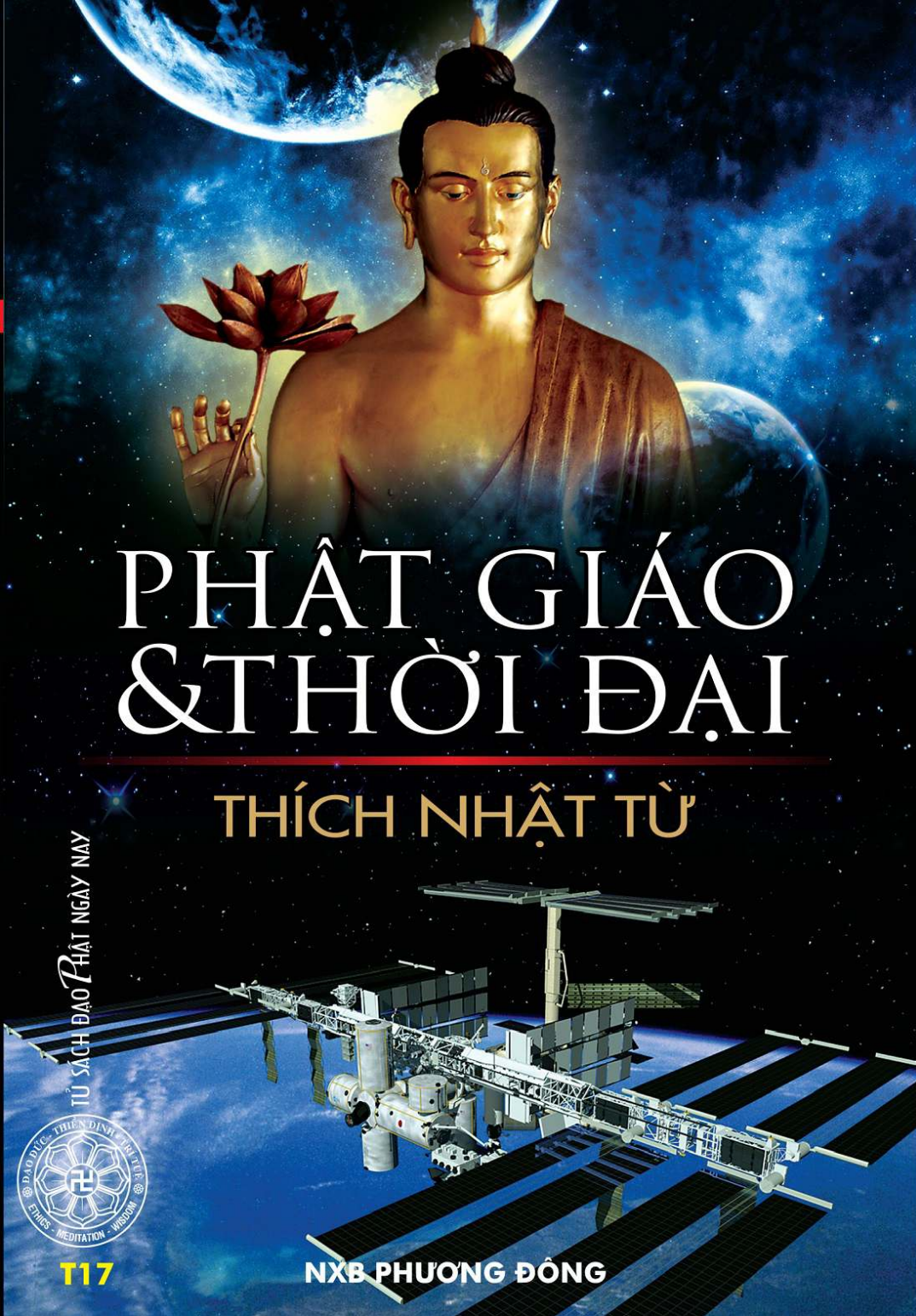




PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

THÍCH NHẬT TỪ

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY



T17

NXB PHƯƠNG ĐÔNG

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập: Thích Nhật Từ

Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng độc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể tài này. Tủ Sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: (028) 3839-4121

www.daophatngaynay.com I www.chuagiacngo.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

THÍCH NHẬT TỪ

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Hiệu chỉnh:

Phú Tuệ, Thích Nữ Tâm Minh

NXB PHƯƠNG ĐÔNG

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	ix
Chương 1: Hiện đại hóa Phật giáo	1
Nhìn nhận khách quan.....	3
Thiết lập mối quan hệ giữa người tại gia và xuất gia.....	5
Bài học hiểu thảo.....	6
Chuyên hóa tự lập	8
Chuyên hóa tâm thức.....	10
Vai trò của đáng cứu rỗi	12
Ảnh hưởng của phong tục tập quán.....	13
Phật giáo ở phương Tây	15
Vận dụng tiềm năng bản địa.....	16
Tìm về đạo Phật nguyên chất.....	18
Kính tụng cho người tại gia và xuất gia	21
Tiếp nhận tác phẩm khách quan.....	22
Phát triển một đạo Phật nhập thế.....	24
Chương 2: Khủng hoảng và hoằng pháp	27
Ý thức khủng hoảng và cách hoằng pháp	29
Ý thức về sự khủng hoảng.....	30
Hoằng pháp trong thế kỷ XXI.....	35
Nhu cầu hiện đại hóa Phật giáo.....	41
Phương pháp hiện đại hóa Phật giáo	45

vi • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Nói rộng biên giới hồng pháp.....	47
Chiến lược hồng pháp.....	48
Chất liệu bản địa.....	49
Về hai quyển sách chống phá Phật giáo.....	53
Cảm tưởng về chuyến hồng pháp ở Mỹ	61
Chương 3: Vai trò phụ nữ	67
Sơ lược truyền thống tụng niệm.....	69
Tiếp cận các học thuyết.....	71
Vượt qua mặc cảm tự ty	75
Giá trị tuệ giác và giác ngộ	80
Cách tân vì lợi lạc.....	83
Bình đẳng và vô ngã.....	85
Bồ thí ba la mật	87
Chương 4: Áp dụng đạo Phật vào đời sống	91
Về một bộ kinh thánh Phật giáo	93
Có thể phục hưng đạo Phật Ấn Độ không?.....	96
Phát triển phong trào quy y tập thể	100
Cách áp dụng Phật giáo vào đời.....	102
Ứng dụng đạo Phật trong đời sống vợ chồng.....	103
Ứng dụng đạo Phật trong đời sống xã hội.....	105
Ứng dụng đạo Phật nâng cao đời sống tâm linh	106
Thực hành hạnh xả bỏ	109
Chương 5: Tuổi trẻ tự lực và hóa giải	113
Lời cảm niệm	115
Đạo Phật cho từng độ tuổi.....	115
Nhận xét chung về hai độ tuổi.....	116
Bất mãn – nhu cầu của sự thăng tiến.....	118

Tuổi trẻ cần có bất mãn	119
Bất mãn tuổi già nên tránh	120
Tự lực và tha lực	121
Tiếp cận tha lực từ hai góc độ	123
Ảnh hưởng phong tục tập quán đối với đạo Phật.....	125
Mối quan hệ giữa tự lực và tha lực	128
Phật giáo và chính thể	132
Dùng từ bi để chuyển hóa	136
Học tập phương thức từ nước bạn.....	142
Vượt qua mặc cảm	146
Chương 6: Ảnh hưởng chuyển đi của Thiền sư Thích	
Nhất Hạnh tại Việt Nam	149
Sức sống từ trận mưa nguồn.....	151
Bổ sung nguồn dữ liệu	153
Nhìn nhận khách quan.....	155
Giá trị trận mưa	157
Phật giáo và chính thể	158
Bước chân tâm linh	161
Động lực cho hành giả trẻ	163
Tiếp nhận từ trận mưa	166

LỜI GIỚI THIỆU



Cuốn sách này ghi lại những lời phỏng vấn của Hội Phật Học Đuốc Tuệ với Thầy Thích Nhật Từ, nhân dịp Thầy hoằng pháp ở Hoa Kỳ năm 2004.

Người Phật tử hải ngoại hôm nay, trong hoàn cảnh “một chốn đôi quê” đang áp ủ những nỗi niềm cần được giải đáp. Niềm riêng là đối với đạo pháp và dân tộc. Niềm chung là với Phật giáo và thế giới.

Chúng ta đang đi vào thế kỷ XXI và cũng là những năm đầu của thiên niên kỷ thứ 3. Thời gian cứ trôi đi, trôi mãi chẳng chờ đợi ai! Cuộc đời cũng cứ chảy theo dòng sông không hề ngừng nghỉ. Vấn đề đặt ra là, chúng ta đã làm được gì cho cuộc sống hôm nay và ngày mai? Nghĩ xa hơn nữa thì đạo Phật đã chuyển hóa được những gì trên địa cầu này và đã đóng góp được những gì cho nhân loại hôm nay cùng tất cả chúng sinh mai sau? Một trong những chức năng của Phật giáo là phụng sự nhân sinh và đem lại an bình cùng hạnh phúc cho cuộc sống! Trong chức năng đó, vào hoàn cảnh xã hội đương thời, Phật giáo đang ở vị trí nào để đáp ứng nhu cầu thời đại hầu việc cứu độ được viên mãn?

X • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Nhìn ra thế giới, về mặt chính trị và kinh tế, người ta đang sắp xếp để hình thành một trật tự thế giới mới trong bối cảnh đa văn hóa, đa chủng tộc và đa tôn giáo. Chỉ xét về mặt tôn giáo không thôi, có đến hàng chục ngàn khuynh hướng khác nhau. Nhưng nếu kể đúng ý nghĩa một tôn giáo có tổ chức, hệ thống, giáo chủ, giáo lý và tín đồ... thì cũng không nhiều. Tuy nhiên, người ta đánh giá chỉ có 4 tôn giáo lớn, trong đó Phật giáo là một.

Từ khi khoa học có mặt và phát triển thì con người chạy theo nhu cầu vật chất, đổi hướng tư duy, mất dần niềm tin tôn giáo, khiến các tôn giáo cũng bị thử thách và khủng hoảng. Trong thực trạng đó, chúng tôi đã đặt một số câu hỏi dựa vào những diễn biến đã và đang xảy ra đối với Phật giáo, đã được thầy Thích Nhật Từ giải đáp thành tài liệu này.

Toàn bộ cuộc phỏng vấn đã được phân ra thành nhiều vấn đề. Từ nỗi lo về sự khủng hoảng của Phật giáo đến nhu cầu hiện đại hóa và làm sao mở rộng vấn đề hoàng pháp cùng việc đem đạo vào đời... Sau nữa là thắc mắc xem có cách nào làm sống lại đạo Phật ngay nơi quê hương của đức Thế Tôn không? Đồng thời, cũng nhìn thấy những âm mưu chống phá đạo Phật bằng cách viết sách xuyên tạc cùng truyền thông bóp méo thường xảy ra. Ở đây chỉ dẫn chứng 2 thí dụ để cảnh giác. Câu hỏi sau cùng là, xin thầy cho biết cái nhìn của thầy qua chuyến vân du qua Mỹ này.

Đọc giả có thể tìm thấy trong tập sách nhỏ này một cuộc vấn đáp đầy thú vị và hấp dẫn. Câu hỏi là những nỗi niềm trăn trở của người Phật tử, lời đáp là thái độ của một vị thầy. Cả hai đều đối thoại từ sự nhận xét với ngôn ngữ rất thẳng thắn và xây dựng.

Bài học mà mỗi người rút ra qua cuộc trao đổi này là tùy mức độ nhận thức của từng người. Hiện nay, chúng ta đang

sống trong một thế giới đầy những biến động tâm thức, giống như một giòng sông nước đang chảy xiết mà trong kinh gọi là “bộc lưu”.

Có lần được hỏi cách làm sao qua khỏi bộc lưu, đức Phật đã trả lời: “Nhu Lai không dừng lại, Nhu Lai không bước tới nên qua được bộc lưu. Vì dừng lại sẽ bị chìm mà bước tới thì bị cuốn đi.” Đó là thái độ sống của người tỉnh thức mà chúng ta phải học và áp dụng.

Để kết thúc phần giới thiệu tập tài liệu này, chúng tôi xin mượn lời của đức Đạt Lai Lạt Ma gửi gắm đến giới trẻ trên khắp thế giới trong một cuộc phỏng vấn bởi 2 giáo sư tâm lý Mỹ Dawn Engle và Ivan Suvanjieff năm 1955 như sau:

“Các bạn thân mến, là con người sống trên hành tinh nhỏ bé này, thời gian luôn trôi chảy và chuyển biến. Trên một phương diện nào đó, vạn vật chuyển biến là rất tốt, vì nếu không đổi thay thì những hiện tượng tiêu cực vẫn còn. Nhờ sự chuyển đổi mà người ta luôn có niềm hy vọng. Lúc này, tôi muốn chia sẻ với các bạn một điều là, vạn vật luôn chuyển đổi thay theo chiều hướng tốt hơn. Sự đổi thay chứa đầy giá trị nhân sinh! Tôi nghĩ rằng, đó là cách sống mà chúng ta nên theo đuổi.”

Phật giáo không lìa cuộc sống, không xa dòng đời mà chỉ làm đẹp xã hội, chuyển hóa con người tiến đến chân - thiện - mỹ. Mong rằng sau khi đọc xong tài liệu này, quý vị sẽ hướng về tương lai, nhìn thấy con đường chuyển pháp luân mới hợp tình, hợp lý, hợp cảnh đúng theo thời đại.

California, ngày 13/12/2005

Mật Nghiêm

Chương 1:

HIỆN ĐẠI HÓA PHẬT GIÁO



Bài trả lời phỏng vấn của Thầy Thích Nhật Từ về vấn đề: *Hiện Đại hóa Phật giáo nhằm áp dụng thực tiễn trong đời sống, đem lại lợi ích thiết thực cho muôn loài.*

Cư sĩ Mật Nghiêm (CSMN): *Kính bạch thầy! Nhân dịp sắp đến mùa lễ Vu lan, theo chúng con biết, lễ Vu lan là đại lễ của Phật giáo và mang đậm tính truyền thống dân tộc. Thực ra, Phật giáo Bắc tông và Nam tông có sự khác nhau. Bắc tông tổ chức lễ kỷ niệm ngày Vu lan, Nam tông thì chỉ dâng y vào ngày rằm tháng bảy. Chúng con được biết, đời nhà Đường năm 582 bắt đầu cổ vũ làm lễ hội Vu lan. Có dư luận cho rằng, những kinh điển được viết sau này đều từ bên Trung Hoa. Xin thầy cho biết về vấn đề này?*

Thích Nhật Từ (TNT): Vu lan là lễ hội văn hóa rất quan trọng bởi được đặt trên tinh thần truyền thống văn hóa: “*Uống nước nhớ nguồn*”, đạo lý báo hiếu của con cháu đối với những bậc cha mẹ đã khuất. Nhân cơ hội đó, con người mở rộng tình thương đến với những người quá cố bất hạnh khác. Tuy nhiên, đề cập tới nguồn gốc ra đời của lễ hội như cư sĩ vừa nêu có rất nhiều vấn đề phức tạp tạo nên sự tranh luận và sẽ không bao giờ kết thúc. Chúng ta xác định, lễ hội Vu lan chỉ có trong Phật giáo đại thừa Trung Hoa. Không có bản *kinh Vu Lan* nào trong đại tạng kinh của người Tây Tạng cũng như chữ Sanskrit hay tiếng Pali. Từ đó, người ta đặt ra tính chính thống và không chính thống của nó.

Nhìn nhận khách quan

Khi tiếp xúc *kinh Vu Lan* và *kinh Báo Ôn Phụ Mẫu*, chúng tôi có cái nhìn khác. Ở đây, không đặt nặng về vấn đề nguồn gốc ra đời hay tính văn bản học của nó. Chúng tôi chỉ đặt trọng tâm trên giá trị hành trì khi ứng dụng nó như một truyền

4 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

thống văn hóa. Nếu tiếp xúc dưới góc độ này thì giá trị lợi lạc sẽ cao và nhiều hơn. Tính cách, giá trị ngài Mục Kiền Liên nêu trong *kinh Vu Lan* hoàn toàn khác với những tính cách, giá trị ngài đã đóng góp cho lịch sử hoàng pháp của đức Phật. Bên cạnh tướng quân chính pháp Xá Lợi Phất, Ngài Mục Kiền Liên nổi tiếng về thần thông đệ nhất và là cánh tay trái của đức Phật. Hình ảnh đức Mục Kiền Liên có lòng hiếu thảo không hề biết đến trong lịch sử của người Ấn Độ là sự kiện có thật. Với tính cách một con người lịch sử, có thể thấy mâu chốt của sự chuyển tiếp có thể tạm gọi là sự chuyển nghiệp giữa ngài Mục Kiền Liên trong quá khứ và ngài Mục Kiền Liên ở thời hiện tại của đức Phật.

Trong đời quá khứ, ngài Mục Kiền Liên từng nổi tiếng là kẻ bất hiếu, sự bất hiếu này do ngài quá thương người vợ của mình. Lúc đầu, ngài là người con rất hiếu thảo, sau đó người vợ hoạn thư không muốn chia sẻ tình cảm của chồng cho bất cứ ai khác, dù là cha hay mẹ ruột. Bà tìm cách phân ly tình cảm thiêng liêng đó bằng cách trước mặt ngài Mục Kiền Liên bà hiếu thảo hết mình, nhưng sau lưng thì đánh mắng, chửi bới, thậm chí còn bỏ đói. Cha mẹ của ngài Mục Kiền Liên rất hiếu tâm lòng con, ông bà không muốn đặt con mình trong hoàn cảnh khó xử, nếu theo cha mẹ thì mất vợ và ngược lại. Hai ông bà cứ nhẫn nhịn chịu đựng để con được hạnh phúc, nhưng chuyện gì đến cũng sẽ đến. Người vợ không chấp nhận mức độ ứng xử đó, bà đưa ra sự lựa chọn, nếu chọn vợ thì phải bỏ cha mẹ hoặc chọn cha mẹ thì phải ly dị vợ. Trong tình huống đó, ngài Mục Kiền Liên đã chọn con đường làm người con bất hiếu. Ngài đưa cha mẹ đến bên bờ vực, tặng cha mẹ một chiếc gậy trên chiếc xe lăn để đẩy cha mẹ xuống vực sâu. Ngài Mục Kiền Liên quay đi đúng lúc bà mẹ bị tai nạn. Bà cất tiếng hô to, con ơi chạy đi! Con ơi chạy

đi, mẹ và cha đang bị nạn, kẻ cướp giết giật, nhưng thực tế không có kẻ cướp nào cả. Tác nhân tạo ra biến cố khổ đau đó chính là ngài Mục Kiền Liên, con trai của bà.

Với lòng thương tưởng của bậc cha mẹ, luôn luôn đặt giá trị và sự trưởng thành của con cái lên trên nên vợ chồng bà sẵn sàng mong cái chết, sự bất hạnh đó về phía mình chứ không muốn con mình cùng chịu. Trước tình cảnh đó, ngài Mục Kiền Liên mới xót xa về mẹ. Mẹ đứng trước cái chết do chính mình tạo ra ấy thế mà vẫn hoài vọng, mong mỏi con hãy chạy đi để được thoát chết. Ngay giờ phút ấy, Ngài ăn năn hối hận thì quá muộn, cái chết đã diễn ra! Từ đó đến những kiếp về sau, khi ngài Mục Kiền Liên có mặt, ngài luôn luôn phát nguyện làm người con hiếu thảo. Dựa vào yếu tố đó, biến cố trong tiền kiếp nào đó mà bản kinh đại thừa về sau, đặc biệt *kinh Vu Lan* đã vẽ ra một ngài Mục Kiền Liên đầy lòng hiếu thảo là quan trọng nhất chứ không phải thần thông và nhờ lòng hiếu thảo đó, thần thông trở thành một công cụ nhưng vẫn không vượt ngoài sức mạnh lôi kéo của nghiệp lực. Nghĩa là, ai tạo ra hệ quả xấu thì người ấy phải chấp nhận hậu quả, không thể để người khác thay thế, gánh chịu hộ, phải tự tháo gỡ, chuyển hóa bằng chính cái tâm của người đã tạo.

Triết lý của *kinh Vu Lan*, ngoài giá trị lòng hiếu thảo, còn là mối quan hệ rất thiêng liêng, dù có thể nó ra đời rất muộn, không có mặt trong truyền thống kinh đại thừa, nhất là trong truyền thống Nam tông nhưng nó vẫn là cái cần phải truyền thừa.

Thiết lập mối quan hệ giữa người tại gia và xuất gia

Thứ nhất, mối quan hệ giữa người xuất gia và người tại gia được thiết lập. Truyền thống *kinh Vu Lan* đã thiết lập mối quan hệ đó ở mức độ, người xuất gia đặt hết tâm lực, sức lực của mình vào sự tu tập để chuyển hóa nghiệp lực, nhờ sự đầu

6 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

tư đó người xuất gia trở thành rường cột, điểm tựa của tâm linh, cái mà người tại gia với vai trò, thời gian giới hạn, trách nhiệm gia đình nặng nề không cho phép làm được. Bên cạnh chuyện học hỏi cung kính, người tại gia có chức năng hỗ trợ người xuất gia về vật chất, điều đức Phật từng nói, đây là con đường giao lưu, một bên cung ứng tinh thần và tâm linh, một bên hỗ trợ vật chất, hai bên cùng đạt được giá trị lợi lạc như nhau. Có nghĩa, hai bên đều hưởng cùng giá trị, không bên nào nghiêng về một phía, vì nếu đặt nặng về vật chất thì cuộc đời sẽ dẫn đến bế tắc, nặng về tinh thần và tâm linh mà không có vật chất thì tinh thần và tâm linh không thể nào trưởng thành được.

Đức Phật tạo ra nhịp cầu quan hệ rất thân mật để hỗ trợ lẫn nhau, mỗi người có một vai trò, nền tảng trong *kinh Vu Lan* đã thiết lập được chất liệu đó. Vì vậy, chúng ta tiếp tục duy trì nền tảng đó để đừng đẩy các thầy vào thế phải tự lập kinh tế. Dĩ nhiên, họ phải dần thân như các nhà sư Nhật Bản, có thể làm kinh tế giỏi hơn người tại gia, vì kinh tế đó không phục vụ gia đình. Họ có thể làm lớn, nhưng khi đầu tư thời gian quá nhiều vào kinh tế, rõ ràng chất liệu tâm linh bị giảm xuống. Người nào đặt nặng quá về bê-tông cốt thép thì tâm hướng về đạo đức, hoàng pháp bị giảm sút như sự tất yếu bù trừ. Do đó, tạo điều kiện cho Tăng-Ni phát triển tâm linh còn mình phát huy về kinh tế, hai bên phối hợp lẫn nhau thì mối quan hệ đối tác đó là mối quan hệ lý tưởng mà đức Phật đã dạy trong kinh điển cách đây nhiều thế kỷ.

Bài học hiếu thảo

Bài học thứ hai, thấy được trong *kinh Vu Lan*, lòng hiếu thảo có giá trị rất lớn, cha mẹ được đức Phật quan niệm như hai đấng Phạm Thiên, hai vị Phật trong cuộc đời. Thế mà hiếu thảo và thần thông vẫn không thể tháo gỡ được những

nghiệp xấu đã gieo trồng. Trong *kinh Pháp Cú*, đức Phật nói, một nghiệp xấu đã gieo dù có trốn trên núi cao, lặn dưới biển sâu hay chui xuống lòng đất như địa đạo Củ Chi chẳng hạn thì nó vẫn xuất hiện. Nghĩa là, ai đã tạo nghiệp thì người đó phải chấp nhận. Như vậy, sự hỗ trợ của cộng đồng với tư cách: “*Đức chúng như hải*” là sự hỗ trợ giao hưởng tâm linh. Khi nhiều người, các thành phần của những người này đều là những con người hoàn thiện về đạo đức, tâm linh, thành tựu được đạo quả thì rõ ràng, vùng từ trường về lòng từ bi, tuệ giác rất lớn nên chức năng ảnh hưởng và lây lan tâm lý dẫn đến hành động trong cuộc sống đối với người tại gia là chuyện có thể thiết lập được. Việc cúng dường mười phương Tăng, đặc biệt những vị A-la-hán, không phải yếu tố quan trọng khiến mẹ ngài Mục Kiền Liên giảm và chuyển được nghiệp nga quý mà chính sự giao thoa tâm linh đó đã kích thích, tác động đến bà để bà tự chuyển đổi nghiệp bồn xén.

Ví dụ, nhìn bát cơm một tay bưng ăn, một tay che đậy không muốn người khác cùng chia sẻ, tâm hạnh tùy hỷ bị giết chết bởi góc độ bồn xén. Ngược lại, sự giao thoa tâm linh nhường cơm sẻ áo, cúng dường trai Tăng làm bà ý thức được, tại sao lại có những con người bỏ tiền mua những sở hữu tài sản để tạo phước lực, an vui cho cuộc đời thì mình lại rút những cái người ta quan niệm như đờm giải, ỏi mửa. Sự giao thoa tâm linh đó đã làm cho bà chuyển hoá được nghiệp bồn xén nga quý. Tiếp đến, người bồn xén nào cũng có những tâm niệm nuôi tiếc, theo tâm lý học của thuyết tái sinh nhà Phật thì nuôi tiếc là một trong những mãnh lực rất lớn giữ người ta trong lực hút luân hồi, nếu chặt đứt được sự nuôi tiếc ấy thì bây giờ có được lực ly tâm chứ không phải lực hướng tâm. Lực ly tâm này làm người ta không còn bị “*lên voi xuống chó*” trong hạnh phúc và khổ đau, không còn

8 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

những biến loạn do quá trình sự sống thuận, nghịch. Lúc đó, trạng thái tâm lý bình ổn, nhẹ nhàng và rất an lạc! Như vậy, thông qua cách thức đức Phật dạy ngài Mục Kiền Liên, thiết lập đạo tràng, nơi mà mọi người hướng về cùng một mục đích, tiêu chí an lạc và hạnh phúc cho mọi người thì chắc chắn sự cộng hưởng giao thoa tâm linh đó sẽ chuyển hóa được rất nhiều nỗi khổ, niềm đau trở thành hạnh phúc, địa ngục thành “*cực lạc thanh lương*”. Đó là những gì chúng ta có thể làm được thông qua sự kiện cụ thể bản *kinh Vu Lan* đề cập.

Chuyển hóa tự lập

Bài học thứ ba, con đường chuyển hóa, con đường tự lập có thể đúc kết từ bản *kinh Vu Lan* này. Ở đây, không hề hiện diện thần thông của một vị Bồ tát hay vị Phật bất kỳ đóng vai trò chuyển hóa mẹ ngài Mục Kiền Liên từ thế giới nạ quỷ trở thành thế giới chư Thiên, mà tự bà tạo lực đẩy cho chính mình bằng cách chuyển hóa tâm thức mà thôi. Tăng chúng, phước lực, phước báu chỉ đóng vai trò chất xúc tác tạo lực đẩy theo cách thế mong muốn chứ đừng nghĩ tha lực của chư Phật tạo ra được hệ quả giúp bà siêu sinh thoát hóa. Hiểu vậy, vô tình quá xem thường lòng từ bi của chư Phật và Bồ tát, có nghĩa, ở chỗ nào có sự van xin, lạy lục, cầu khẩn, thiết lập đàn tràng thì sự linh ứng có mặt còn những nơi nào không đủ điều kiện làm điều đó về phương diện kinh tế thì chẳng lẽ vĩnh viễn không bao giờ có những giá trị lợi ích hạnh phúc hay sao. Rõ ràng không, ở đây, đức Phật muốn nói cách thức chuyển nghiệp, cái có thể vận dụng và hỗ trợ bằng những lực tương trợ lẫn nhau.

Một người A cùng làm có thể tạo ra ảnh hưởng lây lan cho người B và tiếp tục tạo ảnh hưởng lây lan người C. Cứ vậy, mỗi những ngọn đuốc công đức thứ nhất, thứ mười cho đến

thứ một trăm, do đó, hạt giống công đức sẽ phủ trùm mà quy luật nhân quả thường được diễn ra theo cách thức loại trừ lẫn nhau giữa các hạt giống tốt và xấu, phiền não và thanh tịnh, sinh tử và Niết bàn theo cách lực nào mạnh hơn sẽ tác động và làm lực kia được chuyển hóa. Vì vậy, về đời sống tâm linh, cộng đồng Tăng-Ni với sự hộ trì của mười phương Tăng đã tạo giao hưởng tác động lên và chuyển hóa được đời sống nội tâm của một người xem như tội lỗi, người này chính là mẹ của ngài Mục Kiền Liên. Như vậy, thần thông vẫn chịu thua trước nghiệp lực, chỉ có những tấm lòng của con người với nhau mới tháo gỡ được những bế tắc mà thôi. Nếu lúc đó phân định ai lỗi ai phải và có quan niệm, bà Thanh Đề gieo nghiệp xấu nên phải chịu hậu quả với sự trừng phạt, tù tội của địa ngục cao cấp mới giúp bà chuyển hóa thì rất sai lầm.

Nhà Phật dạy, sự chuyển hóa bắt nguồn từ con đường giáo dục chứ không phải con đường trừng phạt. Sự trừng phạt có thể giúp người kia không có cơ hội gieo hạt giống xấu trong tương lai, tổn thất xấu đối với cộng đồng được xem như tạm lánh mặt. Thực tế, hạt giống xấu này vẫn nằm sâu trong đó, khi nào gặp xúc tác xấu thì nó có mặt dưới dạng thức tinh vi, bành trướng hơn và cuối cùng nạn nhân vẫn là nạn nhân, khổ đau vẫn hoàn khổ đau. Trừng phạt bằng tù tội, trù dập, trù dập từ đời cha đến đời con, đời cháu, đời chắt, thậm chí đến những thế hệ không hề liên can cũng gán ghép vào tội theo kiểu chế độ quân chủ tru di tam tộc, hoặc theo tư tưởng trong giới hạn lịch sử của nhiều triều đại vua chúa Việt Nam đã làm, “*đời cha ăn mặn đời con khát nước*”. Rõ ràng sự trù dập đó không phản ánh được bản chất quy luật nhân quả, cuối cùng, cái con người cần có vẫn không đạt được trong cuộc đời.

10 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Chuyển hóa tâm thức

Nhà Phật dạy, thay vì trừng phạt tù tội, tốt nhất nên chuyển hóa tâm thức cho họ, đừng trừng phạt mà hãy chuyển hóa. Chuyển hóa bàn tay từng ăn cắp thành bàn tay bố thí và chia sẻ, từ tấm lòng bòn xén thành tấm lòng từ bi, từ cái tâm sân hận thành tâm hoà hợp, đoàn kết thương yêu. Như vậy, đạo Phật không dạy chặt bỏ mà chỉ dạy chuyển đổi thôi, sự chuyển này nằm trong công tác của tâm. Khi tâm được chuyển thì mọi thứ trong cuộc đời chuyển theo. Con đường chuyển nghiệp chính là con đường thay đổi vận mệnh và chính là nền tảng của sự an vui và hạnh phúc, nên giáo dục được nhà Phật ca ngợi như thần thông phép màu.

Trong kinh điển Pàli, đức Phật thường gọi, thần thông giáo hóa. Nghĩa là, biến con đường hoằng pháp, giáo dục, cải tạo tâm lý xấu thành mẫu nhiệm cho cuộc đời. Trong cuộc sống, có thể cảm nhận được điều đó, chỉ cần làm một việc lành thì ngay lập tức trở thành người tốt chứ không cần phải đợi đến đời kiếp sau. Vì thế, nhà Phật thường có thái độ dứt khoát, không sử dụng thần thông như cách thức gây ấn tượng, tạo sự chú ý của người khác khiến họ từ bỏ tôn giáo của họ để theo đạo Phật. Đạo Phật cũng không bao giờ sử dụng thần thông mê hoặc quần chúng để có thêm nhiều tín đồ, sự hỗ trợ “*nhất hô bá ứng*” mà chỉ sử dụng thần thông trong tình huống ngoại lệ, thay đổi cuộc đời bằng sự chuyển hóa nỗi khổ niềm đau. Trong hai tình huống này, đức Phật cho phép.

Nếu áp dụng lời kinh, vận dụng được chính pháp vào đời sống đạo đức để chuyển hoá cuộc đời thì ngay sự chuyển hoá đó đức Phật nói, đang thực hiện được điều thần bí và giá trị thần bí đó mới quan trọng. Dù sao đi nữa, chúng ta vẫn thừa nhận giá trị văn hoá về “*uống nước nhớ nguồn*”, tình cảm thiêng liêng giữa con cái với cha mẹ, đạo lý hiếu thảo, sời

dây thiết lập giữa vật chất và tâm linh, giá trị của sự chuyển hóa thay vì trừng phạt. Tất cả những giá trị đó không bao giờ chấm dứt, dù biết rằng *kinh Vu Lan* do các tổ Trung Hoa tạo ra. Nó mang dáng dấp và âm hưởng, dữ liệu và đời sống trên nền tảng Trung Hoa nhưng con đường truyền bá nền văn hóa này vẫn được tiếp tục bởi nó mang lại lợi lạc cho số đông mà chúng ta là một trong những đối tượng rất quan trọng.

CSMN: *Xin cảm ơn thầy! Con có một câu hỏi xoay sang vấn đề khác. Ở Mỹ, có giáo sư tiến sĩ P.D Santina, học giả Phật giáo rất tiếng tăm đã viết nhiều sách. Năm 1978 ông viết về Trung luận của ngài Long Thọ, năm 1986 ông viết Triết Đông và Tây, năm 1987 viết một bộ sách có tên Tây Ngộ. Bộ sách này nói rất nhiều về giáo lý đạo Phật. Ông là giáo sư được giảng dạy ở Mỹ, Singapore, Ấn Độ. Có thời gian ông đi thăm nhiều nước ở Á Đông, sau khi về thì ông có nhận xét: Người âu Mỹ đến với đạo Phật là đến với những cái tinh túy của đạo Phật, thấy đạo Phật rất hợp với khoa học và trên tinh thần tự do, bình đẳng nhưng khi ông sang Đông Nam Á thì thấy, đạo Phật đang già đi và có nhiều tính chất mê tín trong đó. Thưa thầy, đó là điều làm con xúc động. Con nghĩ, Việt Nam mình có nằm trong tình trạng như thế không? Thầy nghĩ sao về nhận xét của giáo sư, học giả ở Mỹ về Phật giáo?*

TNT: Giáo sư Santina là người tốt nghiệp tiến sĩ triết học tại trường đại học Newdheli, cuốn sách *Bồ tát Long Thọ* xuất bản năm 1978 là luận án tiến sĩ của ông. Vai trò của ông trong vấn đề giới thiệu đạo Phật rất khoa học, phù hợp với lý trí là một trong những con đường rất quan trọng, không thể thiếu đối với các nhà hoàng pháp tại Hoa Kỳ và nói chung ở phương Tây. Lời nhận xét của ông quả thật chính xác bởi nền văn hóa phương Tây từng trải qua kinh nghiệm việc cường

12 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

điều hóa quá mức vai trò của tha lực thông qua niềm tin. Niềm tin và tha lực này có mối liên hệ mật thiết với các học thuyết quan trọng về cội tổ tông, sự cứu rỗi của Thượng đế nhưng cuối cùng, những lời hứa hẹn đó vẫn không thể thấy trong cuộc sống thực tế của con người.

Ví dụ, đứng trước nỗi khổ niềm đau của nhân loại tạo bởi thiên tai lũ lụt, động đất, sóng thần, hạn hán, mất mùa, bệnh tật, chết chóc... chỉ thấy con người với tính cách những con người biết tương thân tương ái, hỗ trợ lẫn nhau trong biến thái nguy khốn của cuộc sống chứ thực tế chẳng thấy Thượng đế hay Thần linh nào cả. Thậm chí, những người cuồng tín hơn còn cho rằng, do cầu nguyện Thượng đế nên ngài sai những người thánh thiện ấy đến phục vụ loài người, rõ ràng đang thần tượng những cái thực tế cuộc sống không hề có.

Vai trò của đấng cứu rỗi

Dựa vào kinh thánh Cựu ước và Tân ước, sự ra đời lần thứ hai - ngày phán quyết cuối cùng của đức Chúa được đánh dấu bằng những giai đoạn động đất đến khi xuất hiện nạn hồng thủy nên có nhiều nơi động đất, đặc biệt bên Ấn Độ có nạn động đất ở *Punjab* cách đây mấy năm, một số Linh mục cực đoan ghi những câu, Chúa Giêsu đang đến với cuộc đời của chúng ta, hãy tin vào Chúa để được cứu rỗi. Như vậy, nếu sự ra đời hay xuất hiện lần thứ hai của Chúa lại mang đến nỗi khổ niềm đau như thế, tại sao phải tin theo Chúa, Thần linh? Vì thế, trong kinh điển nhà Phật thường dạy một câu, đặc biệt câu đức Phật nói về vai trò của Phạm Thiên, nếu thực sự có Phạm Thiên trong cuộc đời thì Như Lai Thế Tôn sẽ liệt Phạm Thiên vào hàng bất công, vì đã tạo ra một thế gian hư hỏng.

Câu nói rất hay, khiến nhận thức về Thượng đế, vai trò của tha lực đảo lộn, sụp đổ. Tin vào điều đó thì sẽ có ý thức

trách nhiệm về đời sống của mình, ý thức này làm cho con người phải phát minh ra những loại máy móc biết được thời tiết, khí hậu, mùa màng, phát hiện ra những trận động đất, sóng thần, thiên tai lũ lụt để ngăn chặn trước khi chúng xảy ra. Làm vậy mới khắc phục được những nỗi khổ niềm đau một cách tối đa. Dĩ nhiên, những công cụ khoa học đó chỉ là phương tiện hỗ trợ chứ không phải giải pháp tối ưu, giải pháp cuối cùng vẫn là giải pháp chuyển hoá đời sống nội tâm.

Ảnh hưởng của phong tục tập quán

Trở lại vấn đề Phật giáo châu Á, nơi thường được các nhà Phật học ví như loại dây tầm gửi bám trên thân thể cây bồ đề. Cây bồ đề là giá trị của đạo Phật, có sức sống, tàng bóng che mát với tuổi thọ mấy trăm năm. Thế mà khi dây tầm gửi hoạt động thì những tác dụng của cây bồ đề bị ảnh hưởng đến độ người ta không muốn thừa nhận cây bồ đề đó là cây bồ đề nữa, người ta muốn chặt bỏ vì phong tục tập quán bản địa. Đạo Phật có học thuyết “*Tùy Duyên Bất Biến*”, rất tiếc, khi ảnh hưởng của nền văn hóa bản địa thì có được chất liệu tùy duyên nhưng lại bị biến theo. Ví dụ, ở Trung Hoa có hai nền văn hóa rất lớn là Khổng giáo, Lão giáo phối hợp với đạo Phật trở thành nền văn hóa Tam Giáo Đồng Nguyên. Dĩ nhiên, Tam giáo đồng nguyên là học thuyết “*Đối thoại liên tôn*” trong tư thế mang tính cách hoà hợp rất hay nhưng làm giảm giá trị của đạo Phật rất nhiều. Các nhà Phật học có khuynh hướng đối thoại liên tôn và dần thân như một thành phần của liên tôn, nhưng cũng nên ý thức vấn đề đó, vì bản thân đức Phật cho thấy rõ, không bao giờ Ngài chà đạp các tôn giáo khác.

Tuy vậy, nếu có người thỉnh Ngài nói về giá trị của các tôn giáo khác có mặt lúc bấy giờ, Ngài cũng nói rất rõ, ai đi theo *Makali* (người chủ trương không nhân không quả) người đó bị bết tắc, nỗi khổ niềm đau sẽ có mặt với họ từ đời này sang

14 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

kiếp khác. Nói vậy không có nghĩa đức Phật phê phán các tôn giáo khác mà Ngài muốn cất lên tiếng nói chân lý, không tin nhân quả, không có luân hồi thì người ta thiếu trách nhiệm đạo đức. Một khi thiếu trách nhiệm đạo đức thì nỗi khổ niềm đau xuất hiện, bởi con người thấy những kết cục giống nhau tội gì phải làm việc lành. Vai trò của liên tôn, đối thoại tôn giáo không nằm ở thế muốn người ta có thiện cảm với mình nên phải hạ đạo Phật xuống ngang với các tôn giáo khác, không cần làm điều đó vì đạo Phật có ngũ thừa, phần nhân thừa và thiên thừa đã phủ trùm lên các tôn giáo khác rồi.

Ví dụ, tu theo đạo Lão hoặc Thiên chúa giáo thì thuộc về Thiên thừa, tu theo đạo Khổng và một phần của Cơ Đốc giáo cách tân thì thuộc về nhân thừa, tức trở thành người tốt, tích cực và giàu có về kinh tế, làm việc phước báu với giá trị được sinh về cảnh giới của chư thiên hoặc nếu làm người thì được ấm no, hạnh phúc, thuận lợi là hết. Ngoài giá trị thiên thừa và nhân thừa giữ vai trò nền tảng quan trọng nhất, nhà Phật còn dạy những đạo lý siêu nhân bản là đạo lý thánh và giải thoát theo con đường Thanh văn, Bồ tát, Phật, giá trị không thể tìm thấy ở bất kỳ tôn giáo nào.

Theo tuệ giác đức Phật, một hành giả chưa chuyển hoá được năng lực tính dục trở thành năng lượng của tuệ giác, năng lượng ích kỷ thành năng lượng vô ngã vị tha, năng lượng tham, sân, si thành năng lượng tâm linh thì vẫn xem là phạm phu tục tử, dẫu được phong thánh, tặng tước vị hay ca tụng cỡ nào cũng vẫn là người bị đối chọi và chịu trách nhiệm trực tiếp với nỗi khổ niềm đau. Theo nhà Phật, con đường của sự chuyển hóa là con đường dẫn thân đặt trên nền tảng tuệ giác, được vậy thì sẽ khiến đạo Phật khác với các tôn giáo khác. Khi đạo Phật du nhập và mang dáng dấp nền văn hóa Trung Hoa, những phong tục tập quán sai lầm của người

Trung Hoa đã bám víu lên bề mặt cây bồ đề của đạo Phật. Vì thế, nhiều người không nhìn thấy được đạo Phật với vai trò tâm linh, dưỡng chất tinh thần quan trọng, thậm chí còn phê bình đạo Phật yếm thế, ích kỷ, dành cho những người già như vừa trao đổi.

Tương tự, khi đạo Phật du nhập vào nền tảng văn hóa Việt Nam vốn ảnh hưởng nền văn hóa Tam giáo đồng nguyên thì cũng hấp thu một lần nữa cộng với nền văn hoá bản địa mê tín dị đoan. Nên, chúng ta cần phải làm mới đạo Phật ở chỗ, đừng chặt cây bồ đề, chỉ chặt những dây tầm gửi bám lên đó thì mới có vai trò đóng góp cho cuộc đời và xã hội rất nhiều.

Phật giáo ở phương Tây

Phương Tây là thế giới khoa học đã bị hãm và ảnh hưởng rất lớn của nền văn hóa Cơ đốc giáo thông qua mọi lĩnh vực như chính trị, giáo dục, kinh tế... bây giờ, họ khai phóng tách rời tôn giáo ra khỏi hệ thống chính trị. Nhờ đó, tạo bước nhảy vọt trong thế giới hiện tại về khoa học kỹ thuật cao và vượt xa mấy chục lần thế hệ cha ông cách đây nhiều thế kỷ. Nền tảng khai phóng này cho phép họ nhìn nhận, đánh giá một vấn đề rất khách quan. Một khi nhìn nhận khách quan sẽ tiếp nhận được tuệ giác mà đức Phật đã nói trong kinh, điều ở các tôn giáo khác không thể có và sánh bằng được. Từ đó, họ đến với đạo Phật thông qua con đường của lý trí, thiên quán, dĩ nhiên không loại trừ con đường thần bí của Mật tông Tây Tạng.

Khi họ tiếp xúc một đạo Phật gốc từng có mặt tại Ấn Độ như một cái nôi đã sinh ra và đạo Phật truyền thừa qua các nước Nam tông ở Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan, Lào, Campuchia hay những nước Phật giáo Bắc tông như Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam thì họ hoàn toàn giạt

16 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

mình vì thấy hình thái không khác mấy so với hình thái họ gặp trong tôn giáo bản địa của châu Á. Đó là điều đáng tiếc!

Chúng tôi tin, tương lai đạo Phật phương Tây sẽ trở thành đạo Phật gốc. Đạo Phật này có phương pháp khoa học để hoằng truyền, có tổ chức vững chắc để phát huy, có cách thức nghiêm túc để hành trì, có những sự dẫn thân rất tích cực hơn đạo Phật tồn tại quá nhiều dây mơ rễ má của nền văn hóa châu Á. Gắn liền với phong tục tập quán, đạo Phật khó có thể phát triển. Tùy duyên là điều hay nhưng tùy duyên làm mất gốc và biến những dây mơ rễ má thành chân lý. Cái không phải của đạo Phật được truyền tụng, phổ biến, tán dương còn chân lý thuộc về đạo Phật khi nói tới cảm thấy xa lạ nên có khuyến tấn cách nào cũng không có tác dụng tích cực như phương Tây tiếp cận với đạo Phật.

Chúng tôi mong trong tương lai, đạo Phật ở Hoa Kỳ và phương Tây nói chung, là đạo Phật của thiền quán, tự lực, dẫn thân, đạo đức học, tâm lý học, đạo học, và của xã hội. Lúc đó sẽ mang lại giá trị tinh thần rất lớn cho cộng đồng hải ngoại và không còn quá lệ thuộc vào tha lực nữa, vì điều đó trong nền văn hóa phương Tây quá dư thừa, đến độ không tin nữa, vì họ đã từng mơ ước nhưng không bao giờ trở thành hiện thực.

Vận dụng tiềm năng bản địa

Như vậy, nếu cứ tiếp tục du nhập Phật giáo theo bước chân cách đây mấy ngàn năm, điều họ đã từng làm và lìa bỏ thì rõ ràng trở thành rất lạc hậu. Theo chúng tôi, nhập cảng nguyên xi nền Phật học châu Á vào phương Tây là một sai lầm. Do đó, có thể vay mượn hình ảnh ẩn dụ, ngụ ngôn “*Tùng địa đông xuất*” trong *kinh Pháp Hoa* rất có chiều sâu ở chỗ, khi các vị Bồ tát ở các hành tinh khác thấy được sự kiện hy hữu, đức Phật Thích Ca có mặt trong cõi đời ác thế:

Tuổi mạng ngắn ngủi, tâm tính can trường, sức khỏe ít, hoàn cảnh điều kiện không thuận lợi, thế giới rất giòn bở thế mà Ngài vẫn tu tập thành công đạo giác ngộ, giải thoát rồi bằng con đường của tự lực nên các vị đến tán dương công đức và đánh lễ để gieo duyên với Ngài.

Các vị Bồ tát đã phát nguyện: Bạch đức Thế Tôn! Nếu ngài không chê, chúng con sẽ hỗ trợ ngài bằng cách tán dương đạo lý tiềm năng tuệ giác giác ngộ, hỗ trợ cho những hành giả truyền bá đạo lý đó, làm cho đạo tràng của đạo lý tiềm năng Phật tính có mặt khắp mọi nơi, mọi chốn và chúng con tin chắc sẽ thành công. Lúc bấy giờ, đức Phật không nhận ngay thiện chí đó, Ngài đưa ra cách rất hay. Ngài nói, ở trong thế giới của chúng tôi dù chưa có những vị Bồ tát đầy đủ kinh nghiệm như chư vị nhưng các vị ấy vẫn có khả năng làm được những công việc đó. Nếu là những con người xiển dương Phật pháp làm Phật sự thông qua bản ngã mà nghe vậy, không quán tưởng thì dễ dàng cho đó là gáo nước lạnh tạt vào thiện chí của mình.

Roi vào trường hợp đó, chắc chắn con người sẽ bỏ đức Thế Tôn, từ giả ngôi chùa, con đường truyền thống tâm linh. Ngược lại, các vị Bồ tát này muốn xiển dương chính pháp nên nghe đức Phật truyền bá đạo lý mới, đạo lý trong thế giới Ta bà có những con người làm được như vậy. Thế Tôn vừa dứt lời, từ dưới đất vụt hiện các vị Bồ tát làm những công việc đó rất thành công. Câu chuyện muốn ám chỉ, hãy vận dụng bản tính tiềm năng bản địa, nó chính là mảnh đất tâm. Chỉ cần chuyển tâm thôi thì mọi khả năng có thể xuất hiện. Tiếp đến, sẽ hiểu rộng và sâu xa hơn. Chẳng hạn, quan hệ đối tác giữa quốc gia này với quốc gia khác, vấn đề nhận viện trợ của quốc gia đàn anh theo cách thức liên minh về chính trị và kinh tế thì rõ ràng phải chịu nhiều sự lệ thuộc vì phải làm

18 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

những việc liên minh đó yêu cầu, đảng phái đó đặt ra. Nếu không phục vụ được giá trị lợi ích, nhất là lợi ích ý thức hệ chính trị của liên minh đó thì bị loại trừ. Sự nương tựa vào tha lực bất kỳ cũng kéo theo sự lệ thuộc và phải làm những điều không muốn.

Đức Phật dạy, hãy tự lực bản thân, tận dụng tiềm năng vốn có. Đào tạo ra tiềm năng mới mất nhiều thời gian hơn tiềm năng bên ngoài. Dĩ nhiên, như thế an nhàn hơn nhưng khi đào sâu được tiềm năng rồi thì con đường hành đạo, hành trì và phát triển Phật giáo trong phạm vi của mình tốt hơn nhiều so với vay mượn từ bên ngoài. Tương tự vậy, đạo Phật ở phương Tây phải được nuôi nấng bởi các dưỡng chất văn hóa, phong tục tập quán phương Tây. Không thể nhập cảng nguyên xi nền Phật học Tịnh Độ châu Á vào mảnh đất phương Tây, nơi tinh thần tự lực rất cao. Nền tảng văn hóa Phật học của Tịnh Độ về tha lực vẫn có với hình thức hệ thống an sinh xã hội, tương thân tương trợ, từ thiện... nhưng hầu như những cư dân của Hoa Kỳ và phương Tây vẫn thích tự mình tạo ra bát cơm manh áo, hạnh phúc từ chính bàn tay, sức lực, tuệ giác của mình. Chúng tôi tin chắc, phải nhập cảng nền Phật học khi chưa có những dây mơ rễ má bám vào cây bồ đề mới có thể đáp ứng được sự khao khát của người phương Tây, điều họ không thể tìm được trong nền văn hoá bản địa, chỉ bằng cách ấy đạo Phật phương Tây mới trưởng thành. Những nhà truyền giáo châu Á chỉ gieo hạt giống thôi, hạt giống lúc đầu có thể ẽo uột nhưng về sau sẽ được sinh sôi nảy nở trong cộng đồng phương Tây.

Tìm về đạo Phật nguyên chất

Tương tự, cần phải trở về nguồn, gạt bỏ hết những ảnh hưởng của phong tục, tập quán, những ảnh hưởng đạo Phật ở

châu Á. Lúc đó, người dân châu Á, bao gồm người Việt Nam, mới có cơ hội tiếp nhận được một đạo Phật nguyên chất. Dĩ nhiên, đạo Phật nguyên chất phải là đạo Phật của tự lực, của tình thương, còn lòng từ bi của chư Phật và Bồ tát chỉ hỗ trợ thứ yếu chứ không quan trọng. Tha lực này đóng vai trò tối đa 3%, còn lại 97% nằm ở sự nỗ lực của từng người. Được vậy, đạo Phật của chúng ta mới phát triển nhanh, mạnh, nếu không chỉ nổi lên như một phong trào, dù có ảnh hưởng lớn đến mức nào thì cũng chỉ đáp ứng cho cách thức sở thích và lối quen sống nương tựa vào tha lực nhiều chứ không hơn. Ví dụ, mình có mặc cảm là người tỵ nạn, dẫu tỵ nạn chính trị hay kinh tế, quan niệm vậy rõ ràng không thể phát huy được bản tính tiềm năng lớn mạnh vốn có của bản thân được.

Nếu cứ nghĩ mình là người tỵ nạn ở một quốc gia văn minh, một thế giới phát triển, nơi chỉ phù hợp với những con người có khả năng phát triển về tiềm năng, trí tuệ, sự phấn đấu thì đâu có cơm ăn áo mặc, nhà cao cửa rộng đang ở hiện nay. Phật dạy, phải từ bỏ mặc cảm tự ty bằng các ngôn từ nhồi sọ, chúng tôi tỵ nạn, nghĩ vậy không thể phát huy hết tiềm năng. Phải bỏ hết những ảnh hưởng văn hóa sang một bên, bây giờ đạo Phật trở thành nguồn dưỡng chất quan trọng như không khí để thở, áo mặc, cơm ăn. Có vậy, đạo Phật đó mới toàn diện, có sức ảnh hưởng và thu hút rất lớn đối với mọi tầng lớp dân bình dân hay trí thức, nam hay nữ, già hay trẻ.

CSMN: *Thưa thầy, con có cách nhìn, đạo Phật đến với Âu Mỹ và hiện giờ đang bành trướng ở đây. Thể hiện ở giai cấp cư sĩ, người dân nhiều hơn các tu sĩ. Người ta nghĩ, cuối thế kỷ XXI đầu thế kỷ XXII, đạo Phật ở Âu Mỹ sẽ có hình thái mới hoàn toàn và trở lại truyền bá cho phương Đông, cải biến đạo Phật phương Đông. Thầy nghĩ thế nào?*

20 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

TNT: Về học thuyết tái sinh và luân hồi, chúng tôi tin điều đó có thể trở thành sự thật chứ không chỉ mơ ước, vì nơi nào tổ chức có phương pháp thì nơi đó rất gần với đạo Phật và phát triển rất mạnh. Phương Tây là mảnh đất phì nhiêu để đạo Phật của khoa học, lý trí, tuệ giác, tự lực, giới trẻ, tình thương, vô ngã và vị tha phát triển mạnh mẽ hơn châu Á. Đạo Phật châu Á vốn đặt nặng bởi những phân bón mê tín, dưỡng chất phong tục tập quán đi ngược hoàn toàn hạt giống tuệ giác mà đức Phật đã gieo. Trong tương lai, thông qua các trường đại học, phương Tây không chỉ là nơi có kiến thức Phật học mà nó có thể trở thành trung tâm đào tạo kinh nghiệm tâm linh rất lớn, chúng tôi tin chắc như vậy. Lúc đó, người châu Á phải sang đây du học về sự tu tập chứ không phải du học kiến thức. Du học như vậy mới tháo gỡ dây mơ rễ má trên cây bồ đề, chặt đứt những dây tâm gửi một cách mạnh dạn, khi ấy đạo Phật mới thật sự có giá trị và mang lại lợi ích cho mảnh đất châu Á. Đó là lý do tại sao thấy đạo Phật có mặt và xuất phát từ Ấn Độ nhưng không đủ sức làm cho dân tộc này được lợi ích vì phong tục, tập quán, mê tín dị đoan của Ấn Độ giáo ảnh hưởng khiến đạo Phật không có chỗ phát triển, phương Tây là mảnh đất màu mỡ đi ngược lại khuynh hướng đó.

CSMN: Con có câu hỏi cuối cùng mang tính chất riêng tư giữa con và thầy. Con có trong tay cuốn Kinh Tụng Hàng Ngày của thầy xuất bản. Theo con biết, cuốn kinh này thầy đã xuất bản lần thứ tư. Số lượng xuất bản lần đầu là 3.000 cuốn, lần thứ hai 6.000 cuốn, lần thứ ba 700 cuốn, lần thứ tư 3.000 cuốn, tổng số hơn 10.000 cuốn. Con thấy thầy như một Tăng sĩ trẻ và có tinh thần cách tân, xây dựng để biên soạn Kinh Tụng Hàng Ngày này. Cuốn kinh gồm một bài kệ và 48 bài kinh, trong 48 bài kinh có rất nhiều bài của Hòa thượng Nhất Hạnh, Minh Châu, Trí Tịnh. Vấn đề con muốn hỏi có ba

điều. Thứ nhất, ý của thầy thế nào khi biên soạn quyển kinh này? Thứ hai, vì sao cuốn kinh hay thế mà đến lúc này chưa được phổ biến rộng rãi? Thứ ba, sau này thầy có dự định viết cuốn thứ hai hay có bổ sung, sửa đổi gì trong đó không?

TNT: Chân thành cảm ơn cư sĩ có tấm lòng ưu ái đề cập đến cuốn *Kinh Tụng Hàng Ngày* do chúng tôi biên soạn cách đây 13 năm, vào năm 1992 và xuất bản lần đầu tiên năm 1994.

Kinh tụng cho người tại gia và xuất gia

Xin trả lời ý thứ ba trước. Nếu quý vị để ý vào trang cuối cùng của *Kinh Tụng Hàng Ngày* có bài viết về một bộ kinh thánh Phật giáo. Trong đó, đề cập đến ao ước tiếp tục biên tập bộ kinh thánh gồm hai tập, tập một là *Kinh thánh Nam tông*, tập hai là *Kinh thánh Đại thừa* để giới thiệu các bản kinh rất đa dạng của đức Phật từ các phương diện Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Bồ tát thừa và Phật thừa để giúp mọi người có được thực phẩm tâm linh và dễ dàng tiếp xúc hàng ngày mà không cảm thấy nhàm chán, nó có thể thay thế nghi thức tụng niệm hàng ngày. Trong các chùa, hàng ngày chỉ tụng *kinh Phổ Môn*, *kinh A Di Đà* nên đạo Phật bị hiểu nhầm là đạo chỉ dành cho người già, người bệnh và người sắp chết chứ không phải giới trẻ. Bộ kinh thánh Nam tông và Bắc tông đã được suy tư. Mấy năm gần đây, chúng tôi có ý thay đổi khuynh hướng, không tạo ra hai bộ kinh thánh Nam tông và Bắc tông nữa mà đổi thành kinh thánh cho người xuất gia và tại gia.

Kinh thánh cho người xuất gia tập hợp những bài kinh đức Phật nói về giá trị đạo đức tâm linh của người tu, cách thức hóa giải nghiệp chướng, dần thân tu học và tinh thần hòa hợp với những người đồng phạm hạnh hoặc những nghệ thuật, kinh nghiệm truyền bá trong mùa an cư kiết hạ giúp

22 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

chư Tăng dần thân hiệu quả hơn. Như vậy, người xuất gia dù Nam tông hay Bắc tông vẫn thấy có nhu cầu ôn lại những gì đức Phật đã đề cập trong kinh. Đôi lúc, nếu không có những quyển kinh tập hợp như vậy người ta có thể quên rất nhiều điều quan trọng, và dĩ nhiên tổn thất thuộc về phía họ. Bản kinh thánh tại gia dành cho cư sĩ bắt đầu với những phương pháp làm thế nào để gây dựng hạnh phúc gia đình, thiết lập đời sống an vui, có được tình yêu trong sáng, hôn nhân bền vững và giới trẻ tích cực dần thân vào cộng đồng, kinh tế, chính trị, xã hội... bên cạnh đó vẫn có con đường của sự chuyển hóa, cũng phải thọ trì, đọc tụng, hành trì thiền quán để phóng thích những nỗi khổ niềm đau của bản thân. Như vậy, chúng tôi phân định ra hai loại kinh thánh rõ ràng. Một cho người tu và một cho người tại gia để họ thấy được, ngoài nghi thức tụng niệm đã tiếp xúc ở chùa còn có gia tài rất phong phú vô giá mà đức Phật đã để lại trong kinh điển.

Điều rất tiếc, do sự truyền thừa của các tông phái theo người Trung Hoa, đặt nặng về khuynh hướng Tịnh Độ khiến người Việt Nam đánh mất cơ hội, không thấy được giá trị rất lớn mà đức Phật đã cống hiến cho cuộc đời, ngoại trừ một số người có tinh thần nghiên cứu, học hỏi thì tiếp xúc được. Hai bộ kinh này chưa biết khi nào mới xong. Hiện tại đang làm và kỳ này chúng tôi tự dịch để văn phong của các thuật ngữ được thống nhất. Lựa chọn thể mới đảm bảo được tính nhất quán từ đầu đến cuối và hy vọng có tác dụng đối với người đọc cao hơn.

Tiếp nhận tác phẩm khách quan

Trở lại hai câu hỏi đầu, tại sao chúng tôi lại có nhiệt huyết đối với bản kinh mà nó có số lượng ấn bản quá ít, trên 10.000 bản so với 80 triệu cộng đồng người Việt Nam là Phật tử. Chuyện đó thực sự khó lý giải. Thứ nhất, vì không có xăng

dầu tiếp liệu nên động cơ không chạy xa được. Thứ hai, chúng tôi là những người còn trẻ, thói quen của người Việt Nam nghĩ, phải là vị đạo cao đức trọng thì tác phẩm mới được đọc tụng và thọ trì rộng rãi ở các chùa. Có lẽ, khi chúng tôi qua đời rồi thì những bản kinh này mới có thể được đón nhận một cách khách quan, và ở góc độ đó thật rất uổng, vì những bài kinh này không phải do chúng tôi viết mà của Phật nói, các bậc cao Tăng trong thời hiện đại dịch. Chúng tôi chỉ làm công việc lược lặt, biên tập và đặt ra cấu trúc giúp người đọc tụng đón nhận tuần tự theo thứ lớp để hiểu đạo Phật bao quát chứ không phải chỉ hiểu thông qua pháp môn Tịnh Độ hay Thiền và những cái còn lại không được biết đến.

Ảnh hưởng của tuổi tác, vai trò, vị trí một vị xuất gia đối với tác phẩm đưa ra trong cuộc đời là điều không thể phủ nhận nên hy vọng trong tương lai, khi chiều dài thời gian như một thước đo giá trị được thiết lập thì bấy giờ số lượng người tiếp nhận sẽ nhiều hơn, họ không còn đặt vấn đề người biên tập là già hay trẻ, Tăng hay Ni, xuất gia hay tại gia, nam hay nữ, Phật tử hay không Phật tử mà tiếp nhận một cách rất khách quan với giá trị mang lại cho người đọc là gì. Chúng tôi mong mọi người tiếp cận các tác phẩm Phật học bằng cách thức đó. Tiếp cận vậy sẽ loại trừ được chủ nghĩa thần tượng các cá nhân với danh nghĩa quá lớn. Tất cả những gì người đó nói đều tin theo 100%, là đi sai tinh thần tuệ giác, tôn chỉ của đức Phật đã nêu trong 10 tiêu chí đức tin chân chính để bỏ chủ nghĩa thần tượng cá nhân và học được bất cứ lời hay lẽ phải từ mọi người.

Hạnh nguyện Bồ tát của Thiện Tài đồng tử đã làm trong *kinh Hoa Nghiêm*, ngài đã tham vấn với trên 50 vị khác nhau. Nghĩa là, thông qua sự tham vấn đó có thể rút tĩa những tinh hoa tâm linh, kinh nghiệm trên phương diện tu tập để dẫn

24 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

thân hiệu quả, mang lại hạnh phúc nhiều hơn trong hiện tại và tương lai, không những cho bản thân mà cả cộng đồng xã hội. Cách thức tiếp cận chánh pháp với các tông phái trong đạo Phật, một pháp môn hay một ngôi chùa cũng phải tiếp cận trên hệ giá trị hơn là thông qua con đường của cảm xúc giữa cá nhân với đối tượng. Quan hệ cảm xúc có thể tạo ra rắc rối về sau, đó là điều đức Phật dạy nên tránh. Luôn tiện, tôi xin gửi lời đề nghị tiếp cận kinh điển Phật hay các tác phẩm của các tác giả Phật giáo, Tăng Ni, Phật tử phải tiếp nhận với nhãn quan tuệ giác. Có nghĩa, dựa vào góc độ tư duy và đặt nó trên bình diện của sự thể nghiệm qua hành trì mà đem lại giá trị lợi lạc thì làm, còn tác giả là ai, thân phận, quá khứ như thế nào không cần bận tâm, vì làm như vậy sẽ mất lợi lạc. Do đó, đức Phật khuyên, lấy đạo đức, chính pháp làm thầy là vậy, vì con đường tuệ giác mới là con đường chuyển hoá chứ không phải người này giúp người kia chuyển hoá.

Phát triển một đạo Phật nhập thế

Trường hợp lý do tại sao chúng tôi bố cục 49 bài kinh mà không phải 48 hay 50... vì chúng tôi muốn lấy biểu tượng con số 49 tượng trưng cho cấp số nhân của con số 7, biểu tượng này nói lên sự trọn vẹn, đầy đủ về giá trị của sự chuyển hóa. Chúng tôi tin, chỉ mấy mươi bài kinh đó thôi, người thọ trì đọc tụng với thái độ khách quan, không thành kiến thì sẽ thấy một đạo Phật rất trẻ, rất nhập thế và tích cực, đụng chạm tới nỗi khổ niềm đau của cuộc đời, đến gần những thân phận hẩm hiu bất hạnh của xã hội. Tịnh Độ gần gũi, đụng chạm đến những điều đó không phải để chúng được gia tăng mà là cơ hội chuyển hoá cuộc đời. Tịnh Độ ra đời không phải để kiếm tín đồ mà chỉ giúp cuộc đời thăng hoa. Mục đích tôn giáo dựa trên góc độ đạo Phật là phục vụ quần chúng chứ không phải quần chúng phục vụ tôn giáo. Quần chúng

cũng không nên phục vụ thượng đế và thần linh. Thần linh và thượng đế nếu có thì phải phục vụ con người, nếu không còn chức năng đó nữa thì không việc gì phải lệ thuộc vào các ngài. Cho nên, đức Phật dạy, sự ra đời của các vị Bồ tát là dẫn thân một cách không mệt mỏi, đến tận lúc còn một người chưa được giác ngộ giải thoát thì vẫn dẫn thân, bất cứ ở cộng đồng nào còn một người chưa được chuyển hóa thì các Ngài vẫn tiếp tục thực hành hạnh nguyện của mình.

Tiến trình của đạo Phật là tiến trình của sự dẫn thân, những bài kinh đó dạy rất nhiều cách thức để góp phần vào công cuộc dẫn thân chung. Trong nghi thức tụng hàng ngày có thể tạo ra định lực rất cao, quy trình thuyên chuyển và sự an tịnh thân, khẩu, ý rất lớn. Đó là điều không thể phủ định. Nó có thể tạo ra cách quán tưởng về lòng từ bi đối với các loài động vật và ngạ quỷ. Tạo ra ý thức tôn kính “*uống nước nhớ nguồn*” và tôn kính Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Tạo ra quy trình phục vụ dẫn thân cho đời này để sau khi chết được sinh về thế giới an lành. Tất cả những giá trị đó không thể phủ định được.

Bên cạnh đó, nên gieo trồng các giá trị khác mà đức Phật đã thuyết suốt 49 năm. Nếu nghi thức tụng niệm chỉ chừng đó và đủ thì đức Phật đâu nhọc công đến 49 năm với hàng ngàn bài pháp mà có những bài Ngài phải nói đi nói lại nhiều lần. Sở dĩ vậy là do căn tính của con người cần phải tưới tẩm trong biển pháp nhiều lần mới có thể lột xác phẩm được, còn chừng đó nghi thức chỉ hỗ trợ chứ chưa đủ sức. Bởi vậy, bên cạnh nghi thức tụng niệm gồm 49 bài kinh với trình tự sắp đặt đều có dụng ý, sau này có thêm kinh thánh cho người xuất gia và tại gia, về sau tiếp có các kinh khác nữa thì chúng tôi tin chắc chỉ là những bản kinh căn bản và cần thiết chứ chưa phải đủ. Muốn đủ thì đòi hỏi mọi hành giả phải tự lợi

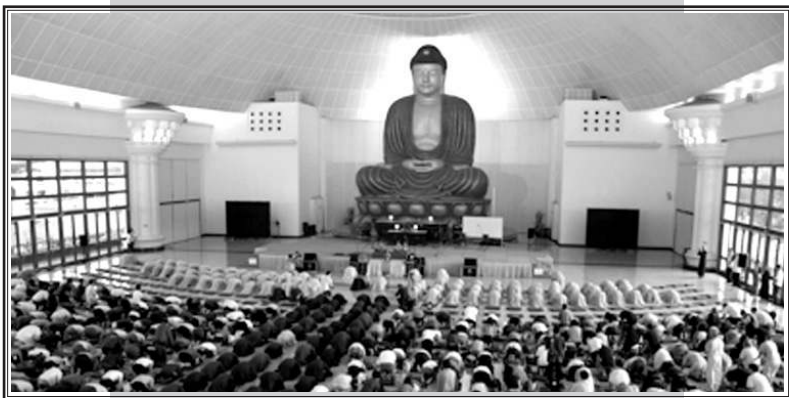
26 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

vào biển pháp môn mông để thu thập giá trị tâm linh mà đức Phật đã để lại rất phong phú, lúc đó nỗi khổ niềm đau mới được chuyển hoá trọn vẹn và tuyệt đối.

CSMN: *Riêng phần con sau khi đọc cuốn kinh này thấy có nói lên con đường nhập thế, hội nhập vào cuộc sống của đạo Phật đồng thời cũng nêu lên tinh thần giáo lý giác ngộ của hành giả khi tiếp cận đạo Phật.*

Chương 2:

KHỦNG HOẢNG VÀ HOẰNG PHÁP



Ý thức khủng hoảng và cách hoảng pháp

Phóng viên đài phát thanh Đuốc Tuệ (PV): Kính thưa quý vị thính giả của chương trình phát thanh Đuốc Tuệ! Hôm nay, nhóm phóng viên Đuốc Tuệ có được thiện duyên tiếp xúc với Tiến sĩ Đại đức Thích Nhật Từ nhân dịp thầy đi hoảng pháp. Thầy từ bên Texas mới sang đây. Tuần trước, thầy đã thăm viếng và thuyết giảng trên miền Bắc California. Tuần này, thầy vừa ban một thời pháp vào hôm chủ nhật, ngày 17/10/2004 tại chùa Diệu Quang - Santa Ana - California cho hàng trăm đồng hương Phật tử với đề tài: “Sự buông xả trong Phật giáo”. Hôm nay, chúng tôi được đến đây để phỏng vấn thầy về nhiều vấn đề.

Kính thưa thầy! Chúng con biết thầy qua website: budhismtoday.com của thầy từ năm 2000. Đài phát thanh Đuốc Tuệ mới ra đời được hai tháng nay. Chủ trương của Đuốc Tuệ là thuần túy học về Phật, không liên quan đến chính trị, không phê bình chỉ trích các vị đồng đạo cũng như các tôn giáo khác, tích cực phát huy cái hay, cái đẹp của đạo tỉnh thức và cố gắng hội nhập với đời sống mới, tùy nơi, tùy thời đem đạo vào đời, cố gắng cập nhật hóa và hiện đại hóa đúng với tinh thần “tùy duyên bất biến” của giáo lý giác ngộ. Trên tinh thần đó, hôm nay chúng con đến đây để được phỏng vấn thầy. Chúng con xin có một số câu hỏi như sau:

Thứ nhất, trong ba ngày, từ 29 – 31/09/2004, tại Phật Quang Sơn, thành phố Cao Hùng – Đài Loan đã có một cuộc hội thảo Tăng già thế giới gồm 22 nước tham dự. Cuộc hội thảo đặt ra 4 vấn đề lớn:

1. Phương thức hoảng pháp trong thế kỷ 21.
2. Ý thức về sự khủng hoảng trong đạo Phật.
3. Tầm quan trọng của văn hóa Phật giáo và công tác giáo dục.

4. Phật giáo và phụ nữ.

Nhìn chung, cả bốn vấn đề đều rất quan trọng! Ở vị trí Phật tử hải ngoại, chúng con chú trọng đặc biệt đến hai điểm là, phương thức hoằng pháp trong thế kỷ 21 và ý thức về sự khủng hoảng trong đạo Phật. Xin thầy cho biết về hai vấn đề này!

Ý thức về sự khủng hoảng

Thích Nhật Từ (TNT): Trước nhất, xin chân thành cảm ơn chương trình phát thanh Đuốc Tuệ đã tạo cơ duyên để chúng tôi có dịp chia sẻ những ý kiến về các vấn đề phát triển Phật giáo cũng như những vấn nạn Phật giáo đang gặp phải trên khắp thế giới hiện nay. Nội dung các ngày hội thảo tại Phật Quang Sơn gồm rất nhiều vấn đề như cư sĩ vừa nêu. Đặc biệt, hai vấn đề cư sĩ chú trọng là hai vấn đề rất bức xúc. Ý thức về sự khủng hoảng trong đạo Phật là vấn đề mà tất cả các tham dự viên gồm chư tôn đức Tăng Ni, các nhà nghiên cứu Phật học trên khắp thế giới tới dự đều tham gia.

Vấn đề đặt ra là, đạo Phật không thể sống và phát triển ngoài lòng thực tại xã hội. Dĩ nhiên, khi sống trong lòng thực tại, đạo Phật cùng với xã hội đang phải đối đầu với nhiều cuộc khủng hoảng rất khác nhau. Ý thức về sự khủng hoảng trong đạo Phật không chỉ là sự khủng hoảng nội bộ, mà còn bao gồm ý thức của tất cả những người con Phật nói chung. Những tu sĩ và cư sĩ tại gia cần phải dần thân nhiều hơn nữa trên tinh thần Phật pháp mà bản thân đang theo truyền thống nào đó. Ví dụ, truyền thống Phật giáo Nam tông, truyền thống dần thân của Phật giáo Đại thừa... đều phải đối đầu, tìm giải pháp cho những nạn khủng hoảng đó.

Trong buổi hội thảo, các cử tọa đều thống nhất một điểm, do khủng hoảng về chiến tranh, sự phân biệt chủng tộc, kinh tế dẫn đến những khủng hoảng về tôn giáo, chính trị, xã

hội... và ngay cả khủng hoảng về đời sống đạo đức. Đó là những vấn đề rất lớn, không chỉ của thế kỷ 21 mà hầu như con người từ bao thế kỷ qua cũng đều phải đối đầu. Vấn đề đặt ra là, cần phải làm việc gì đó để quần chúng ý thức về những khủng hoảng đang diễn ra xung quanh và tìm giải pháp thật hữu hiệu không phải tạm thời để giải quyết một vấn nạn nào đó đối với bản thân, gia đình hay những người liên quan hoặc cộng đồng, xã hội.

Trước nhất, ý thức về sự khủng hoảng có thể được định nghĩa là một dòng chảy của chánh niệm và tỉnh thức về các hoạt động của cuộc đời đang diễn ra xung quanh con người. Chỉ khi ý thức rõ được chúng ta đang bị vấp phải nỗi khổ đau từ những cuộc khủng hoảng nào đó mới có cơ hội tháo gỡ có kết quả. Đạo Phật giới thiệu phương thức hữu hiệu là nhìn thấy kết quả trước, vì cần phải đối đầu với thực tại đang vấp phải. Khác với phương cách của các chủ nghĩa, học thuyết thường đề cao, tô hồng hoặc nâng cao giá trị sự vật, đôi lúc, có sự vật không xứng đáng giá trị như thế. Nhà Phật vạch trần bộ mặt khổ đau về những thực trạng khủng hoảng mà con người đang vấp phải. Phương cách vạch mặt khổ đau đặt con người trong tình huống không thể chạy trốn mà phải đối đầu. Trong lúc đối đầu, có cơ hội tìm ra nguyên nhân sâu xa của vấn đề thông qua đáp án của các câu hỏi: Tại sao có chuyện này? Tại sao khổ đau xuất hiện? Làm thế nào để giải quyết?...

Có thể nói Tứ diệu đế là phương pháp đối đầu trực tiếp, gồm hai quy trình nhân quả. Một quy trình nhân quả thuộc về khổ đau, hạnh phúc và một quy trình nhân quả thuộc về khổ đau, hạnh phúc siêu vượt cảm xúc thường tình của con người. Quả của khổ đau được xem như một thực tại đang diễn ra gồm rất nhiều khủng hoảng khác nhau như nêu trên. Đặt ra khủng hoảng về khổ đau không phải để chạy trốn hay

32 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

tìm cách làm lơ, mà để đối đầu với nó. Đức Phật dạy cách thức đối đầu là tìm đến những nguyên nhân. Dĩ nhiên, có nguyên nhân xa và gần, chủ quan và khách quan, cá thể và tập thể, nguyên nhân hiểu lầm hay những nguyên nhân do tất cả cùng gây ra... Người tìm ra nguyên nhân được gọi là người dẫn thân, thấp sáng ý thức về các khủng hoảng. Khi nhìn thấy rõ nguyên nhân sẽ tìm được cách tháo gỡ và giải quyết vấn đề được 50%. Còn lại phải tiến bước trên quy trình nhân quả thứ hai có giá trị cao hơn là an lạc, hạnh phúc được đặt lên trên. An lạc và hạnh phúc này chính là Niết bàn, được xem như hệ quả của sự dẫn thân vào đời để tháo gỡ các vấn nạn đó.

Con đường tháo gỡ các nạn vẫn là Bát chánh đạo. Có rất nhiều cách thức để triển khai vấn đề vào các vấn nạn trong cuộc đời. Hầu như các cử tọa đều thống nhất Tứ diệu đế là một phương thức để nhìn, ý thức về những vấn nạn khủng hoảng nói chung của cuộc đời. Phương thức này có thể được sánh như một bệnh viện hay bác sĩ đang đối đầu với con bệnh nào đó. Dĩ nhiên, vị bác sĩ, bệnh viện đó không thể nào bịt mắt, bịt lỗ tai của bệnh nhân và không cho biết căn bệnh họ đang bị vướng phải. Bởi vì như vậy, bệnh nhân sẽ không có cơ hội vượt lên trên cơn bệnh. Cho nên, cách thức này cho thấy y học rất gần đạo Phật thông qua phương thức Tứ diệu đế.

Đầu tiên, phải xác định khủng hoảng bệnh tật đang vấp phải. Ví dụ như ung thư gan, phổi hay bất kỳ một loại ung thư nào dẫn đến cái chết. Ý thức về cái chết, căn bệnh làm cho con người có bản lĩnh vượt lên và không sợ hãi nó nhiều hơn. Từ sự ý thức về khổ đau, bệnh tật dẫn con người tìm đến nguyên nhân bằng các câu hỏi, tại sao tôi bị bệnh mà người khác không bị? Tại sao cũng hoàn cảnh nhưng những người khác bị vấp phải còn tôi thì không? Bấy nhiêu câu hỏi đã gợi lên giải pháp giải quyết vấn đề được 50%. Nếu chỉ dừng lại

tại đây thì vẫn đang lẫn lẩn trong vòng quả rồi nhân, nhân rồi quả mà chưa có giải pháp. Cho nên, y khoa tìm đến những hướng giải quyết vấn đề như chế độ ăn uống, sinh hoạt, làm việc, nghỉ ngơi... Tất cả đều đặt trên khuynh hướng làm thế nào để phục hồi sức khỏe của bệnh nhân hoặc làm cho bệnh nhân có thể sống an vui, hạnh phúc từ việc phục hồi sức khỏe của mình. Đó là con đường rất thiết thực mà tất cả mọi người ý thức về sự khủng hoảng bệnh tật của mình đều phải làm. Khi làm được điều đó, sức khỏe phục hồi chính là kết quả rất hiện thực. Đối đầu với khổ đau bệnh tật đang vấp phải cũng cùng một cách thức như vậy.

Nhà Phật dạy, ý thức về những vấn nạn hay khủng hoảng trong đạo Phật là cách giúp thấy đạo Phật không bao giờ tách khỏi cuộc đời, đạo Phật lớn lên, phát triển từ trong lòng cuộc đời. Đạo Phật mang lại những giá trị an vui hạnh phúc cho chính cuộc đời. Cho nên, quan điểm ý thức về sự khủng hoảng trong đạo Phật làm cho tất cả Tăng Ni và Phật tử cần phải dấn thân nhiều hơn nữa vào những khủng hoảng đó. Bởi vì, những khủng hoảng này trực hay gián tiếp ảnh hưởng đến hạnh phúc, người thân của mỗi người. Đừng nghĩ khi nào khủng hoảng xuất hiện trong gia đình mới ý thức về nó. Ví dụ, chứng bệnh HIV/AIDS là cuộc khủng hoảng của toàn thể gia đình, cộng đồng và xã hội. Nó liên hệ đến tình thương, trách nhiệm xã hội, đạo đức, liên hệ đến tình tương thân đồng loại giữa con người với con người. Cho nên, khi một người bị vướng vào chứng bệnh đó, bỗng dưng những người của cộng đồng mới thấy cần ý thức nhiều về vấn đề này như, làm thế nào để chia sẻ nỗi khổ đau của người đó? Làm thế nào để giúp họ dù biết bị vướng vào chứng bệnh như vậy nhưng không mặc cảm bị xã hội bỏ rơi?... Họ cảm nhận được xung quanh vẫn còn nhiều cánh tay Bồ tát, nhiều tình

34 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

thần vị tha, người có tấm lòng rộng lượng và đặc biệt còn rất nhiều người có tình thân thương vượt cả người mang tình cốt nhục. Do đó, khi bị vướng bệnh, họ không bị mất tất cả. Đôi lúc, người vướng vào chứng bệnh có được tình cảm, sự cảm thông, những tấm lòng của tình thương yêu đồng loại rất vị tha và cao cả! Cho nên, ý thức về sự khủng hoảng đó là cách thức làm tăng giá trị đời sống của con người lên mức độ và vai trò, vị trí người đó đang có.

Càng ý thức về sự khủng hoảng nhiều chừng nào càng có cơ hội tháo gỡ, vượt ra khỏi sự khủng hoảng chừng đó. Đức Phật không dạy ngừng lại ở ý thức về sự khủng hoảng, vì nó chỉ là một chánh niệm về những khổ đau đang diễn ra. Vấn đề quan trọng hơn là ngoài chánh niệm, phải có những giải pháp đi đến cách thức giải quyết dứt điểm chứ không phải tạm thời. Như trạng thái đang bị khát nước rồi uống vào một cốc nước mặn, sau đó, cơn khát gia tăng gấp hai, ba hoặc thậm chí gấp mười lần. Cho nên, ý thức về sự khủng hoảng để tìm ra giải pháp tuyệt hảo nhất. Dĩ nhiên, theo nhà Phật, giải pháp tuyệt hảo đó chỉ là sự tương đối chứ không bao giờ tuyệt đối. Vì vậy, trong từng vai trò, cách thức, điều kiện môi trường, hoàn cảnh đang sinh sống, có thể tạo ra những giải pháp thích hợp tạm gọi là giải pháp toàn hảo nhất trong những điều kiện hiện có. Như vậy, ý thức về sự khủng hoảng là con đường của sự chuyển hóa đạo đức, tâm linh, đời sống xã hội và mọi phương diện mà con người trực hoặc gián tiếp liên hệ đến.

Vì thế, chủ đề ý thức về sự khủng hoảng trong đạo Phật là vấn đề lớn, đặt lại những vấn đề truyền thống đã đi qua, những vấn đề liên hệ đến cách thức đã ứng dụng, hành trì trong đạo Phật. Nó đặt lại những cách thức và giá trị con người đã đóng góp cho đạo Phật, và khẳng định còn đủ sức

thực hiện lời Phật dạy hay tinh thần dẫn thân của đức Phật còn tỏa sáng trong xã hội ngày nay hay không, dầu lời Phật dạy lúc nào cũng thích hợp với cuộc đời. Nếu không có cách ứng dụng để con người ý thức về những khổ đau đang có trong cuộc sống, không ý thức được sự dẫn thân của đạo Phật đang có mặt với những khổ đau đó thì giá trị của đạo Phật có thể bị giảm sút rất nhiều. Dĩ nhiên, chỉ giảm sút về phương diện ứng dụng chứ không về phương diện bản chất. Vì bản chất của đạo Phật luôn luôn cao siêu, huyền diệu. Tuy nhiên, thông qua con đường chuyển hóa tâm linh, nếu không đưa những ý thức về giá trị của đạo Phật đối đầu với những khủng hoảng của cuộc đời thì rõ ràng các bế tắc có thể bị dập tắt ở một giai đoạn nhất định nào đó nhưng sẽ bộc phát vào lúc khác. Khi nó bộc phát lần thứ hai, ba, tư... thì mức độ của sự khủng hoảng khổ đau có thể gia tăng rất nhiều. Chính vì vậy, ở góc độ của nhà Phật, phải tìm ra một giải pháp tốt, lâu dài để có thể nhổ tận gốc, chấm dứt sự khủng hoảng. Có thể, phương pháp giải quyết đó mới thật sự được coi là có ý nghĩa và giá trị.

Hoàng pháp trong thế kỷ XXI

Về phương thức hoàng pháp trong thế kỷ XXI, dĩ nhiên cũng liên hệ rất nhiều đến ý thức về sự khủng hoảng đối với những người dẫn thân trên tinh thần đức Phật đã dạy. Càng ý thức về sự khủng hoảng nhiều chừng nào thì càng có giả định phương thức hoàng pháp nhiều chừng đó. Những phương thức hoàng pháp như trong kinh điển Đại thừa nói có 84.000 pháp môn không phải là con số thực, chỉ là con số biểu tượng cho thấy có nhiều cách thức tiếp cận một vấn đề. Có nhiều phương pháp giải quyết một vấn nạn, nhiều cách triển khai làm cho khủng hoảng rút ngắn lại, giảm thiểu, được nhổ tận gốc. Phương thức hoàng pháp rất quan trọng! Nếu không

biết cách áp dụng, tất nhiên hiệu quả của việc hoằng pháp không mang lại giá trị về sự nỗ lực tận gốc khủng hoảng trong xã hội con người đang vấp phải. Quan điểm của chúng tôi cho rằng, có thể làm từ nhiều cách thức khác nhau.

a- Sử dụng các phương tiện khoa học sẵn có

Cách thứ nhất là cần phải sử dụng nhiều phương tiện trong thời kỳ khoa học kỹ thuật ngày nay cung cấp như internet, phương tiện truyền thông đại chúng. Thông qua việc cung cấp thông tin, đây là những công cụ quan trọng bậc nhất trên con đường chuyển hóa nhận thức của con người. Cụ thể, đất nước Đài Loan tuy nhỏ bé nhưng có đến khoảng bảy đài truyền hình Phật giáo phát rộng rãi toàn quốc 24/24h. Chương trình của họ rất đa dạng, phong phú. Như vậy, với bấy nhiêu phương tiện thông tin đại chúng, nếu áp dụng đúng cách thì Phật tử không cần phải mất số tiền lớn để đi từ nước này đến nước khác tham dự buổi giảng trực tiếp của vị cao Tăng nào đó. Họ có thể ngồi tại nhà, nhờ hệ thống thông tin, trực tiếp học hỏi Phật pháp ở một nơi xa xôi nào đó. Do vậy, nếu áp dụng đúng cách các phương tiện thông tin đại chúng thì việc hoằng truyền phổ biến thông tin Phật pháp, ngay cả những thông tin tu học sẽ rất có hiệu quả. Rất tiếc, do những hoàn cảnh khó khăn của lịch sử, điều kiện khó khăn của các hội đoàn Phật giáo trên khắp thế giới nên vẫn chưa có hoạt động đồng bộ về vấn đề, phương thức này dù đã có những người rất tâm huyết tạo ra những chương trình phát thanh.

Ở Mỹ có những chương trình phát thanh *Tiếng Chuông Từ Bi*, *Tiếng Chuông Tỉnh Thức*, *Đuốc Tuệ* và một số chương trình ở nhiều ngôi chùa của những giáo hội Phật giáo khác nhau, nhưng hạn chế là chỉ phát thanh mà không phát hình. Tuy nhiên, vẫn có giá trị rất lớn, vì nhiều người suốt ngày rât

bận rộn, không có thời giờ đến chùa, thời giờ đọc kinh, xem sách nên họ nghe đài là cách hữu hiệu. Dù một chương trình nửa hoặc một giờ nhưng với sự chọn lọc, có nội dung thật sự mang lại chất liệu an lạc, thanh thoi cho họ trong suốt một ngày làm việc cực nhọc.

Nếu không sử dụng phương tiện, vô tình đã đánh mất cơ hội rất lớn để phục vụ người có nhu cầu mà không có điều kiện đến chùa, những trung tâm thuyết giảng Phật pháp. Các phương pháp hoằng pháp thông qua phương tiện thông tin đại chúng hiện đại là cách thức giúp đạo Phật luôn luôn bên cạnh cuộc đời, khiến con người cảm thấy đạo Phật luôn có mặt với họ. Khi cần, đạo Phật sẽ gần gũi, tiện lợi như việc họ chỉ cần mở tủ lạnh là có thực phẩm, trái cây thưởng thức, nước uống. Gần gũi như việc họ có áo quần mặc, máy sưởi để khô đau về thời tiết, khí hậu được giảm thiểu tối đa. Cho nên, hoằng pháp qua các phương tiện thông tin đại chúng là điều quan tâm hàng đầu. Hy vọng các hội đoàn Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại bằng cách thức nào đó, đầu tư chia sẻ gánh nặng về tài chính, tạo ra một chương trình chất lượng. Chương trình này có thể phát sóng không chỉ trên một tiểu bang, một thành phố mà cả toàn nước Mỹ. Hơn thế, có thể phát sóng rộng rãi cho một số nước có làn sóng gần với cách phát sóng ở Mỹ. Trực tiếp đón nhận, thưởng thức những chương trình như vậy là điều rất hay!

b- Nghi thức tụng niệm và hành trì

Cách thứ hai cũng được rất ưu ái, quan tâm hàng đầu là, cần phải có những suy nghĩ lại về cách thức đưa vào trong những nghi thức tụng niệm, hành trì hằng ngày. Dĩ nhiên, những nghi thức đó có giá trị tâm linh được trải nghiệm từ nhiều thế kỷ, do các vị tôn đức, các vị tổ sư của Phật giáo đầu

38 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

tư nên giá trị hành trì là điều không thể phủ định. Vấn đề đặt ra là, nội dung hành trì của những nghi thức đang sử dụng phần lớn ảnh hưởng từ những tổ sư Trung Hoa. Do vậy, nếu chỉ dừng tại đó, sẽ đóng bít cơ hội cho những Phật tử tiếp cận chánh pháp của đức Phật từ nhiều góc độ khác nhau.

Mỗi ngày có bốn thời trì tụng là:

Công phu khuya có *Thần chú Thủ Lăng Nghiêm*.

Buổi trưa có nghi thức cúng Phật trước khi ăn cơm để tập lòng quán tưởng, gọi là tôn kính Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, tôn kính những bậc thầy! Hồi hướng công đức đến tất cả chúng sinh, chia sẻ tình thương với các người nghèo khó khăn, các loài động vật thấp kém hơn. Khắc ghi công đức của những người nghèo khó và những người phát tâm đã tạo ra chén cơm manh áo cho mình... là những nghi thức rất hay.

Buổi chiều có thời công phu chiều là thời khóa quán niệm rất đặc sắc để tìm chất liệu tâm linh, chuyển hóa nhận thức cho tất cả các loài cô hồn, ngạ quỷ sống trong lòng sân hận si mê hoặc trong nỗi khổ đau mà chính họ không thoát ra khỏi.

Buổi tối có thời Tịnh Độ, thường tụng *kinh Phổ Môn* hay *A Di Đà*, một số chùa tụng *kinh Pháp Hoa*, *Địa Tạng*, *Dược Sư*, *Đại Bát Niết Bàn*.

Như vậy chỉ dừng lại nghi thức tụng niệm ở một số các bản kinh căn bản. Vì thế, Phật tử đi chùa lâu ngày tưởng thế giới Phật pháp chỉ bấy nhiêu. Trong khi đó, đức Phật giảng rất nhiều kinh, nếu dịch hết có thể mấy chục ngàn trang. Vì thế, cánh cửa đến với đạo Phật bị giới hạn do những nghi thức này. Dĩ nhiên, những nghi thức đó vẫn rất hay và không nói chúng không có giá trị, chúng có giá trị hành trì rất lớn. Nhưng thiết nghĩ, cần giới thiệu thêm một số bản kinh khác

như những bản của kinh điển *Pali*, *A hàm*, *Đại thừa*... mà có thể đi đến nhiều góc độ nhân sinh, vũ trụ, hạnh phúc, hôn nhân, tình yêu, gia đình, chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa... Tất cả những góc độ đó, phải xác định rằng đức Phật đã dạy rất nhiều. Có thể nói, đức Phật là nhân vật tôn giáo đầu tiên trong lịch sử nhân loại thuyết rất nhiều về các vấn đề đó. Rất tiếc, các bản kinh dành cho Phật tử thọ trì lại không có nhiều chất liệu này. Vì vậy, Phật tử cảm thấy có khoảng cách rất lớn đối với đạo Phật. Người đến với đạo Phật hầu như ở tuổi về già, nữ giới nên Phật pháp có những giá trị rất lớn mà lại không có dịp tiếp xúc.

Vấn đề nữa cần đặt ra là, trong các nghi thức tụng niệm có giới hạn và nặng về phần chữ Hán. Nhiều thập niên trước, nhu cầu biết chữ Hán rất cao, hầu như những người lớn tuổi trong giai đoạn đó đều có thể đọc được chữ Hán trực hay gián tiếp. Do đó, nhu cầu phiên dịch sang Việt ngữ không cần thiết. Giai đoạn hiện nay, nhất là trên đất nước Mỹ hay phương Tây đang sinh hoạt với hình thức cộng đồng thiểu số, không còn biết đến chữ Hán nữa. Nếu vẫn tiếp tục duy trì các nghi thức tụng niệm bằng chữ Hán, e rằng một lúc nào đó, tất cả những Phật tử đến với đạo Phật giống như là đọc thần chú để được đức Phật ban phước thay vì phải đọc được kinh Phật để hiểu được những chất liệu đạo đức, đời sống tâm linh, con đường chuyển hóa, phương thức hành trì, áp dụng vào ngõ ngách của xã hội, giải quyết những khủng hoảng về đời sống, gia đình, cá nhân, xã hội, thế giới, hòa bình... Do đó, họ đến với đức Phật và xem Ngài như một vị thần linh, Thượng đế, thay vì vị Đạo sư và kinh điển của Ngài, là giải pháp. Họ lại đến với Ngài với cách thức cầu nguyện, còn kinh điển của Ngài trở thành thần chú giải quyết những vấn đề dựa trên góc độ của phước báu. Cảm ứng như vậy có thể giới hạn con đường tiếp cận Phật pháp của Phật tử đối với quần chúng và xã hội.

c- Dẫn thân hành trì

Cách thức thứ ba là cần phải có cách thức dẫn thân nhiều hơn nữa trong sinh hoạt cộng đồng. Bởi vì, trong Phật giáo không chú trọng những sinh hoạt đó, nếu có thì không được tổ chức tốt. Do đó, không thu hút được giới trẻ, chỉ đáp ứng một số tầng lớp nhất định nào đó. Sinh hoạt gia đình Phật tử, hướng đạo Phật tử nỗ lực mang lại sức sống mới cho thành phần thanh thiếu niên trước đây chưa đề cập đến. Nếu phát huy các hoạt động như đưa nhạc vào trong nghi thức tụng niệm, sáng tác những bản đạo khúc thay vì tình ca, bài thuộc đạo ca, bài thuộc thiền ca gọi là chất liệu cuộc sống thì bấy giờ giá trị của sự đóng góp được gia tăng. Người đến với đạo Phật không còn cảm giác đạo Phật chỉ là tôn giáo dành cho những người tuổi về già hoặc là tôn giáo rất bí quan, yếm thế. Mặc dầu bản chất đạo Phật là tuệ giác có bí, trí, dũng nhưng trên thực tế, người ta đánh giá đạo Phật ngược lại với tinh thần đạo Phật đã có. Vì vậy, cần phải mạnh dạn đưa nhạc vào trong các sinh hoạt Phật giáo.

Có thể giảm bớt thời khoá tụng niệm về phương diện thời lượng để giới thiệu thêm những phương thức đưa Phật giáo vào những góc ngách của xã hội đối với thế hệ trẻ. Cần phải có những buổi giảng nhiều hơn. Bởi vì phần lớn các chùa, sau những thời kinh chỉ có những buổi trò chuyện gọi là pháp đàm với nhau, còn những buổi giảng về nội dung của các bản kinh quá ít. Nếu có, chẳng qua chỉ là nỗ lực rất cá thể của một số vị trụ trì ở một số tự viện nào đó, chưa có khuynh hướng rõ rệt rằng người Phật tử cần phải học giáo lý. Ngay cả trong nước, quá ít trung tâm giảng pháp và những trung tâm chỉ hoạt động được vào sáng hoặc chiều ngày chủ nhật. Trong khi số lượng Phật tử rất đông nhưng hội trường chỉ vài trăm chỗ ngồi. Chính vì vậy, nhu cầu đưa

kiến thức Phật pháp vào lòng xã hội trở thành bức thiết. Nếu bỏ rơi điều này, về lâu dài, người ta nghĩ đến với đạo Phật bằng con đường truyền thống có tín ngưỡng, gia đình hơn là con đường tiếp cận chân lý.

Còn nhiều phương pháp khác nữa nhưng vì điều kiện cho phép quá ít nên chỉ xin trình bày ba phương pháp phương diện mà tôi nghĩ là cần thiết. Nếu phát huy những phương diện này đồng bộ, hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau thì tin chắc trong tương lai rất gần, Phật giáo ở nước Mỹ sẽ được người địa phương tiếp nhận tích cực. Nhờ đó, có giá trị chuyển hóa đời sống bản thân và gia đình!

Nhu cầu hiện đại hóa Phật giáo

PV: *Chúng con xin cảm ơn thầy đã cho biết những quan điểm rất mới và tiến bộ cho vấn đề hoằng dương Phật pháp trong hiện tại và tương lai! Chúng con xin có câu hỏi thứ hai cũng liên quan đến cuộc hội thảo trên. Các đại biểu ưu tư và thao thức làm thế nào để hiện đại hóa và tôn giáo hóa Phật giáo, đồng thời làm cho Phật giáo trở thành nhu cầu tâm linh không thể thiếu trong cuộc sống, nhằm giúp con người vượt qua những vấn nạn của thời đại. Trên vị trí một tu sĩ đang hoằng pháp, với những kinh nghiệm học hỏi qua quá trình đi nhiều nước, thấy thực trạng Phật giáo nhiều nơi, thầy nghĩ sao và có ý kiến gì về vấn đề cấp thiết và thực tế này?*

TNT: Đây là câu hỏi rất hay trong những ngày hội thảo! Người ta đã được lắng nghe kinh nghiệm hiện đại hóa hoằng pháp của Phật Quang Sơn. Đặc biệt, dưới sự hướng dẫn tâm linh của Hòa thượng Tịnh Vân, người chủ trương về Tịnh Độ nhân gian là hình thái Tịnh Độ khác Tịnh Độ truyền thống đã được giảng dạy và tu học trong nhiều thế kỷ qua tại Việt Nam, Trung Hoa và những nước ảnh hưởng truyền thống

42 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Phật giáo đại thừa của Trung Quốc. Tịnh Độ tông được triển khai nhiều góc độ khác nhau.

Thứ nhất là phát triển phương diện giáo dục. Mở nhiều trường đại học Phật giáo. Bên cạnh đó, có thể mở thêm những trường đại học chung với tinh thần của nhà Phật đón nhận tất cả người Phật tử và không phải Phật tử, có tôn giáo và không tôn giáo. Đến với những trường đại học đó, họ được thấm chất liệu Phật pháp từ những nội dung thấm đượm giáo pháp. Nhưng ngôn ngữ, các khái niệm, thuật từ được truyền và diễn đạt hoàn toàn không phải thuần túy đạo Phật, họ sẽ dễ dàng chấp nhận và xem đó là một chất liệu cho cuộc sống. Về lâu dài, họ sẽ thấm nhuần chất liệu này, cảm thấy có nhu cầu đến với đạo Phật nhiều hơn và nhận ra tất cả những điều họ học được ở trường lớp chính là những phương châm, cách thức đạo Phật đã chuyển hóa cuộc đời. Đó là sản phẩm tuệ giác mà đức Phật đã để lại cho loài người 26 thế kỷ qua. Hòa thượng Tịnh Vân thực hiện phương hướng này rất thành công.

Thứ hai là dẫn thân vào góc độ từ thiện xã hội. Đạo Phật có rất nhiều học thuyết dạy về tình thương, cách thức chia sẻ tình thương, giúp người và bản thân cùng có hạnh phúc trong đời sống khổ đau. Trong điều nguyện thứ 11 của đức Phật Dược Sư có đoạn: *“Khi tôi thành Phật, nếu người nào đói khát, tôi xin cung cấp thức ăn, nước uống. Nếu người nào lạnh, tôi xin cung cấp áo quần. Miễn cho họ được no ấm rồi sau đó mới ban chánh pháp nhiệm mầu giúp họ được an vui, hạnh phúc lâu dài”*. Đây là triết lý về hành động và dẫn thân hoằng pháp rất hay nhưng đôi lúc không được chú ý, quan tâm.

Con đường hoằng pháp của đạo Phật có nhiều rào cản vì chỉ đặt nặng về triết lý, đạo đức, ý thức hệ, nhân sinh quan, thế giới quan mà không lo đến bao tử cho những người đến với đạo Phật. Trong khi đó, lời của đức Phật Dược Sư dạy

phải lo ăn mặc cho họ trước. Khi có đời sống vật chất tương đối đầy đủ, không còn bận tâm những nỗi khổ đau về vật chất gây ra mới có thể dễ dàng hướng tới đời sống tâm linh. Đó là lý do tại sao bây giờ phương Tây trở về nghiên cứu phương Đông. Đến với phương Đông, họ chọn đạo Phật là điểm tinh thần quan trọng và hấp dẫn nhất vì có nhiều giá trị lâu dài và những giá trị đó có thể giúp cuộc đời của họ chuyển hóa. Như vậy, khi con người đầy đủ đời sống vật chất, họ không bao giờ cho đời sống vật chất là những giá trị tuyệt đối. Họ có thể nhìn thấy lỗ hổng, mặt trái và khổ đau của những giá trị này. Họ thấy sự lợi dụng những giá trị đó làm khổ đau gia tăng trong lịch sử loài người nhiều thế kỷ qua. Từ đó, họ tìm đến những giá trị tâm linh cao hơn, tạo lại một cuộc sống thăng bằng và lâu dài hơn.

Cho nên, đức Phật Dược Sư đã dạy phải phát huy hai phương diện, vừa đời sống vật chất vừa đời sống tinh thần. Làm sao để người có cơ may đến với đạo Phật và người không đến với đạo Phật vẫn có được chất liệu của đời sống hạnh phúc, hòa quyện giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Như vậy, hạnh phúc mới thật sự được đảm bảo. Đó là cách thức Tịnh Độ tông của Hòa thượng Tịnh Vân dẫn thân và nhiều nơi đã dẫn thân. Nhưng nếu chỉ làm với tính cách cảm tính, nhường cơm sẻ áo vì thương những người khổ đau mà không hướng dẫn họ để có được những cách thức tự tồn tại, không khéo thì phương thức nhường cơm sẻ áo đơn thuần sẽ thiếu những phương pháp giúp họ tự kiếm được tiền và vật chất. Vì vậy, khi hết vật chất họ càng khổ đau, càng lệ thuộc vào người khác nhiều hơn. Nếu áp dụng phương thức đức Phật Dược Sư đã dạy là mang lại giá trị vật chất, sau đó cung cấp giá trị tinh thần. Ở đây, giá trị tinh thần là những phương pháp để tạo ra giá trị vật chất.

44 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Với mức độ đơn giản, thường nghĩ con đường làm từ thiện đơn thuần như đã thấy ở các hội đoàn Phật giáo chưa phải là giải pháp lớn giải quyết các vấn nạn khổ đau về vật chất cho xã hội. Bởi vì, khi cho họ ăn một bữa cơm, có thể giải quyết những khổ đau trong ngày đó. Còn nếu cho họ phương pháp để có được những bữa cơm thì đồng nghĩa với việc cho họ những hạnh phúc lâu dài. Như vậy, phải làm song hành giữa vật chất và tinh thần, giữa cái đem tặng và những phương pháp để tạo ra giá trị cái đã đem tặng cho họ. Đó là cách thức rất hay, dần thân vào từ thiện như vậy rất tốt!

Thường trong những dịp đi làm từ thiện, chúng tôi trích những câu kinh nho nhỏ trong *kinh Pháp Cú*, mười điều tâm niệm, mười bốn điều răn của đức Phật... đơn giản, mộc mạc chèn vào những gói quà, không cần để tác giả. Dĩ nhiên, những người tiếp nhận có thể xem phần đó không có giá trị, có thể quẳng vào sọt rác, họ chỉ chọn những phần quà để ăn, chọn phần tiền cất vào túi. Tuy nhiên, cũng có người đọc những bài kệ đó. Lúc đầu, họ không chấp nhận nhưng dần dần họ sẽ thấy đây là chất liệu đời sống tinh thần mà họ không thể nào thiếu. Cho nên, nếu chỉ làm công việc từ thiện đơn thuần sẽ đánh mất rất nhiều cơ hội giúp họ có những giá trị tinh thần cao hơn. Đi theo phương pháp, khuynh hướng Tịnh Độ dân gian của Hòa thượng Tịnh Vân đưa ra cần phải có những giá trị này để đáp ứng hạnh phúc lâu dài cho họ.

Góc độ thứ ba, phương pháp Tịnh Độ dân gian của Hòa thượng Tịnh Vân chủ xướng không chỉ tạo cho người ta có niềm mơ ước hay giá trị sau khi chết. Nếu có giá trị đó vẫn rất tốt nhưng vấn đề còn lại, vấn nạn lớn nhất của cuộc đời nằm ở thời gian con người đang sinh sống trong thế giới khổ đau. Mười, hai mươi, ba mươi hoặc trăm năm không có giải pháp đi vào lòng cuộc đời, tháo gỡ những khổ đau thì giá trị hạnh phúc ở thế giới

Cực Lạc sẽ bị giảm thiểu. Cho nên, truyền thống mới về Tịnh Độ dân gian là con người phải thiết lập Tịnh Độ ở trong tâm, trong hành động, trong lời nói, việc làm, trong cách thức chúng liên hệ với mọi người, đối tác, trong sinh hoạt, giao lưu, ứng xử với người khác. Làm thế nào để thông qua cách liên lạc, ứng xử, ngoại giao giữa bản thân và đối tác mang lại giá trị hạnh phúc, an vui, lợi ích về vật chất lẫn tinh thần cho mình với người ở hiện tại và tương lai. Thiết lập Tịnh Độ dân gian thông qua con đường giáo dục, từ thiện, dẫn thân, hành trì hay con đường Bồ Tát đạo. Tất cả phải mang chất liệu, hình ảnh của Tịnh Độ ở ngay lòng của cuộc đời và giá trị cuộc sống luôn luôn nở hoa. Đó là điều chúng tôi vô cùng tâm đắc và cho đó là hướng hiện đại hóa Phật giáo.

Phương pháp hiện đại hóa Phật giáo

PV: *Xin thầy cho biết phương pháp hiện đại hóa Phật giáo?*

TNT: Hiện đại hóa Phật giáo không có nghĩa là tạo ra nhiều giá trị mới cho đạo Phật. Bởi vì, bản chất lời dạy của đạo Phật đã có giá trị. Hiện đại hóa chỉ là phương pháp sửa lại cách thức hiểu, hành trì, dẫn thân đạo Phật vào cuộc đời. Làm cách nào để mọi người hiểu và hành được đạo Phật để có an lạc từ đạo Phật là bản chất của hiện đại hóa. Dĩ nhiên, có thể vay mượn nhiều phương pháp hiện đại, có thể đi từ góc độ của xã hội học, tâm lý học, phân tâm học, nhân chủng học hay của bất kỳ học thuyết, góc độ, phân ngành học nào để nhằm thông qua phương tiện đó mà mang lại giá trị cho cuộc đời. Như thế được gọi là hiện đại hóa.

Hiện đại hóa được hiểu như cách thức tùy duyên, tạo thêm những phương tiện, cách thức triển khai tinh thần của nhà Phật với điều kiện, chất liệu và bản chất an lạc. Nghĩa là, sự hành trì mang lại sự an lạc cho đạo Phật vẫn giữ nguyên bản

46 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

chất như đã được lưu giữ trong kinh điển. Có vậy, sự hiện đại hóa mới mang lại giá trị lâu dài. Nếu hiện đại hóa bằng cách vay mượn tất cả nội dung lẫn hình thức thì không mang nghĩa hiện đại hóa, mà là cách làm biến chất đạo Phật. Có thể đứng từ góc độ của tu sĩ, cư sĩ, người dẫn thân hay người hành trì mang lại giá trị hiện thực cho đạo Phật, cho những người đến với đạo Phật và những người hành trì đạo Phật. Nói cách khác, người dẫn thân làm thế nào đó có thể chứng minh cho mọi người thấy, đạo Phật có mặt trong cuộc đời không phải để con người phục vụ mà đạo Phật có mặt vì mục đích phục vụ con người.

Thông qua những người hoằng pháp, tu sĩ, cư sĩ... phải làm cho chất liệu Phật pháp được tỏa sáng, mang được an vui đến với người khác. Với tư cách là một tu sĩ đã có cơ duyên tu học tại Ấn Độ, và nhờ đó có dịp tham quan một số nơi ở Phật giáo có nhiều vấn nạn trên thế giới, tôi nhận ra nguyên nhân do sự phong phú về truyền thống tâm linh, pháp môn tu tập, con đường thực hành nên nhiều người cảm thấy hoang mang, xa lạ, thậm chí nghĩ các truyền thống này có mâu thuẫn lẫn nhau. Xin trả lời, đừng hoang mang như vậy vì tất cả những con đường đó là hoa thơm cỏ lạ, là những cách thức làm cho Phật giáo được mọi người tiếp cận ở nhiều góc độ với tâm tư thích hợp nhất. Cho nên, cách thức đứng và con đường đi, biểu tượng vận dụng, triết lý hành trì có thể rất đa dạng, phong phú. Nhưng, đừng cho rằng con đường mình đi, cách thức mình hành trì là số một còn của những người khác là số hai, ba, năm, mười... Khi bỏ được ý thức về chuyện một và mười đó, tất cả những phương pháp đồng bình đẳng. Điều này rất cần thiết cho Phật giáo. Có thể có hàng trăm tông phái hay hàng ngàn giáo pháp khác nhau nhưng tất cả sẽ trở thành những pháp môn vi diệu, con đường tích cực và dẫn thân hiệu quả, giúp mang đạo Phật phục vụ cho hạnh

phúc của loài người. Ngược lại, biến pháp môn, truyền thống, ngôi chùa, sự dân thân của mình trở thành một chất liệu tô bồi cho vị kỷ, giáo phái hay chủ nghĩa nào đó thì bản chất của sự dân thân không đúng đắn và có chất liệu đi ngược lại những giá trị đạo Phật muốn thật sự đóng góp cho con người, xã hội.

PV: *Xin cảm ơn thầy, chúng con được thầy giảng rất rõ ràng về vấn đề hiện đại hóa là đem đạo Phật vào đời để cho hoa đạo nở khắp nơi, giúp mọi người thấy nét đẹp và sự cần thiết của Phật giáo là phụng sự con người!*

Nói rộng biên giới hoàng pháp

PV: *Sau ba ngày hội thảo, cũng trong tinh thần đó, hội nghị đúc kết một nghị quyết gồm bốn điểm. Chúng con chú ý nhất đến điểm thứ tư là cử các vị hoàng pháp có trình độ đi khắp thế giới để làm cho thế giới Phật giáo ngày càng mở rộng hơn, những người con Phật và mọi người ngày càng gần nhau hơn, xóa đi những dị biệt để cùng nhau hoạt động nhằm thăng hoa cộng đồng xã hội và thế giới. Xin thầy cho biết nhận định của thầy về những thuận lợi cũng như khó khăn khi thi hành nghị quyết này trên bình diện quốc gia và thế giới?*

TNT: Chúng tôi cho điểm thứ tư của nghị quyết là một điểm đáng ghi nhận (order) rất lớn của mấy ngày hội thảo. Dĩ nhiên, ao ước đó đã có từ rất nhiều thế kỷ nhưng cách thức thực hiện rất lớn. Bởi vì, khó có cơ hội làm được việc này trên bình diện một quốc gia chứ chưa nói đến cả thế giới. Nhưng cũng có một số hội đoàn, giáo phái Phật giáo đã làm thành công. Ví dụ Phật giáo Tây Tạng, nhờ tị nạn trên đất nước Ấn Độ là nước có ngôn ngữ hành chánh và giáo dục là tiếng Anh nên mặc nhiên các nhà sư Tây Tạng được sinh ra, lớn lên trên đất nước này có cơ hội nói tiếng Anh thông thạo. Nhờ đó, con đường hoàng truyền, lý giải, giảng dạy Phật

pháp cho quần chúng phương Tây không có khoảng cách lớn như các cộng đồng Phật giáo của người Nhật Bản, Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn ở trên đất Mỹ và những nước nói tiếng Anh trên thế giới. Như vậy, những nhà hoằng pháp ở khắp nơi trên thế giới có thể đi một cách thành công những nơi họ muốn.

Chiến lược hoằng pháp

Thiết nghĩ, tất cả những nhà hoằng pháp đó phải có một chiến lược ngắn hạn và lâu dài. Chiến lược ngắn là có thể cử đi theo một chương trình giao lưu được tổ chức giữa hai nước với nhau như Việt Nam và Mỹ, Nhật và Mỹ, Trung Quốc và Mỹ, Đài Loan và Mỹ... Tại hai bên có hội đồng Phật giáo để nối kết, mời những vị đạo sư, nhà hoằng pháp, thiền sư, Tịnh Độ sư... thực tế để thuyết giảng về một chuyên đề hay một khóa tu nào đó song song với các chuyên đề vừa được giảng dạy.

Trong giai đoạn giảng dạy ở mức độ của chiến lược ngắn, cần đến những nhà phiên dịch thông thạo trợ giúp cho nội dung và chất liệu bài pháp của người hoằng pháp không biết tiếng Anh hay ngôn ngữ nơi họ đang có mặt để vẫn có thể được truyền tải rất chính xác đối với các cử tọa. Nhờ sự hiểu biết rộng rãi và chính xác như vậy, các cử tọa cảm thấy đạo Phật chính là chất liệu cho sự sống như nhu cầu không khí để thở, thực phẩm để ăn, áo quần để mặc. Do đó, có thể làm cho người ta đến với đạo Phật dễ dàng.

Chiến lược ngắn hạn không thể tồn tại được lâu vì về lâu dài, các cử tọa sinh ra nhàm chán. Mất hai giờ đồng hồ để nghe một bài thuyết pháp thông qua người phiên dịch sẽ có những gián đoạn bên trong. Cho nên, cần phải có những chiến lược lâu dài. Để có được chiến lược lâu dài, các nhà hoằng pháp được gợi, cử đi hay mời sang những nước nói

tiếng Anh, Đức, Pháp... phải được huấn luyện những kỹ năng nói ngôn ngữ của những nơi họ sẽ đến hoàng pháp. Với kỹ năng nói lưu loát mới có thể giới thiệu cho cộng đồng bản địa biết được chất liệu tâm linh của nhà Phật, nhu cầu mà họ không thể thiếu được.

Chất liệu bản địa

Có một câu chuyện trong *kinh Diệu Pháp Liên Hoa* cho thấy chất liệu bản địa là nhu cầu cần thiết cho công cuộc hoàng pháp được thành công hơn những vay mượn, nhập cảnh từ nước A sang nước B, nước C sang nước D. Khi đức Phật Thích Ca truyền bá, giới thiệu về triết lý Nhất Phật thừa, Tuệ giác, Phật tính, tiềm năng giác ngộ cao cấp nhất mà tất cả con người cần phải có, cần phải phát huy và có thể đạt được đã có rất nhiều vị Bồ tát ở nhiều hành tinh khác đến ca ngợi. Bởi vì, họ thấy được nỗ lực của đức Phật Thích Ca rất lớn, Ngài đã làm được kỳ công khó làm ở quốc độ có đời sống đạo đức, nhận thức khó khăn về hoàn cảnh, điều kiện xã hội, môi trường sinh thái và mọi cách thức. Cho nên, các vị Bồ tát đã phát nguyện: *“Bạch đức Thế Tôn, chúng con xin trở thành những tình nguyện viên tới thế giới Ta bà làm công việc hỗ trợ cho những pháp sư làm công việc giảng pháp. Những người hành trì pháp này, chúng con cũng tạo điều kiện thuận lợi để họ không còn thoái thác trên con đường đầy chông gai mà họ đang đi. Chúng con làm và tin chắc rằng sẽ thành công. Giá trị của sự thành công đó sẽ mang lại lợi ích cho cộng đồng!”* Lúc bấy giờ đức Phật cười cảm ơn thiện chí rất lớn và Ngài nói: *“Khoan đã, các ông hãy chờ một chút”*.

Nếu một người có thiện chí, muốn giúp đỡ nhưng mình không nhận thì giống như cách thức mình tạt nước lạnh vào người đó, họ có thể sinh phiền muộn. Ở đây, đức Phật không ứng xử theo cách thức tâm lý thông thường. Ngài thấy được

50 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

tiềm năng của những vị Bồ tát ở thế giới Ta bà nên nói: “*Này các vị, trước nhất, tôi xin ghi nhận tấm lòng và thiện chí của các vị về công cuộc bảo vệ, hộ trì, truyền bá giá trị chân lý tôi đang làm ở trên hành tinh Ta bà này. Nhưng các vị cũng biết, hành tinh này có những người như các vị dù có thể thua các vị ở phương diện này hoặc phương diện khác, nhưng họ có thể làm được những việc này và làm rất thành công. Bây giờ các vị hãy chờ, trong chừng giây lát sẽ có nhiều vị Bồ tát xuất hiện làm chuyện đó*”. Nhờ thần lực của Như Lai, bỗng dung tất cả các vị Bồ tát từ dưới đất vọt lên và họ làm rất hiệu quả.

Các vị Bồ tát ở những cõi khác nhìn thấy hiệu quả đó, lòng sinh hoan hỷ. Câu chuyện “*Tùng Địa Đồng Xuất*” là từ dưới đất vọt lên, nếu hiểu không khéo sẽ cho là một huyền thoại không có giá trị. Cần hiểu, “*tùng địa*” là từ bản tâm, từ ngay bản tánh, tiềm năng của mình đầy đủ chất liệu của những Bồ tát, các vị Phật. Cũng có chất liệu của những người dẫn thân, vĩ nhân ở trong cuộc đời. Nếu người khác làm được thì mình cũng có chất liệu đó. Đức Phật đã nhìn thấy được yếu tố bản địa là một giải pháp lâu dài và có hiệu quả. Có thể vay mượn các vị Bồ tát từ các nơi khác đến như vay mượn một vị thiền sư, cao Tăng ở nước A, B, C đến ngay đất nước Mỹ để làm đạo. Dĩ nhiên, các vị đó có thể tồn tại 20, 30, 40 năm... rồi viên tịch. Khi đó sẽ cảm thấy hụt hẫng vì hiếm ai có thể thay thế được vai trò vị trí của những vị này. Cho nên, phải biết tận dụng tiềm năng ở ngay những con người bản địa. Khai thác được những tiềm năng đó, chất liệu này sẽ trở thành sức sống, mạch nước Phật pháp tâm linh rất lớn!

Đức Phật dạy, phải biết khai thác giá trị bản địa. Giá trị bản địa được đánh thức bằng cách, những vị cao Tăng ở nơi khác tới truyền đạo vào nước Mỹ. Sau đó, chính những người

Mỹ gồm bất cứ ai định cư tại Mỹ đến với đạo Phật phải có trách nhiệm thấp sáng được ánh sáng của đạo Phật với quần chúng và con người. Chính những người đó là giải pháp cuối cùng, lâu dài cho công cuộc mang ánh sáng Phật pháp đến với những công dân của nước Mỹ. Tương tự, có thể hiểu chất liệu bản tính, bản năng là chất liệu tiềm năng Phật tính, tiềm năng hoằng pháp thành công của những người ở nước Pháp, Đức, Anh hay bất cứ quốc gia nào đó.

Cách thức này cho thấy, muốn làm đạo thành công, những cộng đồng Việt Nam, Trung Hoa, Nhật bản, Triều Tiên, Đại Hàn không thể chỉ giới hạn truyền bá Phật pháp và phương thức hành trì trong cộng đồng của mình. Mà phải bắt đầu dẫn thân hoằng pháp bằng con đường nói tiếng Anh. Người Việt ở nước Mỹ và con em của người Việt Nam tại đất nước Mỹ nói tiếng Anh giỏi hơn tiếng Việt thì dĩ nhiên việc giảng pháp, tụng kinh, hành trì, dẫn thân bằng tiếng Anh không chỉ có con em Việt Nam được lợi ích, mà cả những người bản địa thuần nói tiếng Anh cũng có được cơ hội đến chùa, đến với Phật pháp, sự hành trì của người giảng. Do vậy, họ có được lợi ích từ sự hành trì đó. Thế mà, cộng đồng người Việt Nam, Nhật Bản, Trung Hoa, Triều Tiên lại giới hạn trong sinh hoạt phục vụ dân bản địa.

Sau giai đoạn đầu, thế hệ lớn tuổi qua đi, những thế hệ thứ hai, thứ ba, thứ tư sẽ không cảm thấy ngôi chùa ông, cha xây dựng ra gần gũi với họ nữa. Họ sống trong nền văn hóa, hấp thu nền giáo dục của Mỹ, nói tiếng Mỹ, sinh hoạt kiểu Mỹ. Thành trì truyền thống văn hóa của Việt Nam, Nhật Bản, Trung Hoa, Triều Tiên trở thành Vạn Lý Trường Thành, thành bức tường Berlin, thành gián cách, thách thức rất lớn. Để đến với nó thì họ phải mất rất nhiều thời gian học hỏi Phật pháp. Do đó, họ cảm thấy đạo Phật không còn là nhu cầu.

52 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Chính vì vậy, cần phải đầu tư rất nhiều cho giới trẻ, những vị xuất gia, tại gia tại đất nước Mỹ, phải dần thân nhiều hơn mới có thể làm công cuộc hoằng pháp thành công. Cho nên, công việc đưa các nhà hoằng pháp ra nước ngoài giao lưu, xóa đi khoảng cách địa lý, màu da chủng tộc, thành kiến, phải làm bằng những cách thức khác nhau.

Đầu tiên là gọi những nhà hoằng pháp ngắn hạn. Sau đó, gọi những nhà hoằng pháp dài hạn. Những nhà hoằng pháp này phải được đầu tư huấn luyện kỹ năng hoằng pháp, ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng nền văn hóa bản địa như một công cụ lý giải, phân tích, triển khai Phật pháp. Lúc bấy giờ, người ta mới thấy Phật pháp không có gì xa lạ, thật gần gũi với họ. Nếu giữ ngôi chùa Việt Nam với mái cong trên đất nước Mỹ, dĩ nhiên người Việt Nam cảm thấy gần gũi nhưng người phương Tây cảm thấy xa lạ. Vì xa lạ, họ không có cơ hội đến chùa và học được chánh pháp, nghe thuyết giảng. Cho nên, có những lúc phải mạnh dạn vay mượn những nền tảng, yếu tố văn hóa bản địa để tô bồi, lý giải Phật pháp nhưng nội dung phải không thay đổi. Phần hình thức vận dụng bằng nhiều cách là cách thức tạo ra nhịp cầu cảm thông giữa người bản địa và phi bản địa. Có được sự mạnh dạn đó thì trong tương lai, công cuộc hoằng pháp sẽ thành công và các nhà hoằng pháp sẽ để lại những giá trị lâu dài.

Nhìn lại quá khứ 150 năm về trước, những người Trung Hoa đầu tiên sang nước Mỹ đã mở rất nhiều ngôi chùa. Nhưng cuối cùng, những vị đó và thế hệ Phật tử ủng hộ ngôi chùa đó nằm xuống thì con em của họ không đến chùa nữa, nhiều chùa đóng cửa và phải bán. Nếu không khéo, Phật giáo Việt Nam cũng lâm vào một tình trạng tương tự, sẽ phải đóng cửa những ngôi chùa trong tương lai. Số lượng chùa của Việt Nam nhiều là điều đáng mừng nhưng cũng là nỗi

lo nếu không có cách thức duy trì, làm cho con em Phật tử, những thế hệ trẻ đến chùa. Ngôn ngữ họ đang sử dụng, nền văn hóa họ đang sống, cách thức họ đang sinh hoạt ở Mỹ mà lại rập khuôn nhập cảng nền Phật học Việt Nam hay Trung Hoa hoặc Nhật Bản thì sẽ không bao giờ biến những nền Phật học đó thành chất liệu sự sống tâm linh của họ. Vì vậy, nỗ lực cũng chỉ là nỗ lực, giới trẻ không thể cảm nhận đó là một thiện chí. Cuối cùng, họ sẽ đẩy thiện chí ra bên ngoài. Do đó, giá trị của sự hoảng pháp không bền lâu.

PV: *Xin cảm ơn thầy, tầm nhìn của thầy rất xa và chính xác! Bởi vì, trong cuốn sách Sen Nở Trời Ấu Mỹ cũng có nói đến vấn đề phát triển Phật giáo ở Âu Mỹ và vấn nạn nếu cứ đi theo vết bánh xe cũ, sẽ không phát triển được và một ngày nào đó sẽ tàn lụi. Quan điểm của thầy rất đúng với thao thức của chúng con!*

Về hai quyển sách chống phá Phật giáo

PV: *Kính bạch thầy, xuyên qua vấn đề kinh sách Phật giáo. Gần đây, con thấy xuất hiện một vài cuốn sách nói về Phật giáo của một số tác giả thuộc đạo Gia Tô. Đặc biệt hai quyển là “Hành Hương Đất Phật” của tác giả Phan Thiết, tên thật là Nguyễn Kim Khánh và quyển “Tôn Giáo và Lịch Sử Văn Minh Nhân Loại, Phật Giáo Việt Nam và Thế Giới” của hai tác giả bút hiệu là thiền sư Định Lực và cư sĩ Nhất Tâm, tên thật có thể là Phạm Cao Hoàng. Trong hai quyển sách vừa nêu, thầy đã có dịp đọc quyển nào chưa? Nếu có, theo ý kiến của thầy, nội dung của những quyển sách này có thật sự là những nghiên cứu đúng đắn dẫn về Phật giáo không?*

TNT: Tôi đã có dịp đọc qua hai quyển sách vừa nêu. Quyển “Hành Hương Đất Phật” đọc cách đây mấy năm mà cũng đã có sự trả lời và ra mắt với tựa đề “Vạch Trần Âm

Mưu Phá Ngầm Phật Giáo”. Chúng tôi nhận được quyền ký sự “*Hành Hương Đất Phật*” từ thầy Nguyên Tạng, một người bạn học cũ ở Việt Nam, hiện tại đang ở Úc. Khi đọc tác phẩm này, tôi cảm thấy có nhiều điều cần phải lên tiếng góp ý và xây dựng đối với tác giả đã có cái nhìn sai lệch về Phật giáo. Chủ ý của tác giả là muốn độc giả phải lưu tâm chứ không phải là chuyện viết sai lầm một cách tình cờ hay do hạn chế về kiến thức Phật học. Khi phái đoàn của Hòa thượng Phước Huệ sang Ấn Độ hành hương, ông Phan Thiết cũng tham gia chuyến đi đó. Không trực tiếp theo phái đoàn nhưng tôi được nghe kể lại. Khi đến các Phật tích, ông để lại nhiều ấn tượng đẹp cho những người lớn tuổi. Trong đoàn có vài cụ trên 75 tuổi, có hai người bị đau chân đi không được, ông phát tâm cõng hai bà cụ này vào những đền Phật tích lễ bái. Khi vào bên trong, chính ông không lạy và ra ngoài khiến nhiều người rất ngạc nhiên thắc mắc, tại sao ông phải mất nhiều tiền qua đến đất Phật lại không chịu lễ bái? Ông trả lời, tôi phát nguyện giữ dép giầy và hành lý của các vị, các vị có thể an tâm lễ bái. Mọi người trong phái đoàn đều cảm động trước tâm hạnh của ông.

Ngày phái đoàn rời Ấn Độ trở về Úc, tôi có cơ hội được mời đến tham dự và gặp Hòa thượng Phước Huệ. Hòa thượng đề cử tôi đại diện chư Tăng Ni có mặt tại đó phát biểu cảm tưởng. Ông Phan Thiết là người đại diện cho những Phật tử phát biểu cảm tưởng. Khi nghe ông phát biểu, chúng tôi nghĩ ông là một Phật tử thuần thành, lời lẽ Phật pháp và khiêm tốn, rất hay. Nhưng khi trở về, ông lại ra cuốn ký sự “*Hành Hương Đất Phật*”. Nếu chỉ nhìn tựa đề sẽ gây ra sự hiểu nhầm là tác phẩm được ông ghi nhận về những cuộc hành trình ông có mặt trên đất Phật với phái đoàn. Trái lại, tất cả nội dung làm cho mọi người thất vọng vì đọc vào quyền sách, nói theo

giáo sư Trần Văn Ngọc, đó là quyển sách “*hành hung đất Phật*”. “*Hành hương đất Phật hay hành hung đất Phật*” vì tất cả những điều ông trình bày từ thế giới quan, vũ trụ quan, nhân sinh quan, Phật Đà quan, hành đạo quan, những quan niệm về đạo Phật, cuộc đời đều được ông ta bóp méo bằng ngòi bút điêu luyện với cách chơi chữ rất hay.

Nếu Phật tử không có những nền tảng căn bản về Phật pháp mà có thiện cảm với ông trong chuyến đi đọc tác phẩm này sẽ tưởng ông là Phật tử hồi tâm tỉnh ngộ sau những năm tháng đi theo đạo Phật, thấy đạo Phật là con đường sai lầm. Những hành động của ông trong chuyến đi rất gây thiện cảm nên sách của ông dễ dàng tạo niềm tin và mang lại tai hại lớn, làm nhiều người hiểu sai đạo Phật. Tôi đặt ra vấn đề, tại sao ông Phan Thiết không dám mạnh dạn đặt vấn đề và tháo gỡ với nhau trong những cuộc đối thoại? Điều đó sẽ rất hay, rất khách quan. Cần gì phải giả Phật tử thuần thành nhập vào phái đoàn hành hương để gây thiện cảm? Từ thiện cảm đó, ông ra tác phẩm khiến những Phật tử đi cùng đoàn dễ dàng chấp nhận. Do chấp nhận, họ sẽ có cái nhìn sai lầm về Phật giáo. Cách thức như vậy cho thấy ông là một người có chủ hướng rất rõ ràng khi đặt bút viết tác phẩm này. Đó là điều không hề lầm lẫn.

Trong những trang cuối, ông ta viết: “*Tôi viết tác phẩm này suốt tám năm liền, tôi đã đầu tư đọc kinh sách, vào những ngôi chùa giao tiếp với quý thầy, nhận định, đánh giá, học hỏi rất nhiều thứ rồi tôi mới viết ra cuốn sách này để ý thức. Biết đâu, quý vị khi đọc quyển sách này sẽ được tỉnh ngộ, sẽ được giải thoát*”. Đó là đại ngôn vì đọc vào những lời sai lầm ấy làm sao giải thoát, có thể giải thoát khỏi những chuyện ảo giác của ông ta là muốn xóa nhòa đạo Phật - một mặt trời tinh thức bằng những ảo giác của mình. Nói cho người tỉnh thức

với ngòi bút sai lầm của ông là điều không thể có trong cuộc đời. Việc chúng tôi viết tác phẩm phản hồi lại ông không phải mang tính chất hận thù, Phật giáo đối đầu lại tác giả Kitô giáo mà chỉ muốn nói lên trong cách thức tiếp cận của ông có những điều không chính xác. Từ sự không chính xác đã phủ định tất cả những gì ông viết trong tác phẩm.

Đến với đạo Phật bằng thái độ sai lầm như vậy, những giá trị của đạo Phật dầu như kim cương cũng chỉ là những giọt nước mắt. Tại sao không chấp nhận viên kim cương có giá trị, lại chấp nhận những giọt nước mắt? Tại sao không nhìn thấy đóa hoa hồng mà chỉ tạo ra những cái gai mặc dầu đóa hoa hồng đó đã được tách khỏi gai? Như vậy, cách nhìn, sự tiếp cận với đạo Phật sẽ mang lại giá trị lợi và không lợi. Nếu là người khôn ngoan, tri thức, chúng tôi xin khuyên tác giả và những người có tinh thần tương tự như tác giả Phan Thiết đừng nên biến viên kim cương thành giọt nước mắt, đừng bao giờ tạo thêm nhiều cái gai cho một cánh hoa hồng đang đẹp, mọi người đang thương thức và hạnh phúc với sự thương thức này!

Riêng về tác phẩm “*Tôn Giáo Và Lịch Sử Văn Minh Nhân Loại*”, “*Phật Giáo Việt Nam Và Thế Giới*” của hai tác giả mang bút hiệu thiền sư Định Lực và cư sĩ Nhất Tâm, chúng tôi đã đọc qua và có hai bài viết đăng trên nguyệt san báo *Giác Ngộ* cách đây vài tháng. Chúng tôi phỏng vấn Phạm Cao Hoàng là tác giả quyển sách này và được biết, Định Lực thiền sư chỉ là cái tên để tạo tác phẩm có giá trị, vì mang danh nghĩa là thiền sư sẽ thu hút nhiều người đọc. Ở Việt Nam có vị sư tên Định Lực, theo trường phái Nam tông, sống tại Huế. Ông là chủ của chủ tiệm sách Văn Lang, người bảo trợ cho tác phẩm và xuất bản tác phẩm này.

Chúng tôi tìm hiểu và được biết, bất cứ tác phẩm nào về Phật pháp nhà sách này mua để xuất bản thường đặt tên chủ của mình vào, nâng giá trị của ông chủ lên, khiến tác phẩm được độc giả đón nhận nồng nhiệt. Nhưng ông không biết cách làm nhiệt tình đó mang lại những giá trị tai hại cho bản thân người chủ và Phật giáo, mặc dầu ông chỉ muốn có giá trị lợi nhuận về kinh tế. Cư sĩ Nhất Tâm là người của vài mươi năm trước, ông đã qua đời cách đây khá lâu. Dù mang danh là cư sĩ, thật ra những tác phẩm của ông viết vừa có chất liệu của Cao Đài, vừa có chất liệu của hòa đồng tôn giáo nhất thần và đa thần. Một số sách của ông được xuất bản rất nhiều ở Việt Nam vào năm 1965-1975. Khi tạo ra tác phẩm này, ông Phạm Cao Hoàng đã lấy lại những điều đó và chỉ có nhuận bút sửa lại một số câu. Sau đó, nhận tiền bán cho nhà thầu sách Văn Lang. Theo ông cho biết, số tiền nhuận bút khoảng mười mấy, hai chục triệu.

Thiết nghĩ, một tác giả viết sách với lý do kinh tế mà không nghĩ đến tác hại của tác phẩm thì vị tác giả ấy nên xét lại lương tâm cầm bút của mình. Hơn nữa, ông ta tự xưng là một Phật tử, thậm chí là đệ tử của Hòa thượng Thích Đức Nhuận. Ông không nên lạm dụng danh xưng như vậy vì khi trao đổi, ông vẫn gọi chúng tôi bằng anh. Nếu là Phật tử, không thể gọi một tu sĩ bằng anh được. Vì vậy, ông là người chuyên sống bằng nghề viết sách. Ông tự thuật rằng, ông sống với nghề này bằng cách nhuận văn lại một số tác phẩm và xuất bản với tên của mình.

Trong tác phẩm đó gồm bốn phần, phần “*Phật giáo khắp thế giới*” của Đại đức Nguyên Tạng đã được xuất bản thành sách và trên internet ở trên các nước thuộc châu Úc bị trích lại 100%. Việc làm này rất liều lĩnh vì xã hội ngày nay với phương tiện thông tin đại chúng, có thể thấy được chuyện

bên kia của nửa trái đất giống như thấy một vân tay trên bàn tay. Thế mà ông ta lấy 100%, thậm chí những lỗi chính tả cũng được giữ nguyên, những chú thích vẫn còn giữ nguyên, rồi đặt tên thiền sư Định Lực và cư sĩ Nhất Tâm vào và bán cho các nhà xuất bản. Ở Việt Nam, khi báo *Giác Ngộ* và nguyệt san *Giác Ngộ* nêu vấn đề này, ông có làm tờ kiểm điểm. Cục xuất bản Việt Nam cũng đã lập biên bản, họp thu hồi những quyển sách này. Theo biên bản đó gởi đến tòa soạn *Giác Ngộ*, khoảng 800 cuốn. Điều đáng tiếc, khi cục xuất bản làm điều này không mời nhân chứng nào của Phật giáo có mặt trong cuộc thống kê và thu hồi. Họ có thu hồi hay không không ai biết. Sau khi đọc được tin thu hồi, ở những tiệm sách lớn như Nguyễn Văn Cừ Q.5 và một số tiệm sách khác ở Sài Gòn vẫn thấy bày bán. Cho nên, vấn đề thu hồi chỉ là có cho thấy họ vẫn làm rất khách quan về những chuyện sai lầm của tác phẩm này để lại, và nhà xuất bản cũng đã lên tiếng xin lỗi về những sơ suất trong phương diện biên tập, xuất bản tác phẩm này. Nhưng họ chỉ làm một cách qua loa, thiếu trách nhiệm. Nó không chỉ tổn hại về phương diện kinh tế đối với tác giả quyển sách mà còn tổn hại về đời sống đức tin, đời sống tinh thần, giá trị chất xám của người khác tạo ra một tác phẩm bằng năm tháng mảy mò nghiên cứu của họ.

Đứng từ nhiều góc độ, chúng tôi xin góp ý. Việc đó hoàn toàn không nên làm, tác giả nên thành thật hơn, nên có lương tâm nhiều hơn trong ngòi bút của mình. Những gì cần viết thì nên viết, những điều gì viết mà không có lợi cho đời sống đạo đức, đời sống an vui, hạnh phúc của nhân loại, xã hội thì không nên viết với danh nghĩa của người này hay người khác, đôi khi phản lại hoàn toàn đến mức không ngờ được tác hại rất lớn.

Hai tác phẩm vừa nêu là những điều cho thấy, sự mở cửa về xuất bản sách hiện nay trong nước, những người làm công

tác biên tập, duyệt cho một tác phẩm được xuất bản cần phải nhìn lại chính mình nhiều hơn, liệu có đủ trình độ để phân định một tác phẩm đúng và sai? Đừng cho nó ra đời một cách vô tội vạ. Đừng dựa vào quyền lực kiểm soát tác phẩm mà không màng đến giá trị, sự ảnh hưởng của tác phẩm đó đối với đời sống tinh thần của quần chúng độc giả. Nếu làm thiếu trách nhiệm như vậy, công việc biên tập xuất bản những tác phẩm rất nguy hiểm. Nếu tập trung về một mối, sự nguy hiểm lại càng gia tăng, giống như trường hợp ra đời của tác phẩm *“Tôn Giáo Và Lịch Sử Văn Minh Nhân Loại, Phật Giáo Việt Nam Và Thế Giới”*.

PV: *Xin tiếp một câu hỏi đối với vấn đề có tính cách không tốt đẹp cho Phật giáo Việt Nam. Qua những quyển sách viết về Phật giáo như vậy. Theo thầy, hàng Phật tử cần phải được cảnh giác ở mức độ nào? Và vấn đề này có thể gây sứt mẻ tình đoàn kết tôn giáo, theo thầy, các vị lãnh đạo tinh thần có nên lên tiếng về những vấn đề này hay không?*

TNT: Về phương diện cảnh giác, tất cả những người con Phật nói chung, dù xuất gia hay tại gia, khi đọc một tác phẩm đừng bao giờ đọc với danh nghĩa của một tác giả. Dù tác giả đó có thể là người rất có ảnh hưởng về phương diện chính trị, xã hội, kinh tế, thậm chí trong lĩnh vực văn chương. Đừng đến với tác phẩm bằng cái danh của người viết mà hãy đến với tác phẩm bằng chất liệu tác phẩm đó chứa tải. Khi đến với tác phẩm bằng thái độ như vậy, những điều đúng sai sẽ thấy rõ. Những điều thiếu khách quan sẽ thấy rõ và những điều xuyên tạc về đạo Phật sẽ thấy chính xác. Có như vậy, sự tiếp cận một tác phẩm phi Phật giáo hay chống Phật giáo sẽ rất rõ ràng, không bao giờ bị cuốn hút theo những chiêu bài, danh nghĩa để xuyên tạc Phật giáo bằng cách này, cách khác. Cho nên phải đến với tác phẩm bằng một thái độ khách quan như vậy.

Đối với các vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo nói chung, thiết nghĩ, các vị đó cần phải có một sự vận động tôn trọng tôn giáo của người khác, đến với tôn giáo của người khác bằng tất cả sự khách quan có được. Dĩ nhiên, mỗi người có cá tính, nghiệp tính, nhận thức, lý tưởng riêng, khó có thể chấp nhận lý tưởng khác. Đó là chuyện cá nhân, tự do lựa chọn, không bàn đến. Nhưng khi đến với một tôn giáo khác, cần bỏ ranh giới của sự tự do. Tránh tình trạng không thích tôn giáo nào lại dùng ngôn ngữ xuyên tạc, dùng những cách chơi chữ để nói xấu, biếm vẽ, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và tâm linh, niềm tin của tín đồ tôn giáo đó. Là những người lãnh đạo tinh thần, cần phải khuyến khích các tín đồ, nhất là những người cầm bút đến với tôn giáo khác bằng tất cả sự trân trọng. Bằng tấm lòng trân trọng mới thấy được giá trị, sự khác biệt và tại sao đạo này có mặt, giá trị phục vụ cho con người ở chỗ nào... Từ đó, sẽ không bao giờ chấp nhận học thuyết sai lầm và được đại đa số quần chúng chấp nhận là đạo nào cũng dạy người ta lánh ác làm lành. Nếu như đạo nào cũng dạy người ta lánh ác làm lành thì chỉ cần một tôn giáo trong cuộc đời là đủ. Trên thực tế, có 10, 20, thậm chí trong tương lai sẽ có nhiều tôn giáo nữa. Dĩ nhiên, khi các tôn giáo đó ra đời, giáo chủ không chấp nhận con đường, cách thức, giá trị tôn giáo cũ phục vụ nên mới có thêm những giá trị của các tôn giáo khác.

Cho nên, đừng đánh đồng hình thức với nội dung, cũng đừng đánh đồng nội dung với hình thức. Từ thái độ tiếp xúc thận trọng, các tôn giáo có thể tiếp xúc với nhau, bổ sung cho nhau những giá trị không có của nhau. Tôn giáo có giá trị A bổ sung cho tôn giáo có giá trị B và ngược lại. Dù bất đồng, khác biệt với nhau về cách thức, hành trì, giá trị trong cuộc đời nhưng vẫn có thể ngồi lại, sống với nhau, có thể dần thân với nhau trong cuộc đời vì mỗi cái sẽ có những giá

trị riêng biệt. Nếu đến với tôn giáo khác bằng thái độ thiếu thiện chí, tuyên truyền và giảng giải tinh thần Phật giáo hay tinh thần Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo... thì mâu thuẫn tôn giáo, ý thức hệ về cách hành trì tôn giáo không xảy ra trong lịch sử. Có chăng, khác biệt đó chỉ ở mức độ có thể chấp nhận được, đừng để dẫn tới những xung đột hay cực đoan tôn giáo. Nếu tôn giáo đến với nhau bằng con đường chiến tranh và hận thù thay vì là con đường của giải thoát khổ đau, thì tôn giáo chính là đầu mối của khổ đau.

Đạo Phật là một trong những tôn giáo của con đường giải quyết những khổ đau nên dù tôn giáo, tác giả của các tôn giáo nào đó lợi dụng tinh thần tự do dân chủ, lợi dụng quyền viết của mình để xuyên tạc đạo Phật thì đạo Phật cũng không bao giờ hận thù với họ. Ngược lại, những người Phật giáo cần phải có tình thương rộng hơn nữa vì nghĩ họ chưa có cơ hội để tiếp xúc với ánh sáng của tình thương và tuệ giác. Họ có thể mất phần lợi lạc của việc không tiếp xúc này, cần phải thương họ nhiều hơn! Từ tình thương đó, có thể cảm hóa họ trong tương lai. Đó là điều có thể tin sẽ trở thành hiện thực.

PV: *Chúng con cảm ơn thầy đã ban cho những lời vàng ngọc! Con nhớ thầy có hai câu thơ như thế này:*

*“Tình pháp lữ hạnh anh nhi
Nụ thiền thanh thoát còn gì khổ đau”.*

Chúng con gặp được thầy, nhìn nụ cười của thầy thật đĩnh ngĩa rất thanh thoát!

Cảm tưởng về chuyến hoàng pháp ở Mỹ

PV: *Xin thầy cho biết cảm tưởng về chuyến hoàng pháp ở Mỹ trong thời gian qua của thầy. Phật tử những nơi thầy đã tới có như những Phật tử ở đây không?*

62 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

TNT: Tôi nghĩ rằng, sự trả lời khó có thể toàn diện. Bởi vì, chúng tôi chỉ mới đi tham quan một vài nơi như Houston, Dallas, New Orland, San José và hiện tại là Los Angeles. Tôi chỉ mới vừa tham quan bốn thành phố tiêu biểu nhưng đã đánh giá sinh hoạt tu học của Phật tử tại Hoa Kỳ là điều rất vội vàng. Tuy nhiên, thông qua buổi pháp đàm cá nhân, có dịp trao đổi, trình bày và chia sẻ với những Phật tử, chúng tôi nhận thấy tinh thần tu học của Phật tử tại Hoa Kỳ rất lớn. Thông qua con đường của tri thức Phật pháp, tinh thần đó khiến tôi phải nghĩ đến nhu cầu về đời sống tinh thần. Trong quá khứ, không chú trọng đến phương diện này. Việt Nam trước năm 1975, các ngôi chùa mới được mọc lên sự dân thân của các vị trụ trì rất nhiều, dân thân đến độ thời gian tu học của các vị chỉ là duy trì chánh niệm, tinh thức, thông dong tự tại trong việc làm, còn những thời khóa có thể bị giảm. Cách thức phục vụ quá nhiều dành cho một người phải đương đầu với nhiều dân thân khác nhau. Cho nên, chương trình tu học ở các nơi không trọn vẹn như mong ước ở những nơi Phật giáo đang phát triển mạnh. Dù vậy, vẫn nhìn thấy những sự nỗ lực rất lớn của các nhà sư, sư cô ở đất nước Hoa Kỳ!

Thông qua những nỗ lực đó, chúng tôi thấy còn những nhu cầu đang bị bỏ sót. Ví dụ, những chương trình giảng dạy Phật pháp hàng tuần ở từng ngôi chùa hoặc các khóa tu học ứng dụng Phật pháp vào đời sống hàng ngày vẫn là vấn đề bị bỏ ngỏ. Thông qua cuộc tiếp xúc, chúng tôi nghĩ, Phật tử cần nhiều thời pháp, chương trình tu học, cách thức để chuyển hóa khổ đau hơn các ngôi chùa chỉ hiện hữu là một ngôi chùa như một điểm hội tụ về tâm linh. Tinh thần tu học là nhu cầu rất lớn, thông qua đó, đã đến lúc phải đầu tư về phương diện tâm linh và tinh thần cho những Phật tử nhiều hơn. Nếu không, họ đến với đạo Phật bằng tâm trạng rất bơ vơ, lạc

lỗi vì thiếu phần chăm sóc. Trên tinh thần đó họ có thể được hướng dẫn con đường làm phước báu, hành trì tu tập nhưng không có kiến thức về Phật pháp thì sự hành trì tu tập có thể không có đường hướng rõ ràng, không có con đường lâu dài và bền bỉ. Do đó, giá trị an lạc, hạnh phúc của họ đến với đạo Phật không được đảm bảo lâu. Dĩ nhiên, cần thông cảm cho khó khăn của công việc Phật sự mà các giáo hội Phật giáo hải ngoại gặp phải, nhưng không cho phép dừng lại ở những thành quả đang có. Ngay cả ở trong nước và bất cứ nơi nào cũng vậy, cần phải dần thân nhiều hơn.

Chúng tôi không dám gọi là lời nhắn nhủ, chỉ xin một lời chia sẻ với các Phật tử nếu có là, hãy tin tưởng một tương lai xán lạn của Phật giáo ở đất nước Hoa Kỳ và nhiều nơi khác trên thế giới. Bởi vì, nó là chân lý. Thế kỷ XXI, tất cả mọi tầng lớp trong xã hội ở nhiều góc độ khác nhau đã chấp nhận đạo Phật là con đường của tâm linh. Khi đi trên con đường tâm linh, mọi người hân diện, tự hào đang sống trong biển Phật pháp, đang hòa mình hít thở trong không khí Phật pháp, chỉ cần sống hạnh phúc, tất cả giá trị đó sẽ có mặt. Do vậy, cần phải chịu khó vượt qua những khó khăn thử thách về chế độ làm việc nghiêm khắc và nặng nhọc ở Mỹ, duy trì truyền thống này ở trong từng ngôi nhà. Đặc biệt, phải khuyến khích con em, nhất là những trẻ em dưới tuổi vị thành niên đi chùa, lạy Phật, học tiếng Việt, nghe Phật pháp. Mặc dù Phật pháp được dẫn giải ở đây bằng Tiếng Việt, các em có thể gặp rất nhiều khó khăn. Nếu vượt qua những khó khăn này, về sau, chính những chất liệu tâm linh đó sẽ nâng giắc, giúp đỡ các em trong cuộc đời bất cứ lúc nào các em cần đến. Cho nên, tất cả các bậc phụ huynh cố gắng thuyết phục con em trở thành một Phật tử như chính mình đã trở thành một Phật tử. Bởi vì, giá trị chân lý đó là điều không thể phủ định được.

64 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Nếu thương con em mà không hướng dẫn chúng trở thành Phật tử, thật là sự mất mát cho thế hệ con cháu trong tương lai. Chúng tôi tin chắc, với sự sáng suốt, với con đường Phật pháp quý vị đã đi, các vị có thể vượt qua thử thách và làm việc này rất thành công!

PV: Trong thời gian vừa qua, thầy đã ban rất nhiều pháp nhũ cho chúng con. Xin thay mặt tất cả các thỉnh giả của đài Đuốc Tuệ, cảm ơn thầy! Và thật rõ ràng trong những giờ phút vừa qua, chúng con đã được say trong men rượu Bồ Đề đúng với nghĩa lời thơ của thầy:

*“Say trong men rượu Bồ Đề
Tâm liền vượt thoát cơn mê nhiều đời”.*

Thật quý hóa được gặp thầy hôm nay! Chương trình phát thanh Đuốc Tuệ rất biết ơn thầy và chúng con tìm chữ “Đuốc Tuệ” trên tinh thần ý nghĩa câu thơ “Nhìn đời bằng mắt tuệ tri, vô thường vô ngã có gì bận tâm” của thầy, xin trân trọng cảm ơn thầy!

TNT: Chân thành cảm ơn quý bác, quý cư sĩ trong chương trình “Đuốc Tuệ” đã tạo cơ hội giúp chúng tôi chia sẻ cái nhìn của mình về Phật giáo, sự hoằng pháp trong thế giới hiện đại, những phương pháp hành trì, sự dẫn thân, chia sẻ, sự khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác! Thông qua cái nhìn đó, quý Phật tử có được những điều an vui hạnh phúc trong cuộc đời. Kính chúc tất cả các vị trong chương trình của Đuốc Tuệ luôn luôn hiện hữu tâm Bồ Đề, luôn luôn có được sự nhận thức sáng suốt và giới thiệu Phật giáo trên tinh thần của con đường chuyển hóa giống như tông chỉ chương trình Đuốc Tuệ đã đưa ra! Nghĩa là, phải vượt lên trên tất cả các ý thức hệ chính trị, ý thức hệ giáo hội, tôn giáo, ý thức hệ cuộc

đời đã từng vấp phải, vì giá trị đạo Phật vượt lên trên tất cả những thứ này. Nếu làm được điều đó là làm cho tuệ giác, ánh sáng “*Đuốc Tuệ*” thấp sáng mãi trong lương tâm, hành động, lời nói, việc làm của mình. Được như vậy, chúng tôi tin chắc, dù một Đuốc Tuệ ra đời chỉ vài tháng cũng có thể trở thành người bạn tinh thần của đông đảo quần chúng Phật tử trên đất nước Hoa Kỳ!

Chương 3:

VAI TRÒ PHỤ NỮ



Kính bạch thầy! Trong chương trình phát thanh Đuốc Tuệ, chúng con đã phỏng vấn thầy về ảnh hưởng chuyển đi của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Đề nội dung phong phú, thêm nhiều màu sắc, nữ đạo hữu Minh Tín cùng trong hội Đuốc Tuệ xin được hỏi thầy.

Cư sĩ Minh Tín (CSMT): *Kính bạch thầy! Hôm nay con rất may mắn được gặp thầy. Có điều vướng mắc, xin thầy giải đáp giúp con. Tại sao trong những buổi giảng kinh, thuyết pháp hay các khoá tu học ở những nơi công cộng, phái nữ lúc nào cũng chiếm đa số, phái nam thì rất nhỏ? Phải chăng, quý ông quan niệm việc tu học, đi chùa, sám hối dành cho đàn bà con gái?*

Thích Nhật Từ (TNT): Rõ ràng, phải thừa nhận đạo Phật là tôn giáo đầu tiên trong lịch sử nhân loại đề cập đến vai trò người nữ. Dĩ nhiên, khi đề cập đến và đẳng thức hoá vai trò ấy về phương diện đạo đức cũng như tuệ giác là ngang với người nam. Đức Phật không hề có dụng ý chỉ truyền đạo cho nữ giới. Tất cả những đạo lý quan trọng trong tư tưởng nhà Phật như Từ, Bi, Trí, Dũng và tinh thần vô úy, dấn thân, tự lực, giúp đỡ người với lòng vị tha vô ngã rất phù hợp với nam tính, hay nói cách khác là của đẳng mày râu. Sở dĩ trong các ngôi chùa, tự viện hoặc những nơi tu học đại đa số nữ giới tham gia, ít đẳng mày râu, là do cách tổ chức hành chính của những giáo hội, tự viện nơi đó.

Sơ lược truyền thống tụng niệm

Theo chúng tôi, nghi thức Phật tử Việt Nam tụng niệm ảnh hưởng nhiều từ đời nhà Thanh của nền Phật giáo Trung Hoa nặng theo khuynh hướng Tịnh Độ tông. Cách thức Tịnh Độ tông là một bản giao hòa rất lớn giữa ba truyền thống Thiền tông, Mật tông, Tịnh Độ song song có mặt lúc bấy giờ.

70 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Một nội dung bao hàm ba hình thức, rõ ràng nó chứa đựng được nhu cầu tu học của quảng đại quần chúng. Rất tiếc, theo chúng tôi, thời kinh buổi khuya dành cho tu sĩ hoàn toàn thuộc và đặt nặng về Mật tông, thời kinh cúng nguyện là đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*” dành cho giới xuất gia hướng về Tam bảo hoặc phương pháp quán Tam đức lục vị trong môn ăn để thấy được giá trị của tâm linh, thiền quán và chính pháp vượt lên trên giá trị thực phẩm thông thường mà người đời cho đó là những hương vị quan trọng nhất.

Thời công phu chiều dành cho giới xuất gia và tại gia nhằm mở rộng lòng từ bi đối với các loài động vật kém may mắn, đặc biệt là loài ngựa quý do bị tiệt nuôi vì tình cảm còn quyến luyến với tính cách vợ chồng, con cái, anh em, bạn hữu hoặc chết bất đắc kỳ tử không được siêu sinh. Bài kinh công phu chiều muốn giúp các loài kém may mắn trên hiểu được luật vô thường và vô ngã của cuộc đời để họ có thể từ bỏ cảnh giới khổ đau, trở về cảnh giới của con người với đầy đủ giá trị an vui hạnh phúc. Thời kinh buổi tối, thường gọi là thời kinh Tịnh Độ, thông thường các chùa hay trì tụng hai bản *kinh Phổ Môn Quan Thế Âm* được mệnh danh nghi thức cầu an và bản *kinh A Di Đà* mệnh danh nghi thức cầu siêu làm cho Phật tử. Thông thường các đấng mày râu nghĩ, nghi thức đó không có không gian dành cho mình vì họ không muốn thấy sự có mặt của mình trong ngôi chùa mà họ không đóng góp giá trị gì.

Chúng tôi cho rằng, một trong những yếu tố khiến nam giới không đến chùa do nghi thức tụng niệm không chứa đựng nội dung của sự dân thân. Ví dụ, những bài kinh về hạnh phúc, từ bi, vô ngã, *kinh Thiện Sinh*, cách thức tề gia trị quốc bình thiên hạ, kinh dạy về sự tự lập hoặc rất nhiều những bài kinh khác có giá trị trong kho tàng kinh điển của

đức Phật. Yếu tố thứ hai do cơ cấu tổ chức đặt quá nặng về tín ngưỡng, không đặt nặng về sự sinh hoạt cộng đồng nên bỏ lỡ cơ hội sử dụng nguồn chất xám nam giới có thể cống hiến cho sự phát triển Phật giáo.

Có thể thấy rất nhiều người đóng vai trò Duy Ma Cật, Cấp Cô Độc và rất nhiều người đủ vai trò có thể làm những việc tương tự chư Tăng, tức là giảng kinh thuyết pháp. Thế mà những vai trò đó vẫn không được xem trọng, khuyến khích một cách công khai từ phía các giáo hội. Do vậy, trong rất nhiều thế kỷ qua tại Việt Nam, chất xám cộng đồng của đáng mảy râu không có dịp tỏa sáng trong sự phát triển Phật giáo. Yếu tố thứ ba, do hiểu sai khái niệm rất quan trọng, tinh thần tự giác, đến với đạo Phật là thông qua sự tự giác hiểu theo tự ý thức, tự mình nhắc nhở bản thân chứ không phải hiểu nghĩa tự giác quan trọng hơn, bản chất của đạo Phật là tự mình làm đạt được giác ngộ chứ không nương vào tha lực, dù của Thượng đế, Thần linh hoặc biến dạng tha lực của chư Phật hay của Bồ tát.

Tiếp cận các học thuyết

Dĩ nhiên, khi hiểu sai thì khó có thể hành đúng được. Vì thế nên cứ nghĩ, nơi nào có sự ràng buộc khuyến tấn thì đi, còn nơi nào thiếu sự khuyến tấn thì ở nhà cũng có thể làm những công việc này. Hỗ trợ cho học thuyết sai lầm đó, học thuyết Phật tại tâm rất nguy hiểm, nếu hiểu sai dẫn đến không may mắn cho tiến trình hành trì của mình trong cuộc sống. Học thuyết Phật tại tâm không phải do chư Phật thuyết mà chư Tổ nói để thấy được giá trị tuệ giác có sẵn trong con người, thay vì tìm kiếm bên ngoài, và hãy trở về chính bản thân để sống với giá trị cao siêu huyền diệu. Nếu lấy học thuyết đó làm cơ sở biện hộ, đến chùa hoặc tới một cộng đồng sinh hoạt Phật giáo cũng không có Phật mà hãy trở về với bản thân thì giá

trị vẫn được ngang nhau. Với tư cách cộng sự viên, người dẫn thân và người thực hành Bồ tát hạnh, nếu quan niệm như vậy sẽ đánh mất cơ hội dẫn thân vào các ngôi chùa nên ảnh hưởng giao thoa trong cộng đồng dưới sự hỗ trợ, có mặt của giới nam bị liệt tất. Vì vậy, phải hiểu học thuyết Phật tại tâm là học thuyết biểu thị đừng quá nương vào tha lực chứ không phải học thuyết yêu cầu chỉ ở nhà cũng đạt được giá trị lợi ích của cộng đồng. Sự tham khảo đặc lực và hỗ trợ rất nhiều cho học thuyết này là, chúng ta biết đức Phật Thích Ca dù đã phát hiện ra phương pháp thiền quán Tứ niệm xứ, 16 pháp quán niệm giúp Ngài chuyển hóa những khổ đau thành hạnh phúc và khi thành tựu đạo quả giác ngộ rồi nhưng mỗi ngày Ngài vẫn ngồi thiền. Dĩ nhiên, không phải Ngài ngồi thiền để chuyển nghiệp mà để minh chứng rõ cho học trò kẻ cận phải sử dụng phương tiện đó cho cuộc đời mỗi người được hạnh phúc, an vui.

Những ai phát biểu, đã hiểu được Phật pháp, đọc tụng được kinh điển, có khả năng làm Phật sự thì cần gì phải đi chùa là sai lầm. Liên tưởng đến đức Phật, dù là Như Lai Thế Tôn, Ngài vẫn làm công việc của người từng có mặt trong lịch sử nhân loại. Cho nên, dầu những kiến thức, những vấn đề biết gần hoặc ngang với quý thầy cũng không có gì để thỏa mãn mà hãy tâm niệm, có được kiến thức đó sẽ góp một cánh tay, gánh vác trách nhiệm cùng quý thầy, sư cô với những người xuất gia nói chung, làm công việc truyền bá Phật giáo cho cộng đồng.

Khi người cha, anh hoặc em đến chùa làm Phật sự, rõ ràng các thế hệ con em sẽ mạnh dạn dẫn thân nhiều hơn trong các công việc tương tự. Vì thế, từ phương diện cộng đồng đến phương diện sinh hoạt tu học, ở chùa hoặc tại gia đình, thì sự có mặt của người làm vẫn đóng vai trò rất lớn để cả nam lẫn nữ đến chùa không bị rơi vào trạng thái cô đơn, tức

là vợ hoặc chồng chỉ đi một mình. Có trường hợp chồng đi mà không có sự đồng tình của người vợ hoặc ngược lại và do đó, không bao giờ tìm được trạng thái hài hoà trong sinh hoạt gia đình.

Nếu nghĩ đến tinh thần trách nhiệm là phải chia sẻ những giá trị tinh thần đã đạt được cho những người thân thương nhất thì không bao giờ đánh mất cơ hội để người kia đi một mình, đi trong tình trạng hưởng ứng rất ít hoặc thậm chí bị chống đối. Phối hợp với những điều vừa nêu chúng tôi nghĩ, khi giáo hội Phật giáo có những sự cách tân tạo không gian tâm linh, vai trò vị trí họ đóng góp được thì nam cư sĩ có thể dần thân vào sinh hoạt Phật giáo nhiều hơn. Một điều nữa, người nam cũng cần sự đóng góp tích cực trong việc hỗ trợ nữ giới như mẹ, vợ, con gái của mình trên con đường thực tập Phật pháp, giảm bớt khuynh hướng tín ngưỡng hoặc những yếu tố cuồng tín để đạo Phật có diện mạo giống dụng ý đức Phật đã gửi gắm cho cuộc đời. Khi tháo gỡ được những dây tầm gửi mê tín, các khuynh hướng phong tục tập quán bị ảnh hưởng quá nhiều của các tôn giáo khác trong đạo Phật thì lúc đó sẽ thấy đạo Phật như tấm gương rất sạch và có thể tương phản, soi rọi hạnh phúc cho cả gia đình, cộng đồng hay toàn nhân loại.

Chúng tôi mong giới tri thức Phật giáo, đặc biệt là giới nam, cần đóng góp vai trò nhiều hơn. Đức Phật trong lịch sử, Ngài không chỉ có ba chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nữ mà Ngài luôn luôn nói, phải có vai trò của cận sự nam nữa. Trong thời đại của Ngài, nếu các vị cao Tăng có 10 vị đại đệ tử thì bên Ni cũng có 10 vị đại cao Ni, từng có 10 vị đại cư sĩ nam và 10 vị đại cư sĩ nữ, đạo Phật có bốn chân vậy thì luôn đứng vững trong sự nhập thế cũng như mang lại lợi ích cho cộng đồng. Chúng ta đã biết rất rõ, có những việc Phật sự với

74 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

tư cách tại gia dần thân dễ dàng hơn người xuất gia. Chẳng hạn, một giáo chức trên học đường mang hình tướng thầy tu giảng dạy về triết học Phật giáo thì chắc chắn những người khác tôn giáo cho người đó đang giảng đạo chứ không phải đang trình bày một triết thuyết trung lập, có chất liệu về tuệ giác rất mang lợi ích tới nhiều người.

Nếu với tư cách cư sĩ tại gia làm giáo sư, giảng viên của trường đại học thì rõ ràng người học hay sinh viên, học sinh sẽ tiếp nhận một cách khách quan hơn. Tương tự, khi đưa Phật giáo vào trong các lĩnh vực kinh tế, văn học, nghệ thuật và mọi lĩnh vực khác thì thuận lợi hơn cách dần thân của một nhà sư. Ngược lại, có những vai trò về hoàng pháp, hành đạo, người tại gia không thể làm được thì lúc ấy quý thầy, quý sư cô dần thân. Cho nên, vai trò của cư sĩ nam không thể thiếu như đức Phật từng khẳng định, giống ngôi nhà gồm bốn chân. Ý thức được vậy, các đảng Phật tử mảy râu nên cần dần thân nhiều hơn nữa, ít nhất đem giá trị lợi ích cho gia đình mà mình là thành viên rất quan trọng.

CSMT: Theo con, tại thế tục từ lâu cũng đã có và tồn rất nhiều giấy mực nhưng con muốn thưa với thầy, vấn đề bình đẳng giữa nam và nữ trong Phật giáo nói chung, trong giới xuất gia nói riêng. Con được biết, lúc Thế Tôn còn tại thế, Ngài cũng đưa ra vấn đề bình đẳng giữa nam và nữ, Ngài đã xoá bỏ ngăn cách giai tầng xã hội, xoá bỏ mọi thiên kiến giữa Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Nhưng đến ngày hôm nay, nền văn minh tiến bộ vượt bậc mà con thấy những thay đổi định kiến đó không được thực tế hoá, nếu có thì ít thô và hầu như đều còn nằm trong văn tự và ngôn ngữ, thành ra, con chưa thấy sự tiến triển gì để thay đổi tính bình đẳng giữa nam với nữ, xuất gia với tại gia. Thường thường, người nam nhìn

người nữ nếu không nói coi thường thì là xem nhẹ, coi họ không có giá trị nhiều và hầu như người nữ khiến người ta sa đoạ vào cạm bẫy tội lỗi. Con thấy như thế đôi lúc không đúng. Xin thầy cho con hiểu rõ vấn đề đó trong giới luật, thứ nhất về vấn đề bình đẳng nam nữ, thứ hai là làm thế nào để trút bỏ những mặc cảm đè nặng trên tâm thức người nữ bao đời. Con nghĩ, mặc cảm đó không có nơi tự thân người nữ, điều làm họ không cất lên được tiếng nói riêng và có vị trí chính đáng trong cuộc sống. Đôi lúc, những mặc cảm tự ty đó đẩy họ thụt lùi, tự rút lui mà không thể vươn cao được. Xin thầy cho biết suy nghĩ của thầy về vấn đề đó?

TNT: Hai câu hỏi cô vừa nêu đụng đến sự khủng hoảng sinh hoạt cộng đồng Tăng lữ trong suốt mấy mươi thế kỷ, kể từ khi đức Phật nhập Niết bàn đến ngày hôm nay. Sở dĩ chúng tôi quan niệm nó như sự khủng hoảng bởi hiện thực đang diễn ra một cách rất khập khiễng về vai trò của Tăng và Ni trong đời sống cộng đồng tu sĩ cũng như vai trò dân thân về giáo dục, hoằng pháp và công việc Phật sự nói chung.

Vượt qua mặc cảm tự ty

Trước nhất, xin trả lời về thứ hai của câu hỏi. Mặc cảm tự ty của nữ giới đã làm cho rất nhiều người có khả năng mà không có cơ hội đóng góp. Trong nhà Phật thường đề cập đến ba tình huống so sánh, so sánh hơn, bằng và kém. So sánh hơn mang lại cống cao ngã mạn, so sánh bằng mang đến tự phụ và so sánh kém để lại mặc cảm tự ty. Nếu hai so sánh đầu làm con người cường điệu, bơm phồng giá trị của mình từ một thành mười, từ viên sỏi thành một hòn đá, thậm chí thành cả sơn hà đại địa thì ngược lại, mặc cảm so sánh kém đẩy con người vào trầm uất, rơi vào trong bốn bức tường của an phận thủ thường. Vì thế, rất nhiều vị Tỳ kheo Ni lỗi

lạc, vốn không đủ điều kiện thuận lợi hành đạo, hoằng pháp cộng với thân phận nữ giới đã khiến họ không đóng góp được những giá trị mà lẽ ra có thể mang lại lợi ích rất nhiều cho cuộc đời. Cách thức tháo gỡ lòng mặc cảm là phải liên tưởng đến những gì đức Phật dạy trong kinh điển. Có nhiều cách liên tưởng, ở đây, xin trình bày hai phương thức đức Phật đã nêu.

Thứ nhất, phải thấy được tiềm năng của con người không lệ thuộc vào giới tính, nó nằm ở cách thức nhận định, đánh giá vấn đề dưới góc độ giá trị hành trì trong cuộc sống, khi đề cập đến góc độ đó thì tiềm năng của nam và nữ đều như nhau. Đức Phật từng nói “*Tất cả chúng sinh là Phật sẽ thành*”. Ngài dùng cụm từ “*Tất cả chúng sinh*” chứ không phải tất cả người nam hay tất cả những người vượt lên trên nữ giới là Phật sẽ thành. Nói chung, cả nữ đều là Phật sẽ thành. Như vậy, Ngài đã thừa nhận tiềm năng giác ngộ, tâm linh, đạo đức, tuệ giác có đồng đều ở mỗi người. Vấn đề ở chỗ, làm thế nào để khai thác tiềm năng và biến nó từ thế giới lý tưởng trở thành thế giới của hiện thực với rất nhiều giá trị có nghĩa, phải làm để chứng minh được những cái người nữ có không thua gì người nam. Chẳng hạn, trong *Tiểu Bộ kinh* của kinh tạng Pàli, hai tác phẩm rất quan trọng nói về kiến giải và tiến trình tu chứng của cộng đồng xuất gia trong thời của đức Phật là, *Trường lão Tăng* kế tập hợp các bài thi kệ giác ngộ giải thoát của các vị cao Tăng và bộ *Trường lão Ni* kế phản ánh ngang bằng những đóng góp giá trị tâm linh của giới xuất gia Tỳ kheo Ni đã đóng góp.

Do đó, nhìn nhận khách quan bằng nhãn quan không thành kiến giới tính, không hề có thành kiến dựa vào chủ nghĩa phong tục tập quán đã định đoạt thì rõ ràng, giá trị tâm linh các vị cao Ni để lại trong Ni kệ không thua kém dù đức Phật dạy không nên so sánh. Ở góc độ so sánh hơn, bằng và

thua, theo ngôn ngữ cuộc đời, vẫn có giá trị tương xứng, nếu biết áp dụng vẫn đạt giá trị an vui và hạnh phúc cho cuộc đời. Hiểu được đạo lý tiềm năng đó thì không lý do gì để những vị Tỳ kheo ni hay cư sĩ nữ phải ôm lòng mặc cảm là những người thua kém nam giới. Sở dĩ, so sánh vậy để phát huy tiềm năng vốn có chứ không phải phát triển nó dưới góc độ sân hận hay biểu lộ bản ngã để chứng minh cho đáng mày râu biết khả năng không thua, có thể bằng hoặc giỏi hơn các vị. Sự chứng minh ấy sẽ để lại giá trị phiền não. Nhà Phật dạy, khi thấy được tiềm năng thì bỗng dưng xóa hết mặc cảm tự ty vốn có.

Thứ hai, chúng tôi muốn chia sẻ là, có thể vận dụng phương pháp liên tưởng. Phương pháp này thường đặt ra một khả thể, thường nhìn sự kiện vật lý A để hình dung ra giá trị hai A, ba A đến vô số A. Có nghĩa, giá trị hình dung và mong đợi đó phải lớn gấp hai hoặc nhiều lần so với những cái đang hướng về. Đức Phật đã để lại phương pháp quán liên tưởng như vậy. Hình dung hình ảnh Long nữ chứ không phải người nữ, một con rồng cái còn có tiềm năng thành Phật, giác ngộ, làm Phật sự, dẫn thân với tinh thần vô ngã, vô úy, vị tha thì tại sao những Tỳ kheo ni, nữ giới lại không thể làm được? Cho nên, thấy các loài động vật làm được thì chắc chắn con người cũng làm được. Vì thế, sự liên tưởng từ đối tượng loài vật, tức con rồng nữ tạo ra sự dẫn thân tích cực hơn với tư cách người nữ, vì người nữ dĩ nhiên phải hơn con rồng nữ. Những gì con rồng nữ làm được thì người nữ có thể làm gấp hai, ba cho đến nhiều lần. Như vậy, thông qua phương pháp liên tưởng tích cực đó, bản ngã rơi rụng, mặc cảm tự ty được tháo gỡ và con người có thể dẫn thân làm Phật sự nhiều hơn trong tương lai. Đó là cách thức hành đạo đóng góp được vai trò của mình và thông qua đó thấy được sự hiện hữu của bản thân với tư cách Tỳ kheo ni trong ngôi nhà Phật pháp có ý nghĩa của nó.

78 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Ngoài ra, có thể vận dụng những kinh nghiệm của các bậc cao Ni trong lịch sử Việt Nam thời hiện đại từng làm. Xin nêu ra câu chuyện, tạm dấu tên vì liên hệ rất nhiều đến lịch sử Phật giáo Việt Nam thời cận đại. Ai đã nghe kể qua bối cảnh đó thì sẽ biết người trong cuộc là người nào.

Trong buổi đại hội Phật giáo, các vị lãnh đạo đều là những bậc cao Tăng không quan tâm đúng mức đến Ni bộ, dù giáo hội đó là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất. Lúc đó có một vị Ni hệ phái khất sĩ giơ tay phát biểu, tha thiết xin quý thầy tạo một cơ hội để Ni giới có thể gánh vác Phật sự nhưng cách thức biểu đạt của vị Ni này làm mấy thầy không hài lòng. Chẳng hạn, vị Ni sư đó giảng giải thế giới phương Tây là thế giới của Thiên Chúa giáo, thế giới chà đạp thân phận người nữ đến tận bần sâu. Kể từ thế kỷ XVII, phong trào đấu tranh giai cấp dẫn đến phong trào đấu tranh bình đẳng nam nữ đã khiến vai trò nữ giới có trong lịch sử cận đại. Tại sao trong giáo hội vẫn chưa được như vậy. Lúc đó, vị cao Tăng chủ tọa buổi họp trả lời bằng cách chơi chữ mà theo chúng tôi đã để lại nhiều ấn tượng không đẹp. Ngài trả lời, mấy cô đấu tranh để làm cái gì? Bởi vì, vai trò người Ni rất lớn trong giáo hội. Có ai lên chính điện tán dương Tam bảo bằng câu nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Tăng Phật đầu, người ta đều nói Mâu Ni Phật, mấy cô không muốn còn muốn gì nữa? Hội chúng vỗ tay rầm lên rồi lắng xuống. Tất nhiên, ức chế tâm lý không được giải tỏa.

Ngày hôm ấy có vị cao Ni lớn hơn, là tác giả của nhiều bài thơ, nhiều tác phẩm Phật giáo Đại thừa rất sâu sắc với giá trị mà chưa chắc các vị cao Tăng có thể sánh bằng, có công đóng góp rất nhiều cho nền văn học Phật giáo Việt Nam thời cận đại. Vị cao Ni phát biểu rất hay, kính bạch chư tôn đức! Chúng con biết chư tôn đức với thân phận trưởng tử của Như

Lai đã làm rất nhiều Phật sự cho Phật giáo. Nhờ đó, Phật giáo phát triển rất là mạnh. Chúng con nghĩ, mỗi con người chỉ có hai vai, một bên vai trái và một bên vai phải. Nếu gánh một vai thì dù có sức như lực sĩ cỡ nào đi nữa cũng làm bộ xương bị oằn một bên, về sau bị chứng bệnh nhức mỏi. Khi chứng bệnh đau nhức xuất hiện thì biết do cách làm quá tải. Như vậy, con đường dẫn thân gánh vác bị hạn chế. Cho nên, vai trái còn lại quý thầy xem như không phải sở trường của mình thì xin chư tôn đức Tăng hãy nhường cho chúng con để chúng con phụ gánh bớt với quý thầy. Có thể, ngôi nhà hay cơ thể Phật giáo mới có hai vai, vai phải dành cho chư Tăng, vai trái dành cho chư Ni. Thế là chúng ta gánh được cùng lúc hai gánh Phật pháp trên vai để những công cụ, dữ liệu trên đôi gánh có thể mang lại hạnh phúc, an vui cho cuộc đời. Chúng con tin, khi về già cơ thể vật lý đó không bị đau nhức, lưng không khòm sang một bên... nên chúng con mong chư tôn đức tạo cơ hội để vai trái gánh vác những việc mà chư tôn đức đã không làm hoặc lâu lâu chư tôn đức đổi từ vai trái sang vai phải cho đỡ mỏi. Lúc ấy, hội trường vỗ tay hoan hô rầm rộ.

Trong cuộc họp, Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đã tạo ra hai bộ, Ni bộ và Tăng bộ. Tăng bộ giữ vai trò quan trọng hơn, còn Ni bộ hoạt động độc lập, dẫn thân về giáo dục, từ thiện, các vấn đề mang bản chất nữ tính nên đã tạo ra một đạo Phật Việt Nam trong giai đoạn 11 năm dẫn thân, để lại nhiều ấn tượng cho cộng đồng Việt Nam trong nước trước 1975. Như vậy, nếu liên tưởng đến cách thức đặt vấn đề làm thế nào để người có truyền thống trọng nam khinh nữ quá nhiều nghĩ lại và có thể sánh bước hoặc cùng nhau nỗ lực giúp ngôi nhà Phật giáo phát triển nhiều hơn. Do đó, cách nói, biểu đạt cũng là nghệ thuật để lòng mặc cảm tự ty không xuất hiện dưới hình thức đối kháng, đối chọi mà dưới hình thức muốn

đem tâm lòng dần thân làm Phật sự đi vào cuộc đời. Lúc ấy, dù người khó tính nhất, bị ảnh hưởng truyền thống trọng nam khinh nữ nhất vẫn dễ dàng chấp nhận những đề đạt nhiệt huyết của nữ giới.

Chúng tôi nghĩ, đó là một trong những cách thức giúp tháo gỡ nỗi lòng mặc cảm tự ty vốn sẵn trong người nữ hoặc có nhưng phản ứng bị trù dập nhiều quá, không còn đủ tự tin tự đứng lên dần thân làm Phật sự trong cuộc đời này. Ngoài ra, mỗi người có cách thể chuyển hóa riêng, tạo cho mình cách thức tiếp cận những lời Phật dạy trong kinh điển Đại thừa hay bản kinh Pali, miễn là làm thế nào để khi áp dụng tháo gỡ được lòng mặc cảm tự ty.

Giá trị tuệ giác và giác ngộ

Trở lại câu hỏi thứ nhất, đó là câu hỏi quan trọng để cho thấy giá trị và tuệ giác của đạo Phật mà đức Phật đã nhìn về tính cách của giới tính giữa nam và nữ. Chúng ta khẳng định rất rõ, đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại chứ không riêng lịch sử tôn giáo và triết học Ấn Độ đã đề cao vai trò của người nữ và đã được thực hiện một cách sáng suốt, hùng dũng. Ngài thừa nhận vai trò, vị trí Ni trong giáo đoàn của Ngài với thân phận ngang bằng Tỳ kheo Tăng. Ngài dùng từ “*Đồng phạm hạnh*”, có nghĩa, đời sống thanh tịnh, giới đức, sự dẫn đến an vui và hạnh phúc của người nam như thế nào thì người nữ tương tự vậy, chỉ khác ở phương pháp dụng công, tâm lượng, công sức, thời gian đổ vào phương pháp luận đó như thế nào mà thôi. Đức Phật không hề nói có sự khác biệt về giới tính A hay B, nam hay nữ. Như vậy, thấy được tuệ giác rất lớn của Ngài. Tuệ giác đó đã mở ra một nền văn hóa mới cho người Ấn Độ, nền văn hóa đẩy lùi quan niệm “*tam tông tứ đức*” vào quá khứ. Đừng tưởng người Trung Quốc chủ trương về tam tông tứ đức.

Trong bộ luật Manu của Ấn Độ, quan niệm tam tông tứ đức đã được áp dụng rất triệt để. Trong đó quy định, nếu người nữ chưa lập gia đình phải lệ thuộc 100% vào người cha, lên xe hoa về nhà chồng thì thân phận của họ bị lệ thuộc 100% vào người chồng. Thậm chí, nền văn hóa này còn quan niệm người vợ là một sở hữu tài sản của người chồng. Khi chồng qua đời trước, người vợ bấy giờ đóng vai trò người mẹ và lệ thuộc vào con trai, nếu có. Như thế, trong suốt cuộc đời người nữ, từ lúc hạnh phúc bên cha mẹ rồi về nhà chồng và tận khi người chồng ra đi trước, họ vẫn không hề có thân phận tự lập, vẫn bị giới hạn trong xó nhà với chức năng giáo dục con cái, chăm sóc bao tử của người chồng là hết, thậm chí tệ đến mức phải phục vụ hạnh phúc về giác quan tính dục.

Đức Phật đã mang lại một thân phận rất mới cho họ, đưa họ lên ngang hàng nhưng đừng bao giờ lầm lẫn giữa bình đẳng với đồng đẳng. Đồng đẳng đặt nặng về cấu trúc sinh học mà thế giới phương Tây đã đi quá đà nên biến sở trường thành sở đoản, biến những thiên tính, cá tính nữ giới thành mặt mạnh và phát huy được thì đóng góp cho cuộc đời rất lớn nhưng nhiều người mặc cảm nên muốn chứng minh, nếu người nam trở thành lực sĩ, võ sĩ, cầu thủ thì phái nữ cũng làm được. Sự đồng đẳng đó giúp họ có thể đạt được giá trị nhất định nhưng sẽ mất đi những thứ mà chắc chắn không người nào có thể làm được. Do đó, đừng đánh đồng giữa bình đẳng và đồng đẳng để xóa khoảng cách giới tính. Giới tính vẫn có nhưng nếu đi đến sự xóa bỏ thì rơi vào trạng thái pê đê, tức đồng tính. Như vậy, không phát huy được cá tính trong cấu trúc vật lý của cá tính đó.

Nhà Phật thừa nhận tiềm năng giác ngộ, đạo đức, tâm linh giữa nam và nữ để hai bên có thể cùng đóng vai trò quan trọng trong cuộc đời, nhất là vai trò hạnh phúc gia đình.

82 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Trước đây, nền văn hóa Ấn Độ cũng như nền văn hóa châu Á nói chung, cho sự thành đạt của người con trong gia đình thuộc về hệ quả của người cha, vì cá tính nghiêm nghị của người cha làm cho người con thành tựu. Ngược lại, tất cả mọi sự đổ nát, hư đốn của con cháu trong gia đình thì thuộc lỗi người mẹ hay vợ, theo cách thức “*Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà*”. Rõ ràng, cách thức ứng xử này đã tạo phân biệt đối xử rất lớn và đẩy phụ nữ vào trạng thái không thể phát huy được những giá trị có thể đóng góp.

Trở lại vấn đề giới thiệu Ni giới trong Tăng đoàn của đức Phật, chúng ta thấy Ngài có tuệ giác rất lớn và tinh thần vô úy vĩ đại, vì Ngài làm đảo lộn trật tự văn hóa vốn có của người Ấn Độ. Vì tuệ giác liên hệ đến chân lý, chân lý thuộc về sự lựa chọn của đại đa số nên truyền thống đó không đủ sức đẩy Ngài vào tình thế khó xử. Con đường chân lý đó mang lại giá trị cho rất nhiều người Ấn Độ thời của Ngài cũng như thời đại ngày nay. Vấn đề đặt ra ở đây là, tại sao giá trị tuyệt đối đó không được truyền thừa một cách tốt đẹp trong truyền thống phát triển của giáo hội suốt nhiều thế kỷ qua, kể từ khi đức Thế Tôn nhập Niết bàn?

Dĩ nhiên, có nhiều lý do lý giải. Lý do quan trọng liên hệ đến bản *kinh Tăng Chi Bộ*, khi các vị biên tập kinh điển đưa ra một cơ sở, dữ liệu để loại trừ vai trò Ni giới ra khỏi cộng đồng Tăng lữ. Các vị này cho rằng, khi đức Phật chấp nhận bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề và các vị nữ trong hoàng thân quốc thích lúc bấy giờ là Ngài có lý do. Thứ nhất, những người này từng làm mẹ nuôi, mẹ kế, vợ, chị, bà con của Ngài. Bấy giờ, nền văn hóa phân biệt đối xử giữa giai cấp cao với giai cấp thấp quá nặng trong đời sống quần chúng, và nếu không làm cho những vị Tỳ kheo Ni này an phận thủ thường thì họ sẽ đối xử theo phong tục hoàng gia dẫn đến đời sống Tăng

đoàn bị lũng đoạn nên đức Phật phải đưa ra định luật Bát kinh pháp. Cách lý giải này có cơ sở lịch sử nhưng theo chúng tôi, nó không đứng vững vì tuệ giác đức Thế Tôn không giới hạn ở thiểu số trong hoàng thân quốc thích của Ngài.

Nếu một bộ luật đưa ra cho người nữ mà đặt nặng đối tượng hoàng thân quốc thích thì đức Phật đã tạo ra sự bất công rất lớn cho những người không xuất thân từ đó. Như vậy, tuệ giác của Ngài không xứng đáng để con người cung kính và đánh lễ. Trái lại, tin chắc đức Thế Tôn có tuệ giác mà những con người thường, bậc vĩ nhân, bậc siêu nhân trong cuộc đời này chưa từng có được như Ngài. Cần hiểu, điều đó có thể là lý giải sau này của những người có vai trò quan trọng trong tiến trình biên tập kinh điển nên chúng tôi nghĩ đó không phải lời đức Phật. Nếu tin đó là lời đức Phật thì sẽ đẩy học thuyết bình đẳng giới tính của Ngài vào chỗ chết, không lối thoát.

Cách tân vì lợi lạc

Phải mạnh dạn cách tân để có thể tận dụng được giá trị đóng góp của 2/3 số tu sĩ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ trong đến ngoài nước, từ Đại thừa đến truyền thống Nam tông. Phân tích Bát kinh pháp thì thấy chỉ một điều duy nhất trong tám điều lệ có giá trị cho Ni là, Tỳ kheo Ni không được ở cách xa Tỳ kheo Tăng. Vì trong thời đức Phật, vấn đề giặc giã, trộm cướp, cưỡng bức hoặc dựa vào sự yếu kém của người nữ, người nam có thể thể hiện hành động vô lương tâm. Ở những nơi gần chư Tăng để mỗi khi có biến cố thì các pháp lữ Tăng có thể hỗ trợ một phần tích cực cho giới nữ. Bấy nhiêu còn lại, theo chúng tôi đều không có giá trị về phương diện tu tập, mà ngược lại nó làm cho người ta hiểu lầm về những gì đức Phật dạy trong kinh điển liên hệ đến tính cách bình đẳng giới tính.

84 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

Học thuyết thứ hai đặt ra để tạo sự khác biệt và làm cho người nữ không phát huy được tiềm năng lớn của họ là, lý do đức Phật nói khi chấp nhận Ni đoàn, khi Ni đoàn có mặt trong cộng đồng sinh hoạt của Tăng lữ, thì chính pháp của Ngài tồn giảm tuổi thọ, thường giảm 5.000 hoặc 500 năm, tùy vào niềm tin ở truyền thống Bắc hay Nam tông. Số liệu không quan trọng, quan trọng là giảm tuổi thọ của chính pháp, làm lũng đoạn chính pháp, làm Phật giáo không còn vàng nguyên chất trong thời đại của đức Phật. Theo chúng tôi, điều đó sai hoàn toàn với tinh thần của đức Phật, bởi vì đức Phật thường nói, giá trị nhân quả nằm ở cách thức dụng tâm chứ không tỷ lệ thuận với khối vật chất mà con người có thể làm đối tác, dần thân. Khi con người có dụng tâm tốt về đạo đức thì rõ ràng kết quả phải nở hoa kết trái về đạo đức, không thể đi ngược lại tính chất hạt giống đạo đức đã có. Ngược lại, tâm hướng về phi đạo đức, phi văn hóa, đi ngược với giá trị hạnh phúc an vui của cuộc đời thì quả phải hưởng là rất tồi tệ, rất xấu và không may mắn. Cho nên, có thể đặt vấn đề chính pháp nằm ở ngay nền tảng tâm của con người, ở cách thức ứng dụng hành trì lời Phật dạy, ở cách thức sống nơi mỗi người chứ không phải ở hình tướng nam hay nữ. Do đó, mặt pháp hay tượng pháp cũng lệ thuộc như vậy.

Nếu trong giai đoạn lịch sử khó khăn mà hành giả Phật giáo vẫn hành trì miên mật lời Phật dạy, dần thân vào cộng đồng, làm các Phật sự lỗi lạc mang lại hạnh phúc an vui, nhờ đi nổi khổ niềm đau cho quần chúng thì tin chắc, giai đoạn lịch sử đó vẫn được xem là chính pháp chứ không phải là tượng pháp. Ba khái niệm chính, tượng và mặt pháp đặt trên giá trị thời gian là điều đức Phật không chấp nhận trong kinh điển. Tức là, không đặt trên giá trị hình thức mà phải dựa vào nội dung, nội dung ở đây là tâm, lấy tâm làm nền tảng

để nhận định và đánh giá vấn đề. Nếu chấp nhận giả thuyết đó, rõ ràng thịnh và suy của Phật pháp không nằm ở người nữ mà nằm ở sự hành trì và hành đạo của con người đối với cuộc đời. Nhiều giai đoạn trong lịch sử có nhiều vị Ni đóng vai trò rất quan trọng, đến độ, không có ảnh hưởng của họ Phật giáo không thể phát triển được. Chúng tôi rất tâm đắc lời phát biểu của Phật âm-*Buddhaghosa* là một trong những sử giả quan trọng trong truyền thống kinh tạng Pàli. Ngài đã tuyên bố một câu rất ấn tượng về vai trò của người nữ, chúng tôi rất cung kính những người nữ vì thiếu họ sẽ không có bậc vĩ nhân, không có đức Thế Tôn trong cuộc đời này. Lời phát biểu đó giúp người ta buông bỏ những quan niệm, thành kiến sai lầm về nữ giới.

Bình đẳng và vô ngã

Nếu trung thành với những sai lầm đó thì làm giảm những giá trị đóng góp của đức Phật cho lịch sử nhân loại, điều mà ngày nay dưới ánh sáng của nhận thức bình thường cũng thấy vô lý. Cho nên, ngay cả những quốc gia như của thế giới Hồi giáo, vậy mà từng có nữ thủ tướng, nữ tổng thống, nữ bộ trưởng... tại sao trong một tôn giáo rất cách tân, chất xám của tuệ giác rất lớn lại không nằm ở con đường dẫn thân hành trì của con người, tức là đạo Phật lại không đóng vai trò tiên phong trong thế giới hiện đại trong khi mấy mươi thế kỷ về trước đức Phật đã từng tiên phong? Do sự hạn chế của lịch sử, phong tục tập quán và tin vào những điều theo chúng tôi được đưa vào sau này, rồi cho nó là chân lý, là lời của đức Phật nói nên gây tổn thất rất lớn. Chỉ sử dụng một phần chất xám của Phật giáo còn lại 2/3 bị quẳng vào trong sọt rác hay để nằm yên trong viện bảo tàng thì rõ ràng sự tổn thất đó là chung chứ không phải riêng cho người nữ.

Dám đặt lại những vấn đề đó và khai thác dưới giá trị của sự phục vụ thì sẽ tháo gỡ được thành kiến đối với những người đồng phạm hạnh, với vai trò, cấu trúc sinh học cơ thể mà không thể làm những chức năng như họ đã làm. Người Trung Hoa có rất nhiều sáng tạo, sự sáng tạo đó không chừng có thể là phản ảnh lòng mặc cảm giới tính hoặc để thích ứng với chế độ mẫu hệ chịu ảnh hưởng từ ngàn xưa. Nền điêu khắc Ấn Độ đã tạc hình ảnh một vị Bồ tát không lệ thuộc giới tính nam và nữ thành hình tượng người nam có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp với hàm râu quai nón nhưng sang Trung Hoa, hình ảnh đó là hình ảnh người mẹ. Một người mẹ với tình thương bao la như biển không bờ bến, một quả địa cầu không hề phân biệt đối xử. Rõ ràng, cách thức tạo nắn tượng qua hình ảnh để cho thấy được lòng từ bi của Bồ tát Quan Thế Âm, vị Bồ tát lắng nghe trở thành tính cách người nữ khiến người ta dễ dàng thương tưởng, quy ngưỡng, cung kính, cầu nguyện vô úy của Bồ tát vào trong dòng tâm thức. Tuy nhiên, theo chúng tôi, không cần phải thay hình đổi dạng như vậy mà vẫn có thể tạo ra chất liệu rất an lạc nếu biết áp dụng chất liệu lòng từ bi đó vào cuộc sống.

Nền văn hóa Trung Hoa có nhiều tính cách tân, lợi dụng vào giá trị mẫu hệ để thay hình đổi dạng vị Bồ tát thì chúng ta không cần làm như hình thức đó, không cần thay hình đổi dạng chư Phật và Bồ tát cũng vẫn giới thiệu tính từ bi, bình đẳng nam nữ, vì giới tính của các Ngài không lệ thuộc nam và nữ nữa. Cách thức hành đạo, cách tân không cần phải làm mới lại những gì đức Phật chưa từng nói. Chỉ tạo cơ hội cho những viên minh châu đức Phật để lại trong kinh điển được thấp sáng. Vai trò của nhà hoằng pháp là không tạo ra viên minh châu mới, mà phải làm thế nào để viên minh châu đó được hiển lộ. Muốn vậy, phải sử dụng những chiêu thức tuệ

giác đức Phật để lại trong kinh điển. Những chiêu thức đó là đạo lý bình đẳng và vô ngã. Chỉ hai chiêu thức này cũng giúp con người không thể nào chấp nhận những giả định đã để lại trong quá trình biên tập kinh điển cách mấy trăm năm sau khi đức Phật nhập diệt.

Tin vào học thuyết vô ngã thì rõ ràng làm gì có ngã sở hữu mà nền văn hóa Ấn Độ cho rằng nữ thuộc sở hữu của nam, vợ thuộc sở hữu của người chồng hay em gái phải lệ thuộc vào anh trai? Nếu tin 100% vào học thuyết vô ngã như một sáng tạo về tuệ giác học thuyết của đức Phật thì không thể nào chấp nhận những giả định của cuộc đời về vai trò thấp kém của người nữ và không bao giờ tạo không gian quá nhỏ cho họ. Phải nâng họ lên với vị trí ngang bằng để có thể chung vai với mọi người trong cuộc sống và như vậy, giá trị lợi lạc của sự dân thân lớn hơn. Nếu tin vào học thuyết bình đẳng, không thể chấp nhận giả thuyết Thái tử Tu Nại Noa, người sẵn sàng bỏ thí vợ và con của mình cho Bà La Môn với tinh thần bố thí Ba la mật. Nếu coi vợ là một sở hữu để bố thí cho người khác thì rõ ràng chấp nhận học thuyết ngã của Bà La Môn và khi ấy không còn là Bồ tát nữa. Chúng tôi tin câu chuyện thái tử Tu Nại Noa do Bà La Môn trà trộn để phá hủy học thuyết bố thí và vô ngã của đức Phật.

Bố thí ba la mật

Muốn biết về sự bố thí Ba la mật có nhiều cách thức thể hiện. Chỉ quán theo Đại thừa, chẳng hạn, không quán về tác nhân đang tạo ra an vui hạnh phúc thông qua tặng phẩm. Không quán thọ giả như một người chấp nhận ân đức của người khác để khiến lòng tự ty mặc cảm xuất hiện như một gánh nặng của xã hội. Không quán đối vật đang diễn ra giữa tác nhân và thọ giả đó về hình thức của sự bố thí ban tặng.

Rõ ràng, bồ thí cúng dường trong cách thế ấy thì đã đạt được bồ thí Ba la mật. Theo quan điểm truyền thống, chỉ cần lòng hoan hỷ chánh tín trước khi dẫn thân thực hiện bồ thí và trong lúc làm cũng có an lạc tương tự khi làm, dù người nhận mang ơn hay trả oán cũng hoan hỷ bởi biết rằng, làm điều đó để hoàn thiện nhân cách đạo đức nên cần phải làm thì có lòng bồ thí Ba la mật.

Câu chuyện của thái tử Tu Nại Noa đi ngược lại hoàn toàn học thuyết vô ngã và tuệ giác của đức Phật vì bồ thí vợ cho người Bà La Môn mà chưa biết tư cách, đạo đức người đó thế nào, có thể đẩy vợ vào lầu xanh, biến thân phận vợ thành nô lệ... như vậy chỉ lợi bản thân còn người kia trở nên khổ đau, có lợi cho mình mà không có lợi người khác thì rõ ràng không phải đạo lý nhà Phật. Do đó, chúng tôi tin chắc câu chuyện thái tử Tu Nại Noa là câu chuyện phân biệt giới tính nam với nữ rất lớn trên học thuyết ngã và ngã sở hữu.

Nếu truyền bá học thuyết đó dưới góc độ Ba la mật, thì sẽ làm học thuyết bình đẳng của đức Phật đi vào chỗ chết. Dù nó được nhân danh thái tử Tu Nại Noa là tiền thân của đức Phật hay học thuyết chính tông hoặc Đại thừa cũng mạnh dạn tin nó đã đi ngược lại tuệ giác và học thuyết vô ngã, hai học thuyết này được xem như những nền tảng đóng góp rất quan trọng trong lịch sử tư tưởng nhân loại mà đức Phật Thích Ca là một nhân chứng lịch sử mang lại những giá trị đó. Suy nghĩ và tin tưởng vào điều này thì không có lý do gì đẩy vai trò, hắt đi thiện chí của nữ giới muốn đóng góp với tư cách Tỳ kheo Ni hay tín nữ hoặc cận sự nữ... Do đó, có thể tạo ra ngôi nhà Như Lai có được hai bức tường, một bên là nam và một bên là nữ. Hai bức tường mới đủ sức cản phong ba bão táp của cuộc đời trong lúc dẫn thân gặp nhiều chương duyên, thử thách. Theo chúng tôi, đức Phật Thích Ca là người đáng

tôn kính nhất trong lịch sử nhân loại vì Ngài đã tạo ra vai trò, vị trí rất đặc biệt cho nữ giới mà chưa từng có đạo sư tôn giáo nào, triết gia lịch sử nào có tuệ giác như đức Phật Thích Ca đã làm.

CSMT: *Con xin cảm ơn thầy đã trả lời rất rõ ràng, cạn kẽ câu hỏi con đã trình! Những câu trả lời của thầy rất khai phóng, mới mẻ và có thể giúp ích cho chúng con trên con đường tu tập. Thay mặt giới nữ con xin cảm ơn thầy!*

Chương 4:

ÁP DỤNG ĐẠO PHẬT VÀO ĐỜI SỐNG



Về một bộ kinh thánh Phật giáo

PV: *Cách đây hai năm, trên mạng internet, thầy có đưa ra ý kiến về một bộ kinh thánh Phật giáo. Chúng con xin có ba câu hỏi:*

- 1. Tại sao thầy lại dùng chữ “kinh thánh”?*
- 2. Kinh này gồm những gì và nội dung ra sao?*
- 3. Vấn đề này đặt trên tầm vóc quốc gia hay là quốc tế?*

TNT: Bộ *Kinh Tụng Hằng Ngày* tôi biên soạn năm 1994, ấn bản đầu tiên là 3.000 quyển, được ấn tống tại Việt Nam, trước khi sang Ấn Độ du học. Khi trở về Việt Nam vào năm 2002, được tái bản ấn tống 6.000 quyển để tặng khắp nơi trên thế giới như Mỹ, Úc, Pháp, Đức và một số nơi khác. Sở dĩ gọi bộ kinh thánh là vì, trong nhà Phật sử dụng rất nhiều từ “*arya*”, có nghĩa là “*thánh*” như trong các cụm từ thánh đạo, thánh nhân, thánh hướng, thánh quả... Nhưng các tôn giáo khác, trong nội dung kinh, chữ “*thánh*” đó không có những từ này. Cho nên, nếu nói về nội dung chữ “*thánh*”, đạo Phật là đạo đầu tiên nói nhiều chữ “*thánh*” nhất.

Sự khác biệt giữa khái niệm chữ “*thánh*” của đạo Phật và tôn giáo khác sử dụng ở chỗ, các tôn giáo khác có thể lấy người phạm đề tấn phong thành thánh sau khi họ qua đời, còn với đạo Phật, giá trị của chữ “*thánh*” được đặt trên nền tảng của sự chuyển hóa tâm linh. Ví như sự nhỏ sạch tất cả những phiền não âm tính, hoạt động tâm lý mang khổ đau đến cho bản thân và người khác, tâm lý trình tự tham, sân, si, đố kỵ, vị kỷ, hẹp hòi, nhỏ mọn hay những tâm lý làm cho con người sầu muộn, tự ti, mặc cảm, cống cao, ngã mạn... tất cả tâm lý trình tự này làm cho con người trở nên nhỏ bé. Nhà Phật dạy, muốn trở thành một bậc thánh phải chuyển

hóa những tâm lý đó thành những tâm lý cao thượng, mang tính cách đối nghịch. Chất liệu “*thánh*” là chất liệu của bản chất đức Phật đã dạy hằng ngày, thông qua những lời pháp của Ngài trong Kinh điển. Chính vì vậy, lời kinh của Ngài được xem là thánh kinh. Tất cả ngôn ngữ của Ngài được xem là thánh ngữ. Từ “*Phật ngôn*” gọi là kim ngôn với nghĩa như vàng. Về phương diện vật chất, vàng chưa chắc có giá trị lâu dài. Vì giá trị của vàng cao thấp tùy thời đại, đất nước. Nhưng khi gọi “*thánh ngôn*” nghĩa là giá trị chuyển hóa vượt lên trên giá trị vật chất dùng cho vàng, bạc, ngọc ngà, lưu ly... thậm chí là kim cương cũng không thể nào sánh được.

Tương tự, từ Tứ diệu đế là từ dịch không hay vì trong nguyên tác Pali và Sanskrit là Tứ thánh đế. Bởi vì đó là bốn chân lý, là thực tại. Nếu tin và hành trì, ứng dụng thì có thể chuyển hóa từ một người phạm tục thành bậc thánh nên nói có giá trị. Khi gọi là bốn chân lý mẫu nhiệm, khái niệm của sự mẫu nhiệm làm giới hạn, giảm bớt giá trị của sự hành trì chuyển hóa, vì sự mẫu nhiệm có thể có từ nhiều góc độ khác nhau. Ví dụ, một diễn viên xiếc làm những trò xiếc rất ly kỳ, hấp dẫn đó có thể được xem là người mẫu nhiệm nhưng không hẳn họ có được giá trị chuyển hóa. Họ vẫn khổ đau, không hạnh phúc. Nói cách khác, họ có thể bị chinh phục bởi khổ đau và hạnh phúc. Trong khi đó, Thánh đế hay chân lý của sự chuyển hóa thành một bậc thánh làm con người chấm dứt khổ đau không chỉ ở hiện tại mà còn ở tương lai, không chỉ cho mình mà cho cả người khác. Từ ý nghĩ đó, bộ kinh được chúng tôi gọi là thánh kinh.

Đưa ra nhu cầu bộ thánh kinh ở trong Phật giáo, đầu tiên, chúng tôi dựa trên bộ *Kinh Tạng Hằng Ngày* được sưu tầm, tuyển chọn gồm 49 bài kinh. Trong đó, 35 bài trích dẫn từ kinh tạng Pali với nhiều góc độ rất đa dạng và phong phú.

Ví dụ, làm thế nào để có một tình yêu, hôn nhân, duy trì đời sống hôn nhân hạnh phúc, xây dựng nền tảng kinh tế gia đình, sự hòa hợp thương yêu trong một gia đình, làm thế nào để thế giới hòa bình và mọi người sống trong hòa bình. Từ những bài kinh này dẫn đến những bài kinh nói về sự chuyển hóa, an vui, phương pháp quán niệm, những cách thức hành trì thiền định, dẫn thân phục vụ xã hội và cộng đồng.

Hầu như tất cả chất liệu ở những tôn giáo A, B, C, chủ nghĩa A, B, C đều có trong bản kinh này. Nhưng điều đáng tiếc, các nghi thức tụng niệm là rập khuôn nghi thức tụng niệm của Trung Hoa, đặc biệt là tông Tịnh Độ. Cho nên, Phật tử không có cơ hội tiếp xúc với những bản kinh mà chúng tôi cho rằng rất cần thiết cho đời sống hành trì hằng ngày của họ. Và từ đó, giá trị của đạo Phật đến với họ bị giảm thiểu.

Dụng ý đưa những bài kinh này vào trong bộ *Kinh Tụng Hằng Ngày* nhằm nhắc nhở, ngoài những bài kinh thọ trì, đọc tụng theo nghi thức ở chùa vẫn còn có nhiều bài kinh khác mang tính chất điển hình về giá trị.

Mười bốn bài kinh còn lại được trích dẫn từ những phẩm quan trọng trong các kinh điển Đại thừa. Chúng tôi cho rằng, triết lý của kinh Đại thừa là nhu cầu thăng hoa đời sống tâm linh rất cao. Đó là những chất liệu phá chấp, làm cho con người không bị vướng bận vào những hình thức sinh hoạt cộng đồng, sự dấn thân, hành trì, phục vụ trong xã hội. Cho nên, hai triết lý vừa dấn thân về góc độ nhân bản của kinh điển Pali, vừa dấn thân về phương diện phá chấp của kinh điển Đại thừa thành hai chất liệu hỗ trợ, bổ sung cho nhau rất lớn. Từ đó chúng tôi nghĩ, tương lai cần có nhu cầu của bộ kinh thánh được dự kiến gồm hai phần là kinh thánh Pali và Đại thừa. Dĩ nhiên, trong kinh thánh Pali sẽ trích dịch những

kinh điển cần thiết cho cuộc đời trên tinh thần vừa nêu trong bộ *Kinh Tụng Hằng Ngày*.

Sở dĩ cần phải có bộ kinh thánh Pali độc lập, vì nếu nhập chung kinh thánh Pali và Đại thừa vào một quyển thì những người theo truyền thống Pali có thể bị dị ứng, họ sẽ không chấp nhận kinh điển Đại thừa. Cho nên, họ có thể đánh mất cơ hội tiếp xúc những bản kinh điển Nikaya rất hay và cũng bỏ rơi bản kinh Đại thừa rất quý. Ngược lại, những người theo truyền thống kinh Đại thừa quá mức không chấp nhận bản kinh điển Nikaya. Do vậy, chúng tôi tách rời ra làm hai và tăng cường thêm số trang, giới thiệu thêm nhiều bài kinh cho thấy giá trị của đạo Phật có thể thích ứng với mọi thời đại. Đức Phật đã nói rất nhiều về những giá trị ấy. Đó là dụng ý đang thực hiện, có thể thành tựu trong năm tới, mỗi bản dày khoảng 1.000 trang. Về sau, nếu cần thiết sẽ giới thiệu thêm một số bài kinh khác và đưa ra thành tập ba, tập bốn. Trước mắt gồm hai tập là kinh thánh Pali và kinh thánh Đại thừa. Mục đích chỉ nhằm giới thiệu những giá trị đạo đức, tâm linh rất phong phú mà đức Phật đã dạy trong ba kho tàng kinh điển Phật giáo.

Có thể phục hưng đạo Phật Ấn Độ không?

PV: *Kính thưa thầy! Thầy đã tốt nghiệp tiến sĩ Phật học tại Ấn Độ và có nhiều năm sống ở bên đó. Như vậy, theo thầy, đạo Phật ở Ấn Độ có thể phát triển được không? Và sự khác biệt giữa quan điểm Phật giáo của người Ấn và người Trung Hoa, Nhật, Đại Hàn, Việt Nam như thế nào?*

ĐĐTNT: Thật ra, tôi tốt nghiệp tiến sĩ về triết học. Trong chương trình triết học, tôi học cả triết học về phương Đông và phương Tây nhưng nhấn mạnh về triết học của Ấn Độ nhiều hơn. Sau những năm tu học tại Ấn Độ, tôi có dịp đi tham quan

các trung tâm Phật giáo của Ấn Độ, Tây Tạng, Tích Lan và những nước Phật giáo trên khắp thế giới có mặt tại bốn Phật tích.

Thật ra, có rất nhiều khó khăn trên con đường phục hưng, Phật giáo một thời là ánh sáng hoàng kim của Ấn Độ, và cũng chính là nhu cầu tâm linh rất lớn ngàn xưa mà ngày nay không còn nữa. Những khó khăn đó có thể bắt nguồn từ truyền thống văn hóa của Bà La Môn giáo, một nền văn hóa hoàn toàn của giai cấp. Chính vì vậy, khi Hồi giáo xâm lăng qua đất nước Ấn Độ, các công trình của Ấn Độ giáo không bị đả phá, tàn phá như những công trình kiến trúc nghệ thuật hay học đường của Phật giáo. Bởi vì, nền tảng của Ấn Độ giáo vẫn chủ trương tôn thờ một vị Phạm Thiên và việc đổi Phạm Thiên thành Đấng Ala, không khó khăn lắm.

Người Hồi giáo cũng nhìn thấy sự phát triển của đạo Phật ở Ấn Độ cách đây mấy chục thế kỷ sẽ làm ảnh hưởng của Ấn Độ giáo bị giảm thiểu tối đa. Từ đó, họ có thể kết luận, sự hiện hữu của đạo Phật chính là cái gai của sự phát triển Hồi giáo và các tôn giáo hữu thần nói chung. Do đó, họ nhắm vào đạo Phật, tàn phá các công trình kiến trúc nghệ thuật văn hóa, nhất là học đường của Phật giáo. Dầu vậy, Bồ Đề Đạo Tràng vẫn may mắn còn tồn tại sừng sững đến nay.

Khó khăn về đối thoại liên tôn giữa đạo Phật và các tôn giáo khác là trở ngại lớn, rất khó để giúp Phật tử hay những người dân thân tinh thần đạo Phật ở Ấn Độ thành công. Hiện tại, những nhà Phật giáo có nhiều nỗ lực nhưng thành công không lớn vì nền tảng văn hóa nhất thần đa phần đã bám rễ rất sâu trong đầu óc tâm linh, truyền thống của người Ấn Độ và Hồi giáo tại đất nước Ấn Độ. Do đó, giới thiệu một truyền thống tâm linh mới trong trở lực này, họ khó có thể chấp nhận vì nền văn hóa của họ không chấp nhận những gì bên ngoài. Mặt khác, những nhà Ấn Độ giáo sử dụng chiêu

thức tạm gọi là chiến tranh tôn giáo, chiến tranh tâm lý tôn giáo. Họ liệt đức Phật vào dạng hiện thân thứ chín của thần Wishdu, người đến với đạo Phật đồng nghĩa với việc đến một đạo con. Họ khuyến khích mọi người đến với Bà La Môn giáo như là đến với đạo mẹ, vì cho rằng đức Phật cũng chính là hóa thân của Phạm Thiên. Quần chúng không hiểu đạo Phật cũng không hiểu đạo Bà La Môn một cách sâu sắc nên sự đồng hóa đức Phật là hóa thân của thần Phạm Thiên làm cho mọi người cảm thấy gần gũi với đạo Phạm Thiên nhiều hơn so với đức Phật. Đó là cách làm người ta khó tiếp cận với đức Phật, đạo Phật một cách hiệu quả.

Kể đến, truyền thống giai cấp của người Ấn Độ là cản lực lớn. Từ cản lực này, những nhà chính trị tôn giáo của Ấn Độ giáo hay Hồi giáo nói chung đưa ra chiêu bài, người đến với đạo Phật là những người cùng đinh. Thay vì nói đến với đạo Phật là được giải phóng thân phận khổ đau, nhỏ bé, giai cấp thấp bé, họ nói ngược lại, đạo Phật là tôn giáo chỉ dung chứa những người hèn hạ nhất trong xã hội. Chiêu thức này khiến những người tri thức, nhà chính trị, quân sự, kinh tế của Ấn Độ giáo và Hồi giáo cảm thấy đến với đạo Phật thì giá trị của họ bị tụt xuống. Sự cô lập về phương diện xã hội, chính trị, văn hóa, kiến thức, học đường... đã làm cho nhiều người cảm thấy đạo Phật xa lạ, đạo Phật chỉ là chất liệu thực phẩm tâm linh dành cho những người thấp kém, không phải dành cho quảng đại quần chúng giống như đã từng có trong lịch sử Ấn Độ ngày xưa.

Kể nữa, từ quan điểm đó, phần lớn những nhà sư Phật giáo tại Ấn Độ đều là những người xuất thân từ giai cấp thấp. Do đó, tiếng nói của họ khó được những người ở giai cấp cao lắng nghe, dù lời họ nói có thể là chân lý, giáo pháp của đức Phật. Vai trò, vị trí xã hội của họ khó làm cho người ta dễ

dàng chấp nhận và chân lý do họ tuyên bố khó được người ta ứng dụng, hành trì. Có lẽ đó là lý do tại sao trong kinh điển nói đức Phật xuất thân từ giai cấp Bà La Môn, trở thành vua chúa giàu có rồi mới từ bỏ cung vàng điện ngọc, xuất gia tìm đường giải phóng con người ra khỏi những ách nô lệ khổ đau vật dụng mà họ đang đối đầu. Từ sự dẫn thân như vậy của đức Phật, họ mới cảm thấy Ngài là người lãnh đạo cả một tập thể những người tri thức, quân sự, tinh thần cao cấp nhất trong xã hội nên họ theo dễ dàng. Hiện tại, những nhà sư Ấn Độ không có cơ hội đó. Xuất thân từ gia đình thấp kém nên những giá trị chân lý họ công bố khó được sự hợp tác và tiếp nhận hiệu quả.

Tiếp là những giới hạn trong nội bộ Phật giáo. Người Ấn Độ trong truyền thống nên khó có thể chấp nhận những hình thức truyền thống Phật giáo khác có mặt trên đất nước của họ. Đó là lý do tại sao không có những cuộc hợp tác công khai, chính thức, có hiệu quả giữa Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo của đức Dalai Lạtma hay với Phật giáo của Tích Lan là Phật giáo từng mang đến sự phục hưng cho Phật giáo của Ấn Độ trong hai thế kỷ vừa qua. Dĩ nhiên, cũng không có sự hợp tác hiệu quả giữa Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Tích Lan, Phật giáo Tây Tạng và thế giới Phật giáo còn lại của những nước có Phật giáo đang đặt những nền tảng văn hóa Phật giáo tại bốn khu Phật tích. Từ những khoảng cách, giới hạn đó sự hiện hữu của những ngôi chùa, nhà sư, Phật tử ở trên đất Phật chỉ gọi lại ký ức đạo Phật vàng son trong quá khứ, không phải đạo Phật đang thật sự sống trong lòng của con người Ấn Độ. Chính vì vậy, khó có thể thành công.

Thiết nghĩ, cần có rất nhiều vị Bồ tát, A la hán, rất nhiều vị mang tâm lượng hỷ xả, vị tha mới mong có thể thực hiện thành công những công cuộc về phương diện hoằng pháp ở

đất nước Ấn Độ. Nếu làm rời rạc theo kiểu Phật giáo Tây Tạng phục vụ cộng đồng Tây Tạng và những người phương Tây tại Ấn Độ, Phật giáo Ấn Độ phục vụ những người cấp thấp tại Ấn Độ, Phật giáo Tích Lan phục vụ quần chúng của Tích Lan, Phật giáo của những nước trên đất Ấn phục vụ cho du khách hành hương trở về xứ Phật chiêm bái tìm phước báu. Và bỏ rơi cả thế giới người Ấn còn lại thì sự hiện hữu của Phật giáo không có lợi cho những con người đang cần chất liệu của sự yên vui và hạnh phúc. Có lẽ đã đến lúc các hội đồng, giáo hội, giáo phái, các đoàn thể Phật giáo từ nhiều nước cần ngồi lại với nhau như cách thức hội thảo của Phật Quang Sơn, hay hội thảo của nhiều tổ chức Phật giáo khác trên thế giới đã làm trong quá khứ và hiện tại. Cần phải dẫn thân, mổ xẻ nhiều hơn nữa, đoàn kết lại với nhau, bỏ qua những khác biệt ý thức hệ về chính trị, vị trí xã hội, tông chỉ giáo phái, hành trì, bỏ qua những khác biệt về màu da, sắc tộc... Có thể dẫn thân làm cho đạo Phật ở Ấn Độ một lần nữa trở thành một đạo vàng son đã từng ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, tâm linh của những người trước đây là Phật tử mà ngay hiện tại lại đang là những người của Hồi giáo và Ấn giáo.

Phát triển phong trào quy y tập thể

PV: *Kính thưa thầy, nhận xét của thầy về Phật giáo Ấn Độ rất sâu sắc! Con cũng đi qua bên Ấn Độ năm tháng, con thấy đúng như thầy nói, chỉ có những người thuộc giai cấp thấp kém theo Phật giáo. Thời thầy hoạt động ở bên đó, có một cuộc quy y dự trù hàng triệu người, rồi bị cản lại. Kính thưa thầy, có đúng vậy không?*

TNT: Lễ quy y tập thể đó được xem là lớn thứ hai trong lịch sử của Phật giáo ở thời hiện đại. Lễ quy y tập thể lần thứ nhất được tổ chức cách đây vài chục năm, đã tạo ra làn sóng

đổi đạo từ những người giai cấp thấp của Ấn Độ giáo trở về với đạo Phật. Dĩ nhiên, phong trào đó chỉ có giá trị ở mức độ nhất định, chuyển hóa làm họ mất vị trí thấp hèn mà những người Ấn Độ giáo đã gán lên dưới hình thức những quyền kinh thánh Veda. Khi đến với đạo Phật, họ không được chăm sóc với tinh thần và tâm linh giống như từng ước muốn như trong lịch sử vàng son của đạo Phật. Họ đến với đạo Phật để giải phóng vai trò, vị trí của họ hơn là đến với đạo Phật để tìm lấy giá trị tâm linh cao cấp nơi đạo Phật mà các tôn giáo khác không có, hay có theo cách thức khác.

Tương tự, lễ quy y tập thể lần thứ hai cách đây vài năm tạo ra một làn sóng mới làm cho con người ý thức được nhiều hơn. Lợi thế của phương tiện thông tin đại chúng hiện đại đã giúp người ý thức về đạo Phật là một con đường của sự chuyển hóa, rất cần thiết cho cuộc sống. Nếu đến với đạo Phật chỉ thông qua cách giải phóng thân phận thì vô cùng uổng phí. Phong trào đó đã thu hút rất nhiều người nhưng cuối cùng, chính quyền của Ấn Độ giáo cản trở bằng nhiều cách thức khác nhau. Ví dụ, họ hủy bỏ những chuyến xe lửa từ một số địa điểm đến nơi diễn ra cuộc cải đạo tập thể đó là thủ đô New Dheli, hủy bớt những chuyến xe bus liên bang. Khi biết mọi người sẽ tập trung tại điểm nào đó thì họ cản trở tất cả những phương tiện giao thông quanh đây. Cho nên, số lượng người tham dự theo dự kiến sẽ rất đông nhưng thực tế chỉ khoảng 50.000 người.

Tuy nhiên, ý thức về sự chuyển hóa vẫn chứng tỏ rõ ràng là nhu cầu cho sự sống. Sự chuyển hóa này đã mang lại giá trị cao cho những con người cùng định ở đất nước Ấn Độ trong thời kỳ hiện đại. Từ lễ quy y tập thể thứ hai này đã tạo ra tiền đề, mỗi lần đến mùa Phật đản, những ngày lễ hội Phật giáo lớn trên thế giới sẽ có 5.000, 7.000 người quy y

tập thể. Trong khi đó, Việt Nam là một nước truyền thống Phật giáo lâu dài mà mỗi kỳ quy y chỉ khoảng chừng 50, 70, 100 người. Điều đó là sự thiệt thòi cho những người chưa phải là Phật tử. Thông qua kinh nghiệm, hạn chế từ những kinh nghiệm đó, cần phải làm công cuộc giới thiệu đạo Phật từ những phương tiện thông tin đại chúng hiện đại để mọi người thấy được giá trị của đạo Phật. Nếu ai ứng dụng được những giá trị này, chất liệu an lạc, hạnh phúc sẽ có. Làm được điều đó, quần chúng sẽ đến với đạo Phật có ý thức, đến không phải để giải phóng thân phận mà đến để chuyển hóa thân phận từ khổ đau thành hạnh phúc, từ con người phàm thành bậc thánh. Phong trào đó không chỉ dừng lại như phong trào của chính trị, thời cuộc mà là phong trào chuyển hóa tâm linh, chuyển hóa đời sống an vui ở trong cuộc đời.

PV: *Chúng con cảm ơn thầy! Như vậy là cần phải có một cuộc cách mạng rất hiệu quả không những cho Ấn Độ mà cho cả thế giới, để nhìn thấy sự chuyển hóa thân phận dần dần của đạo Phật ở trong đời.*

Cách áp dụng Phật giáo vào đời

PV: *Kính bạch thầy! Nhiều vị thánh giả và chính thầy khi trả lời câu hỏi của đạo hữu Mật Nghiêm đã cho rằng, đạo Phật cần đi vào cuộc đời độ chúng sinh. Nói rõ hơn, phải đem đạo Phật áp dụng vào đời sống hằng ngày. Xin thầy nói thêm ý kiến của thầy về vấn đề này và theo thầy, đưa đạo Phật vào đời sống thì phải làm như thế nào, áp dụng như thế nào cho có nhiều lợi lạc trong cuộc sống?*

TNT: Phương diện ứng dụng đạo Phật vào cuộc đời rất đa dạng. Có thể bắt nguồn từ sự ứng dụng của đời sống cá nhân, gia đình, từ góc độ giao tế trong xã hội...

Ứng dụng đạo Phật trong đời sống vợ chồng

Trước nhất, xin nói về vấn đề ứng dụng trong đời sống vợ chồng. Bởi vì, đây là đời sống hầu như tất cả người tại gia phải đối đầu hằng ngày. Dĩ nhiên, trong một gia đình, người vợ và người chồng là đôi bạn đời và là đôi bạn đạo song hành, dìu dắt nhau trong cuộc sống. Nếu hai người đến với nhau bằng sự hiểu biết cảm thông nhưng không có những sự hành trì về Phật pháp thì sự hiểu biết và cảm thông này chứa những chướng duyên trong cuộc sống. Sự hiểu về Phật pháp giúp họ cần phải dần thân nhiều hơn để hóa giải điểm dị biệt, phát huy điểm tương đồng và có sự chia sẻ và chính sự chia sẻ đó giúp họ có hạnh phúc và sự dần thân lâu hơn.

Năm vừa qua khi sang Úc, chúng tôi gặp một gia đình, chồng là Phật tử và vợ là người Cơ Đốc giáo. Trong gia đình này có hai bàn thờ ở hai phòng khác nhau, một bàn thờ Phật và một bàn thờ Chúa. Khi hai người cùng tôn trọng đạo của nhau đến với nhau bằng hạnh phúc, dìu dắt nhau trong cuộc đời nhưng không có sự hòa nhập thật sự, bên nào thờ đạo bên đó nên thỉnh thoảng vẫn có những va chạm. Người theo đạo Chúa không bao giờ tin có cuộc sống luân hồi và tất cả con người phải tự chịu trách nhiệm về đạo đức, hành động còn người theo đạo Phật tin như vậy. Hai niềm tin khác nhau có thể làm cho hai bên tranh cãi, mâu thuẫn về cách lý giải hạnh phúc, khổ đau trong cuộc sống.

Khi đến gia đình này, chúng tôi may mắn được cả hai vợ chồng đều đón tiếp. Chúng tôi có gợi ý rất nhỏ, trong nhà chỉ có vài phòng nếu các vị để hai cái phòng thờ riêng thì uổng phí một cái, các vị hãy tiết kiệm bằng cách tháo bức tường giữa hai phòng này để hai vị Phật và Chúa có thể gần gũi nhau nhiều hơn. Thực ra, thông qua cách gần gũi giữa Phật

và Chúa làm cho tinh thần và tâm hồn của hai vợ chồng họ có thể hòa điệu, gần gũi nhau. Kế tiếp, chúng tôi khuyên họ, nếu các vị để hai bàn thờ Phật và Chúa xa nhau sẽ không hay, tốt nhất chỉ cần một bàn thờ, hai Ngài có thể ngồi chung với nhau. Khi đó, người vợ và chồng không thể thắp hương, lễ bái Phật và Chúa vào hai thời điểm khác nhau như trước đây đã làm. Cứ mỗi lần thắp hương lễ Phật hay đứng trước Chúa cầu nguyện, hai người có thể cùng thực hiện một lúc. Lúc ấy, họ sẽ không cho phép mình nhầm lẫn lại. Người Phật tử càng không cho phép nhầm lẫn lại vì đức Chúa ở kế bên. Người đạo Chúa thì không cho phép mình nhầm lẫn lại đối với đức Phật. Cứ mở to đôi mắt quan sát đức Phật và quan sát đức Chúa sẽ tìm thấy những gì cần bổ sung vào trong đời sống vợ chồng. Ngược lại, người theo đạo Chúa cũng cần quan sát đức Phật để thấy Ngài không phải là người xa lạ, mà đức Phật là người rất gần gũi, rất dễ kính, dễ mến và tôn nhân của Ngài thật từ bi, hạnh phúc, điềm tĩnh, an lạc, thanh thoi, thông dong, tự tại. Chỉ bấy nhiêu chất liệu trên gương mặt Ngài cũng có thể trở thành nguồn chất liệu vô biên bổ sung cho cuộc sống của con người.

Khi thờ chung hai Ngài là đang bỏ được bức tường vách trong chiều sâu tâm thức về sự khác biệt giữa đạo này với đạo kia. Hơn thế, trong đời sống gia đình, loại trừ những khác biệt giữa vợ và chồng thì sự ứng dụng để xóa bỏ những khoảng cách đó về nhận thức, hành trì làm cho đời sống vợ chồng nhìn cùng một hướng, hạnh phúc cùng chiều và an vui lâu dài. Nếu không, có thể ngủ chung giường, ăn chung mâm, uống chung nước, đi nhau trên con đường mà tâm một bên hướng về Phật, một bên về Chúa nên mãi mãi là những người cô đơn.

Sự ứng dụng trong đời sống vợ chồng có thể coi là phương pháp lục hòa. Ở cùng trong một căn nhà, tư tưởng, hành động cùng hướng đến một chiều hạnh phúc, cùng chia sẻ về quyền

lợi, khổ đau an vui. Chỉ ứng dụng vài khái niệm lục hòa, sự chuyển hóa trong đời sống vợ chồng có thể thực hiện thành công dù mỗi người vẫn tiếp tục đi con đường của mình. Ví dụ, trong trường hợp vợ tiếp tục đi con đường Thiên Chúa giáo, chồng tiếp tục đi con đường của đạo Phật nhưng trong Thiên Chúa giáo của vợ có chất liệu của Phật, trong chất liệu đạo Phật của chồng có chất liệu của Thiên Chúa giáo. Cả hai có thể hòa quyện với nhau một cách rất đặc biệt. Vì buộc người khác phải theo đạo của mình hay làm họ từ bỏ đạo của họ là điều khó giải quyết, có chăng cũng chưa hẳn sẽ an vui hạnh phúc. Trong những trường hợp trái ngang vậy, có thể vận dụng chất liệu của sự chuyển hóa, hòa hợp để đời sống hạnh phúc gia đình được đảm bảo lâu dài và bền bỉ. Được như vậy, chuyện ứng dụng Phật pháp trong đời sống gia đình mới thật sự là một nhu cầu và lợi ích an vui!

Ứng dụng đạo Phật trong đời sống xã hội

Tương tự, có thể áp dụng Phật giáo trong đời sống xã hội hay đời sống cá nhân. Ví dụ, người trước đây khó tính, sự cau có thường xuyên có mặt, ngọn lửa trong tâm luôn thiêu đốt. Nếu họ duy trì chất liệu đó mà không có sự hành trì Phật pháp ứng dụng vào trong đời sống thì mãi mãi là người mà người khác luôn cảm thấy có khoảng cách rất lớn khi tiếp cận với họ. Dù là một Phật tử có thể đến chùa 30, 40 năm học kinh, dẫn thân, làm những công việc thiện nhưng thiếu chất liệu hành trì thì vẫn chưa thành tựu được điều gì. Do vậy, ứng dụng và hành trì lời Phật dạy sẽ tác động hai chiều đối với cộng đồng và xã hội.

Khi hiểu được đạo Phật, học được những bài kinh, tập những bài tập chuyển hóa lòng cau có, sự khó chịu, gây hấn. Khi được chuyển hóa trọn vẹn, bản thân được an vui. Sự an vui đến với người khác cũng mang lại giá trị tương tự cho họ. Khi ấy, mọi người sẽ thấy đạo Phật là nhu cầu thiết thực mà

không cần quảng cáo, không cần phải triển khai, người thấy được lợi ích chuyển hóa đó sẽ rất cảm mến đối với đạo Phật.

Chỉ thông qua con đường của sự hành trì và giá trị văn hóa có được từ sự hành trì cũng thấy rõ đạo Phật thật sự cần thiết cho xã hội, con người, gia đình, quần chúng. Nếu chỉ giữ đạo Phật như viện bảo tàng hay thư viện của các kiến thức hoặc sự trưng bày những mỹ phẩm trang sức ở siêu thị thì rõ ràng, giá trị đó mãi mãi cách biệt với quần chúng. Con người không bao giờ có được hạnh phúc trong đời sống thực tế.

Ứng dụng đạo Phật nâng cao đời sống tâm linh

PV: *Xin cảm ơn thầy! Kính bạch thầy, đời sống xã hội tân tiến ngày nay bị tràn ngập bởi tiện nghi của tiến bộ khoa học kỹ thuật cùng những tiện nghi về vật chất, con người hôm nay bị cuốn hút vào những nhu cầu của hưởng thụ và những tiện nghi hưởng thụ đó có tính chất dục lạc. Đạo Phật sẽ giúp đỡ được gì để cải thiện tình trạng đó và làm sao dùng Phật pháp nâng cao đời sống tâm linh của con người và khôi phục lại sự quân bình đời sống của con người?*

TNT: Thông thường, quần chúng có thái độ cho đời sống vật chất chính là giá trị hạnh phúc cao cấp có thể đạt được trong cuộc đời. Quan niệm này sai lầm ngay từ căn bản, vì đánh đồng hạnh phúc vật thực hay vật dụng thành hạnh phúc của đời sống nội tâm. Trong khi đó, đời sống nội tâm có những giá trị cao hơn và mang lại những chất liệu an vui, hạnh phúc lâu dài hơn. Nước Mỹ là đất nước rất giàu có, thịnh vượng, đời sống vật chất và con người sống ở Mỹ hưởng nhiều quyền lợi hơn nơi khác. Tuy nhiên, về giá trị của đời sống nội tại lại bị thách thức lớn. Ví dụ, dưới sự khùng bố của những lực lượng đối lập với Mỹ hoặc những mạng lưới Aqeda hay những kẻ thù của Mỹ như Afghanistan,

Iraq... những người ở Mỹ, công dân của Mỹ đều phát sinh lòng khùng bố, sợ hãi về những kẻ thù hãm dọa bằng phương tiện này hay phương tiện khác, từng chứng kiến qua vụ sụp đổ của hai tòa nhà Thương mại Quốc tế của Mỹ. Từ đó, giá trị đời sống vật chất chỉ mang lại hạnh phúc dưới góc độ điều kiện hóa. Nghĩa là, khi các điều kiện này hội đủ thì hạnh phúc bền lâu, khi một điều kiện vắng mặt thì hạnh phúc đó bị thách thức.

Con đường của nhà Phật dạy tìm kiếm những giá trị tương đối quân bình và cao hơn những giá trị con người đã có trên đất nước Mỹ. Nếu chỉ có đời sống vật chất, hạnh phúc đó đôi lúc mang lại sự chấp thủ, bảo vệ, tranh giành quyền lợi, thậm chí giết chóc lẫn nhau. Cuối cùng, hạnh phúc đó là đầu mối của những đau khổ khác! Nói cách khác, nếu thiếu những giá trị tinh thần thì hạnh phúc trong trường hợp A sẽ là khổ đau của trường hợp B, hay hạnh phúc của người này là sự khổ đau rất đắt của người khác, thể hiện sự bất công về nhân quả và đạo đức. Sự bất công này sẽ tạo thành vòng lẩn quẩn nếu con người không có tinh thần hỷ xả trong cuộc đời khi bị người khác lợi dụng, chèn ép, tàn hại để tạo hạnh phúc cho họ. Chính vì vậy, nhu cầu đời sống tâm linh rất cần thiết, tối thiểu là tạo ra sự thân mật để vừa có hạnh phúc về vật chất vừa có hạnh phúc về tinh thần.

Nhà Phật không cường điệu hóa đời sống tâm linh nhưng cho thấy giới hạn của đời sống vật chất, đạo Phật cũng xác định rõ những giá trị của đời sống tinh thần. Khi giới thiệu giá trị của đời sống tinh thần, đạo Phật đặc biệt nhấn mạnh hạnh phúc của giác quan rất bấp bênh. Nếu không biết cách buông xả con người sẽ bị trói buộc trong khổ đau và phản tác dụng lớn về phương diện tâm linh, nhận thức, tâm lý. Đức Phật dạy, con người khi hưởng thụ những giá trị vật chất, dù của mình tạo ra cũng phải biết cách chọn lọc để tránh bệnh

tật. Đừng đưa vào trong thân thể những gì không cần thiết, cũng không đưa vào bộ não những gì thông qua giá trị màu sắc, hình thái, điệu bộ, cử chỉ hay thời trang, kiến trúc nghệ thuật của những tác phẩm, những bộ phim tạo cho tâm bất an và cảm giác khổ đau, tăng trưởng lòng tham sân si... Cần biết giới hạn, chọn lọc khôn ngoan con đường tiêu thụ thông qua mắt, tai, mũi, miệng, sự xúc chạm của thân và có sự hành trì của con đường an vui trong những vật dụng đang sử dụng hằng ngày. Nói cách khác, tạo thêm con mắt nhận thức đưa vào trong những giá trị sử dụng chất liệu của sự tỉnh thức và chuyển hóa. Giá trị của đời sống vật chất không tùy thuộc vào số lượng nhiều hay ít. Giá trị của nó là cách sử dụng như thế nào.

Phật tử vẫn có quyền tạo dựng tài sản vật chất, vẫn có quyền trở thành một người giàu có, vẫn có quyền dấn thân về kinh tế, chính trị, quân sự, nghệ thuật, mỹ thuật nhưng tất cả những giá trị này không mang lại sự chấp thủ về bản ngã, quyền uy và khổ đau. Nó phải là công cụ phục vụ hạnh phúc lâu dài. Thực hành được như vậy, dù hiện tại đang hưởng thụ giá trị vật dụng vẫn có chất liệu của đời sống tâm linh. Tại đây là chỗ bắt đầu cửa ngõ đời sống tâm linh mở ra và nếu có điều kiện có thể dấn thân sâu hơn vào những giá trị này. Giá trị đó được để lại trong kinh điển thông qua các pháp môn, mỗi pháp môn đều giới thiệu cách thức hành trì. Cho nên, đứng ở góc độ của nhà Phật, đừng bao giờ tôn sùng chủ nghĩa vật chất là cái phao nổi cuối cùng để con người sống trên đó. Cũng không cho nó là giá trị tuyệt đối, tất cả những thứ này đều tương đối, có thể bỏ vẫn không có vấn đề gì. Sử dụng nó cũng không phải là tổn hại, vấn đề ở chỗ, sử dụng như thế nào mà thôi. Khi biết cách sử dụng, tất cả những giá trị tầm thường đều có thể trở thành những giá trị cao cấp cho đời sống. Chính vì vậy, nhà Phật khẳng định, tất

cả những giá trị tinh thần có thể được len lỏi vào những đời sống của giá trị vật dụng. Chỉ cần nhìn và sử dụng bằng con mắt tuệ quán, không chấp trước và không để lại những dấu hằn của chấp trước, tất cả những thứ đó sẽ trở thành công cụ cho cuộc sống an vui!

Thực hành hạnh xả bỏ

PV: *Kính bạch thầy! Vừa rồi, trong buổi thuyết giảng ngày 17/10/2004 tại chùa Diệu Quang ở Corancauti, California, thầy đã nói về từ bi hỷ xả của đạo Phật. Thầy đã nhấn mạnh đến chữ “xả” với những nguyên tắc, những lý thuyết rất hay, được khán, thính giả rất tán thưởng. Để thực hành hạnh xả trong đời sống hằng ngày, xin thầy giảng giải cụ thể làm thế nào áp dụng trong những khó khăn của đời sống và người học Phật có thể thực hành cụ thể chữ xả theo lời Phật dạy?*

TNT: Xả là một phương pháp độc đáo mà đức Phật đã để lại trong kinh điển với nhiều ảnh dụ khác nhau. Một trong những ảnh dụ có thể nêu ra là hình ảnh của lá sen. Lá sen không giữ nước, có thể chế những giọt nước trên đó. Nếu có cơn gió thổi qua, lá bị lay động, những giọt nước sẽ rơi xuống đất. Đặt lá sen trong hoàn cảnh không có gió thoảng qua, nó có thể giữ lại những giọt nước. Quan sát giọt nước đó, ngày thứ nhất thấy không hề gì, ngày thứ hai, thứ ba thì từ chỗ giọt nước ấy đọng xuống tạo thành một lỗ hũng và hư hoại. Cuối cùng, giọt nước làm cho nó không còn chức năng của lá sen nữa. Tương tự như vậy, đức Phật dạy hãy quan sát hình ảnh của lá sen không giữ nước. Trong trường hợp này, nước tượng trưng cho khổ đau, sầu muộn, nội kết, những phiền não giao tế trong xã hội với những người thân hoặc không thân, đoàn thể này tổ chức nọ. Tất cả những giọt nước phiền não đó là trở ngại rất nhiều trong đời sống sinh hoạt của gia đình, người thân, những xung quanh... Có thể

ứng dụng hiệu quả về cách thức này bằng cách mang hạnh nguyện một vị Bồ tát.

Ví dụ, nội kết được diễn ra giữa người vợ và chồng, giữa anh em hay những người thân với nhau. Dĩ nhiên, mỗi bên không bao giờ chấp nhận mình có lỗi. Khi cho mình đúng, người sai sẽ khiến sự gần gũi nhau khó thiết lập. Tinh thần Bồ tát dạy hỷ xả bằng cách nhận phần lỗi về mình đầu không làm lỗi nhưng vẫn phải phương tiện nói rằng “*tôi có lỗi*”. Hai vợ chồng giận, không nói chuyện nhưng vẫn thương nhau một cách thầm kín. Mỗi khi người chồng ra khỏi nhà có thể viết lại ghi chú nhỏ, “*bà hãy đi ngủ trước, tôi sẽ về sau*”. Rồi ông ta lẳng lặng về, lên giường ngủ, mỗi người ngủ một bên như không thể nào chấp nhận nội kết hai người đang mắc phải. Tương tự, vợ bị nội kết như vậy, muốn chồng làm gì đó nhưng không chịu nói mà viết lên tờ giấy và chuyển tờ giấy qua cho chồng. Hai bên cứ giữ nội kết này, không ai chịu nói với ai trước vì trong bản ngã của mỗi người có thể cho rằng, nếu nói trước thì sẽ rơi vào trạng thái khó chấp nhận được, có nghĩa là thừa nhận có lỗi. Tâm lý tự thừa nhận có lỗi xuất hiện làm cho họ cảm thấy xấu hổ, không xứng đáng nên cứ cố giữ vị trí đúng. Vị trí này càng kéo dài chừng nào thì nội kết càng gia tăng chừng đó.

Có những trường hợp nội kết chỉ đơn giản từ sự huyền hoặc. Nếu không kịp tháo gỡ, cứ nuôi giữ thì về lâu dài sẽ trở thành quả bom. Đến lúc nào đó, hai người không còn chịu đựng được nữa thì sự ly thân sẽ xuất hiện và đi đến ly dị. Hệ quả của ly thân, ly dị là sự khổ đau cho chính họ và người thân. Như vậy, đạo lý Bồ tát dạy mở tấm lòng ra bằng cách xả, xả những lỗi lầm của người khác, dù bản thân không có lỗi vẫn ôm lỗi do mình. Khi hành động như vậy, người khác sẽ cảm thấy rất hạnh phúc vì hạnh phúc lớn nhất của con

người là biết mình không có lỗi và được người có lỗi đến xin lỗi mình. Đạo lý Bồ tát dạy ôm lỗi về mình khiến đối phương nghĩ họ rộng lượng tha lỗi cho mình. Nhờ thái độ ứng xử như vậy, lỗi lầm trong trường hợp này sẽ được giảm thiểu, sự hiểu lầm, nội kết, khúc mắc giữa hai bên có thể tan biến.

Cho nên, cách thức hành xả là nhu cầu rất cần thiết cho sự sống! Bởi vì thiếu nó, con người chỉ giữ lại bản ngã, có thể mang lại khổ đau cho bản thân, có thể biến mình và những đối tác thành nạn nhân. Cuối cùng, ai cũng là những người bị đau khổ! Chất liệu hành xả, nếu không làm bằng tâm lượng của Bồ tát, khổ đau sẽ có mặt. Nhận lỗi về mình không phải là hèn nhát mà chính là tháo gỡ nội kết giữa mình với người. Bản thân tháo gỡ bằng ý thức rõ ràng vì mục đích mang lại hạnh phúc cho đối phương nên có thể chấp nhận sự mắng chửi, từ chối, khinh thường, nhục mạ. Một sức mạnh phi thường giúp cho tất cả những sự khinh thường, nhục mạ, từ chối, khổ đau chỉ là gió thoảng mây bay. Khi dần thân vào con đường hóa giải bằng hành xả với chất liệu thương yêu, tôn trọng người khác, giá trị của sự hạnh phúc sẽ được thăng hoa!

Hành xả cần phải có mặt ở mỗi người, giữa bản thân và người khác, giữa cộng đồng này với cộng đồng kia, tổ chức này với tổ chức nọ. Thậm chí, giữa quốc gia này với quốc gia khác, liên minh này với liên minh khác... Thiếu nó, những sự hiểu nhầm, lầm lỗi sẽ trở thành bom, pháo, súng ống, dao búa, trở thành khoảng cách rất lớn. Nếu hai bên duy trì khoảng cách đó thì vĩnh viễn như hai con đường song song, như hai rãnh của đường ray xe lửa. Cuối cùng, bên nào cũng vẫn là bên ấy trong nỗi khổ đau và hoàn toàn vắng mặt sự hạnh phúc, an vui.

PV: *Cảm ơn thầy và cảm ơn đạo hữu Tâm Cát đã đưa ra vấn đề đạo Phật nhập vào cuộc sống! Thầy vừa giảng về hạnh xả, chính con nhận thấy trong đời tu hằng ngày của*

con, trong quan điểm tứ vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả” của nhà Phật, nếu chỉ nói từ bi hỷ xả theo tinh thần giáo lý thì khi đem thực hành vẫn không thấy được hiệu quả. Theo con thấy, muốn thực hành cái đó phải xả trước, xả rồi mới thấy hỷ và hỷ rồi mới thấy từ và bi được. Thực sự, con thấy những người làm con buồn, nếu con xả được thì tự nhiên cảm thấy vui và niềm vui này có thể chuyển hóa được người đó. Ta cảm nhận rõ tình thương đối với họ và biết rằng mình có thể đem lại an vui cho họ. Đó là sự thực hành thực sự?

TNT: Thực tế, trong hành động xả đã có chất liệu của từ và bi, vì định nghĩa của từ bi là mang lại hạnh phúc và làm vui bớt nỗi khổ đau của người khác. Khi hành xả, hạnh phúc của đối phương được thiết lập, khổ đau của họ vui đi, nghĩa là mình đem lại niềm vui cho họ và cho chính mình. Con đường hành trì từ bi hỷ xả cũng có thể bắt nguồn từ lòng từ, nhờ tình thương có thể xả, hoan hỷ với người khác, chia sẻ nỗi khổ đau của người khác. Cũng có thể bắt nguồn từ bi hay hỷ hoặc xả. Quy trình này không nhất thiết từ A đến B, C, D mà có thể từ A sang B, rồi từ D sang A và đến B, từ D sang C tới A đến B... Tức là có thể bắt nguồn từ bất kỳ một đức tính nào trong bốn đức tính, miễn là bắt nguồn đúng đắn, các giá trị còn lại có thể xuất hiện trong cách phát xuất bắt nguồn.

PV: *Như vậy, tứ vô lượng tâm như chu kỳ quay tròn, có thể vào bất cứ cửa nào. Con xin cảm ơn thầy rất nhiều! Và điều thầy nói rất đúng với ý nghĩa hai câu thơ của thầy:*

“Với tay khắp tận càn khôn

Đạo tâm rộng mở tâm hồn thánh thoi!”

Chúng con cảm thấy rất thánh thoi tâm hồn khi nghe những điều thầy vừa nói!

Chương 5:

TUỔI TRẺ TỰ LỰC VÀ HÓA GIẢI



Lời cảm niệm

Chúng tôi rất may mắn được thăm viếng Hoa Kỳ lần thứ thứ hai và học hỏi được nhiều điều sau khi thăm quan một số trung tâm tu học của Phật giáo Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Tây Tạng. Chuyến thăm lần này, mặc dù thời gian chỉ hai tháng, nhưng chúng tôi có nhiều cơ hội tiếp tục tìm hiểu về sự phát triển Phật giáo trong bối cảnh đa văn hoá của Hoa Kỳ. Kinh nghiệm này giúp ích chúng tôi rất nhiều, khi trở về Việt Nam sẽ có phương hướng ứng dụng tương đối thích hợp hơn với những mô hình sinh hoạt Phật giáo trong nước.

Nhân đây, xin chân thành cảm ơn chương trình phát thanh *Đuốc Tuệ* và *Giao Điểm* đã mời gọi các thân hữu có mặt tại cư gia của cư sĩ Tâm Cát, chia sẻ nhiều quan điểm khác nhau. Chúng tôi cho rằng các quan điểm, ý niệm đó đã tạo ra bề mặt về con đường rất tốt cho chúng tôi tư duy. Mời quý vị tiếp tục đặt những câu hỏi đối với các vấn nạn của Phật giáo Việt Nam nói chung và sự phát triển Phật giáo trong từng cộng đồng người Việt nói riêng.

Đạo Phật cho từng độ tuổi

Cư Sĩ Mật Nghiêm (CSMN): *Kính bạch thầy! Con xin phép đặt một câu hỏi. Thực ra, câu hỏi này của anh Vũ Hữu Đệ. Anh Đệ sinh hoạt tại đạo tràng Hoa Nghiêm chùa Liên Hoa. Một hôm, chúng con lên thăm Hoà thượng Mãn Giác, anh Đệ đứng nhìn mê mẩn bốn câu thơ của Hoà thượng:*

*Ô hay xuân đến bao giờ nhĩ
Nghe tiếng hoa khai bỗng giật mình
Sáng nay thức dậy choàng thêm áo
Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh!*

Con vỗ vai anh Đệ, bảo: Đấy, đạo đấy! Đạo nằm đấy! Sau

đó chúng con về sinh hoạt ở đạo tràng, có đạo hữu ra trình bày các vấn đề lý thuyết Phật giáo thì anh Đề quay sang vừa cười vừa bảo con: Họ lại biến Phật thành Thần rồi.

Chúng con có được kinh nghiệm, như thầy vừa nói về cuộc sống đạo đời mới thì: Tuổi trẻ sống trong cuộc đời này thường đánh mất mình do chạy theo cái bên ngoài. Ngược lại, người cao tuổi bắt đầu dừng nhưng biến Phật thành Thần và tự nhiên trốn vào chỗ dừng lại đó. Vậy, Thầy thấy thế nào là con đường tốt đẹp cho cả hai lứa tuổi trong thời điểm này?

Thích Nhật Từ (TNT): Vấn đề đặt ra rất lý thú bởi vì nó đụng chạm đến phong tục tập quán đang diễn ra trong tiến trình tu tập, hành trì của rất nhiều hành giả Phật giáo ở hiện tại cũng như tương lai.

Nhận xét chung về hai độ tuổi

Vấn đề của tuổi trẻ và tuổi già tiếp xúc đạo Phật đang làm đau lòng những người có tâm huyết truyền bá Phật giáo. Dĩ nhiên, các vị cao Tăng trong Phật giáo nhìn thấy có lỗi hồng nào đó. Từ lỗi hồng này đã đẩy lùi giới trẻ ra bên ngoài mặc dù họ biết rất rõ, tuổi trẻ và giới trẻ là giai đoạn mà năng lực của con người và lòng tự lực được phát triển một cách tuyệt đối, đến độ, họ có thể rơi vào chủ nghĩa duy lý hoặc duy ý chí. Nghĩa là, mơ ước, dẫn thân làm những chuyện động trời ngoài khả năng của bản thân. Tất nhiên, đó là những điều đáng trân trọng vì theo nhà Phật dạy, khích lệ, phát huy tiềm năng. Nếu không có ao ước lớn như vậy thì không thể làm được những việc tương đương trong cuộc đời.

Có lẽ, khi người ta thấy đức Phật Thích Ca mơ ước thành bậc đại Giác ngộ thì cũng nghĩ: Đức Phật là người có ước mơ động trời. Nhờ ước mơ động trời ấy mới có thể làm lay chuyển nền văn hoá tâm linh đặt nặng trên tha lực và thần

linh của truyền thống mấy ngàn năm trước đó. Cho nên, giới trẻ có được cơ hội rất quý, tiếp xúc với đạo Phật khi còn trẻ trung.

Ngược lại, tuổi già gần như an phận thủ thường, trở về lo cho bản thân mình nhiều hơn. Lúc đó, nếu sống với chủ nghĩa kinh nghiệm theo khuynh hướng của các triết gia, học thuyết thì sự chán nản bắt đầu xuất hiện do kinh nghiệm để lại nổi khổ, niềm đau lớn vô cùng. Nói vậy, không có nghĩa chúng ta phủ nhận kinh nghiệm. Trong nhà Phật, vẫn có một loại thần thông biết được quá khứ của mình hay của người rõ ràng, rành mạch như đang cầm trái xoài trong lòng bàn tay và biết cái vân, cốt, màu sắc, kích thước lớn nhỏ của trái xoài này chắc chắn đến 100% chứ không phải ước đoán. Do vậy, tuổi già với nhiều kinh nghiệm làm cho đóng bít những cách thức tiếp xúc những giá trị mà lẽ ra, sự truyền thừa kinh nghiệm tích cực giúp giới trẻ thăng bằng lại chủ nghĩa duy chí của họ.

Như thế, tiến trình tiếp cận đạo Phật của hai lứa tuổi sẽ tạo ra trạng thái cân bằng, hỗ trợ lẫn nhau rất nhiều. Trên thực tế, ở trong các chùa, thế hệ già và trẻ luôn luôn có khoảng cách rất lớn. Ví dụ, tuổi trẻ tới chùa chỉ để sinh hoạt hoặc có những lớp học giáo lý dành cho giới trẻ thì dần thân, ngoài ra, không màng đến. Những chuyện lớn hơn chưa chắc họ quan tâm. Có lẽ, một phần do thế hệ lớn tuổi không tạo cơ hội để họ làm khi đang còn nhiệt huyết, nhiệt tình.

Do đó, chúng ta nên học hỏi phong cách sáng tạo của đức Phật. Khi Ngài chỉ ba mấy tuổi đã trở thành bậc đại Giác ngộ, với năng lực thuyết pháp vĩ đại thể mà có những tình huống đức Phật không hề giảng. Có nhiều người ở các tầng lớp như: Vua chúa, quan tước, những nhà tư tưởng, văn hóa, tôn giáo lớn tiếp xúc, vấn đáp nhưng Ngài vẫn để học trò trả lời mặc dầu những vị đó mới chỉ vài ba hay năm, mười tuổi đạo với tuổi đời cũng rất trẻ. Ngài muốn các học trò bật ra

năng lực thể hiện sự hành trì của họ thông qua lối diễn đạt để giúp những người khác tháo gỡ được bế tắc trong cuộc sống. Xong, đức Phật kiểm nghiệm lại xem những lời dạy đó phù hợp chưa, nếu chưa thì bổ sung thêm, còn đủ rồi thì Ngài kết luận bằng câu đơn giản: Những gì Như Lai định trình bày cho cư sĩ đã được thầy Xá-lợi-phất hay Mục-kiền-liên hoặc Tôn giả A-nan đã trình bày, các vị hãy theo đó hành trì, kết quả lợi lạc đạt được như nhau.

Với tư cách là những người đi trước, thế hệ bậc thầy, thế hệ của người lớn hơn tạo tiền đề, nhịp cầu, sự hỗ trợ tha lực, đức Phật tạo cơ hội rất cần thiết cho thế hệ trẻ, đệ tử của Ngài có được tự lực làm Phật sự ở hiện tại và tương lai. Lúc đó, rõ ràng, những bước chân của đức Phật sẽ mang lại rất nhiều an vui, hạnh phúc cho cuộc đời.

Bây giờ, ở trong chùa vẫn bị lâm vào tình trạng, đôi lúc chủ nghĩa, thói quen về thành tích của các bậc đi trước làm cho người đi sau đánh mất cơ hội dần thân, phục vụ. Những người có nhiều thành tích nhưng không có tâm buông xả có thể nghĩ rằng: Thế hệ con, em mình còn trẻ quá, non nớt, thiếu kinh nghiệm, tâm chưa sâu nên khi dần thân dễ bị vấp ngã, bị rút, bị ra đời nên không tạo cơ hội cho làm. Do vậy, tuy tình thương, cảm xúc dành cho thế hệ trẻ rất lớn nhưng không giúp họ đóng góp được những cái cần đóng góp trong cuộc sống. Thời đại của đức Phật Thích Ca, Ngài đã làm. Rất tiếc, chúng ta không dám bắt chước hoặc làm chưa triệt để.

Bất mãn – nhu cầu của sự thăng tiến

Trở lại vấn đề của thế hệ già và trẻ, với tư cách người tại gia, có thể cũng rơi vào tình trạng như vậy. Cần tạo sự thăng bằng, tìm kiếm những kinh nghiệm mà thế hệ đi trước, ông, cha, chú, bác đã làm. Muốn có được cách tiếp nhận tích cực

vậy thì phải loại trừ tâm lý bất mãn. Bất mãn là cảm xúc thường xuất hiện ở những người có cảm xúc, nhu cầu về sự thăng tiến, phát triển, cách tân, đổi mới, nên nếu thiếu bất mãn thì khó lòng làm được việc lớn.

Nếu Lý Thường Kiệt không từng bất mãn với chính sách nô lệ của người Trung Quốc áp đặt lên đất nước Việt Nam, rõ ràng, Lý Thường Kiệt đâu có những chiến công oai hùng. Trần Quốc Tuấn không bất mãn với tướng tá, quân sĩ mà lo ăn chơi, đá gà, nhậu nhẹt chắc ông không sáng tác ra bài Hịch Tướng Sĩ rất ấn tượng, đi vào lòng người. Nếu đức Phật Thích Ca không bất mãn về vai trò khổ đau, mà dù với tư cách một vị đông cung thái tử hay vua cũng chưa thể đáp ứng được, thì Ngài đâu trở thành bậc đại Giác ngộ! Cho nên bất mãn là một trong những chất xúc tác đẩy ta đi về phía trước.

Tuổi trẻ cần có bất mãn

Tuổi trẻ thường bất mãn với tuổi già. Cho rằng, thế hệ cha, anh đã lạc hậu, lỗi thời, trở thành những người rất bảo thủ, không muốn nhường lại vai trò nào đó cho mình nên bất mãn và có thể tạo ra nổi loạn, kháng cự. Sự bất mãn này dẫn tới hủy diệt, không tốt cho cuộc sống. Chỉ có thái độ bất mãn để xây dựng cách tân, làm mới, nuôi nguyên lực hùng dũng, tạo ra con đường dẫn thân mãnh liệt trong tương lai, chính sự bất mãn này mới mở ra cửa ngõ của những giá trị đóng góp. Chúng tôi mong rằng, tất cả thế hệ trẻ nếu chưa có cơ hội do giáo hội không tạo hoặc thế hệ đi trước không mở ra thì phải tự bất mãn để không hài lòng với những phong tục, tập quán đang có hòng mở ra một tiến trình mới tích cực. Đương nhiên, làm phải có nghệ thuật, phương pháp để những người không hoan hỷ, tùy hỷ với mình vẫn có thể chấp nhận được giá trị đóng góp và lòng nhiệt thành của mình ở trong cuộc đời.

Bất mãn tuổi già nên tránh

Ngược lại, tuổi già đừng bao giờ chán nản rằng đã đến tuổi “*Gần đất xa trời*”, tuổi hết rồi, tuổi xế chiều, không còn giá trị gì nữa dẫn đến thái độ yếm thế, bi quan, chán chường và thất vọng. Thấy người khác làm, mình khuyên đừng làm, thế này thế kia, khiến người ta mất nhiệt huyết thì không nên. Lúc đó, cần phải khuyến khích, khích lệ cho những tiềm năng từ hạt cát trở thành viên sỏi, từ viên sỏi trở thành tảng đá, từ tảng đá trở thành hòn núi, từ hòn núi trở thành dãy trường sơn... trở thành hàng loạt những dãy Tu Di, trở thành vô cùng vô tận. Khi ấy, chúng ta đã đóng vai trò dẫn đạo cho thế hệ trẻ.

Như vậy, tiến trình làm Phật sự, con đường dẫn thân tu tập ở gia đình, xã hội, chùa chiền, tôn giáo... nói chung, trên mọi lĩnh vực, đều có sự hợp tác rất chặt chẽ giữa thế hệ đi trước và sau. Được thế, tiến trình của sự thành công chắc chắn nắm trong tay. Tất nhiên, rất khó ở chỗ, phải phá vỡ thành trì cố thủ của những người lớn, phá vỡ thành trì tự thị mà trong *kinh Tăng Chi* đức Phật gọi là “*Kiêu mạn tuổi trẻ*”. Kiêu mạn tuổi trẻ là một trong những căn lực rất lớn làm cho con người dầu có tài nhưng không được chấp nhận, thành công vẫn không được đánh giá cao. Nó tạo ra một sự hãnh diện, kiêu ngạo rằng: Tôi có thể làm được tất cả, tôi là trung tâm, bản lề, trục xoay, giá trị, hạt nhân... Làm cho người khác càng lánh xa. Cho nên, kiêu mạn tuổi trẻ cần được chuyển hóa để lòng vô ngã vị tha trở thành nhân ở trong tiềm lực lớn. Rõ ràng, vấn đề này có thể lây lan, mở rộng phạm vi bờ cõi, đến độ, ảnh hưởng của nó vượt xa thế hệ đi trước. Lúc về già rồi thì thế hệ trẻ đó cũng phải nghĩ, nên nhường vai trò này cho thế hệ đàn em. Giống như những đợt sóng sau đẩy sóng trước chứ không thể sóng trước đẩy sóng sau. Sóng sau đẩy sóng trước nữa, cứ như vậy tiếp tục, cuộc đời tiến triển theo tiến

trình của vô thường, của sinh-trụ-dị-diệt và tạo ra cái mới. Cái mới lại trải qua một giai đoạn y hệt như vậy.

Hiểu được vậy, rõ ràng không bao giờ bắt mẫn lẫn nhau, không bao giờ kiêu mạn tuổi trẻ và cũng không bao giờ ti liệt mạn tuổi già. Hai trạng thái tâm lý phản ứng đối nghịch nhau đều là con cháu, thân bằng quyến thuộc của bản ngã. Nếu sống trên đỉnh vị của bản ngã thì cuộc đời rất nhiều rắc rối. Cho nên, đôi lúc có lòng nhiệt tình nhưng không chấp nhận lẫn nhau. Vẫn biết người kia làm Phật sự, mình cũng làm Phật sự, ấy thế, hai bản ngã của kiêu mạn và ti liệt mạn đụng nhau, nhóm lửa và cuối cùng hạt giống Phật sự bị chết. Thật đáng tiếc! Hiểu được tinh thần đức Phật đã dạy, vẫn cần phải có sự hỗ trợ tích cực giữa những việc khác nhau chứ không đơn thuần là giới tính, tuổi tác.

Tự lực và tha lực

CSMN: *Qua phần pháp thoại của thầy vừa rồi, con xin thầy giảng rõ thêm về quan niệm tự lực và tha lực thế nào là chính đáng đối với người Phật tử?*

TNT: Câu hỏi này liên hệ đến giá trị hành trì của các tông phái trong đạo Phật kể từ khi đức Phật nhập Niết-bàn. Dĩ nhiên, lý giải hai quan điểm tự lực và tha lực khó có thể đáp ứng được sự đồng tình của quảng đại các hành giả thuộc nhiều trường phái Phật giáo khác nhau.

Trước nhất, xin xác nhận, trong thời của đức Phật không hề có khái niệm về tự lực và tha lực. Tất cả những pháp môn Ngài để lại trong kinh được xem như tông chỉ chung mà bất kỳ hành giả nào cũng phải hành trì. Có những pháp môn rất phù hợp với tư cách người xuất gia, có những pháp môn phù hợp với người tại gia, có những pháp môn áp dụng chung cả

hai tầng lớp, có những pháp môn phù hợp cho hai giới, có những pháp môn phù hợp luôn cả người lớn và trẻ nhỏ.

Đạo Phật trong thời đại của đức Phật không có tông phái, tông chỉ như: *Thiền tông, Mật tông, Tịnh Độ tông, Pháp Hoa tông, Hoa Nghiêm tông, Tam Luận tông*... Khi ấy là một đạo Phật của tổng thể. Trong đó, mỗi lời kinh, pháp của đức Phật dạy là một con đường, đóng vai trò hỗ trợ rất lớn cho các hành giả trong tiến trình đi trên con đường hoằng pháp và giải thoát.

Khi đi trên những con đường đó, tất cả các hành giả được coi là con người tự lực. Tha lực là tác hưởng về phương diện duyên, như thực tại có mặt trong cuộc đời này, bên cạnh chúng ta, ở đâu cũng có. Ví dụ: Thời điểm Tăng chúng quây quần bên đức Phật nghe giảng pháp, dạy những con đường của sự chuyển hoá. Lúc bấy giờ, yếu tố thuyết pháp của đức Phật được xem là tha lực đối với những người đang có mặt. Tha lực, tức sự hỗ trợ bên ngoài về giáo dục, hoằng pháp, hành trì, hỗ trợ thông qua cách thức quán tưởng hoặc bất cứ thứ gì thuộc về duyên đều được xem là tha lực. Dưới góc độ vừa nêu, quan niệm về tha lực thì rất khác với khái niệm tha lực mà con người sử dụng trong thời đại Tịnh Độ tông.

Trở lại nguồn gốc kinh điển ngày xưa của đức Phật, tất cả các hành giả đều phải tự lực và tha lực nếu có, chỉ là một quyển kinh, bài pháp, con đường chuyển hóa, sự hành trì, 37 phẩm trợ đạo, mọi giá trị về pháp và đạo đức mà đức Phật để lại. Tất cả những thứ đó đều được gọi tha lực. Bởi vì, nương vào chúng sẽ có một công tác chuyển hóa rất lớn. Thông qua các giá trị chính pháp Ngài để lại trong kinh, có thể ví năng lực ngoại hộ của đức Phật giống như bản lề của cánh cửa. Khi bản lề mở ra, sự mời gọi tri thức tâm linh, tuệ giác bắt đầu có mặt và do đó, con người cần phải mạnh dạn đi vào ngôi nhà chính pháp đó.

Tiến trình tự đi ấy được coi là tự lực. Sự mời gọi là tha lực. Như vậy, tha lực nếu có trong tiến trình phát triển của đạo Phật vào thời đại đức Phật là hỗ trợ nhân duyên rất cần thiết. Sự hỗ trợ đó chỉ đóng vai trò xúc tác, kích hoạt mà theo chúng tôi, không quá 10%, 90% còn lại phải thuộc phần tự lực của hành giả. Về sau, lòng từ bi và đạo lý Đại thừa có khuynh hướng thần thánh hoá các đức Phật, Bồ tát. Phương pháp thần thánh hóa này là một trong những nghệ thuật để đưa chất liệu văn hóa tâm linh nhà Phật đi vào từng ngõ ngách của các tôn giáo khác.

Cách đây hai hôm, tại chùa Phật Tổ, chúng tôi cũng nói về hạnh dung thông văn hóa của Bồ tát Quan Thế Âm thông qua 32 ứng thân. Trong đó, có ứng thân làm các vị thần, trời, vua, tể tướng, thương gia, nhà giáo dục, nghệ sĩ... rất nhiều thân phận khác nhau. Đạo Phật được hiểu dưới góc độ tôn giáo qua các truyền thống tín ngưỡng thì rõ ràng chất liệu axit đậm đặc của tuệ giác nhà Phật bị giảm đi tới 70%, 80%. Sự giảm này có dụng ý chứ không phải giảm do biến chất. Dụng ý đó, các vị Tổ coi là một phương tiện nhằm mục đích, đưa đạo Phật tự lực thành đạo Phật tha lực để những con người có truyền thống tâm linh của các tôn giáo hữu thần nói chung và nhất thần nói riêng cảm thấy truyền thống văn hóa tâm linh của nhà Phật rất gần gũi với những gì họ đang tìm. Nhờ thế, họ đi vào đạo Phật dễ dàng hơn. Nếu đã từng có một đức Chúa bác ái, những vị thần linh với nhiều tha lực thì nhà Phật có Bồ tát Quan Thế Âm. Chất liệu mang nghĩa đen là vậy, còn nghĩa bóng, triết lý là đòi hỏi quá trình hành trì tự lực.

Tiếp cận tha lực từ hai góc độ

Cần hiểu tha lực dưới hai góc độ: Thứ nhất, là duyên cần thiết để chính nhân sẵn có trong con người hành giả có đủ chất xúc tác tạo thành quả ở hiện tại, tương lai và đó là cả

quá trình của sự tự lực. Trong trường hợp này, tha lực được hiểu, là một tác nhân để chính nhân có mặt, trưởng thành nên rất cần thiết.

Thứ hai, tiếp cận tha lực như một chủ nghĩa huyền bí, sự ban phước, ân sủng. Tạo ra những khoảng hỗ trợ, tạm gọi là ô dù của lòng từ bi hay ô dù của sự thiết lập tình thân cảm ứng đạo giáo. Chủ động đưa đạo Phật đến góc độ dung thông văn hóa với các tôn giáo, khác với phương tiện mời gọi các tín đồ của các tôn giáo đó về với đạo Phật. Mức độ thứ hai, phải vượt lên nghĩa thường này, đi vào nghĩa triết lý với những biểu tượng đòi hỏi những chìa khóa, công thức giải mã bản chất con người. Lúc này mới thấy tha lực đó chỉ có ý nghĩa phương tiện chứ không phải cái có thực. Tiến trình của cuộc sống là tiến trình của nhân quả nên phải là tiến trình tự lực chứ không phải tha lực.

Chúng tôi phân tích về bản chất và phương cách hành trì của các cư dân Tịnh Độ. Dùng từ, cư dân Tịnh Độ mà không dùng từ Thánh giả Tịnh Độ bởi, tất cả hành giả có mặt ở cõi Tịnh Độ đều phải hành trì theo lời đức Phật dạy rất rõ: “*Rải hoa cúng dường, tác tạo công đức, phạn thực kinh hành, từng bước thánh thoir, quán chiếu âm thanh, quán chiếu suối chảy, quán chiếu tiếng chim reo...*”. Rồi, tu tập “*Nhất tâm bất loạn*”, tạo nhiều phước báu chứ không phải thiện căn công đức... Tất cả những thứ đó đều là tiến trình của tự lực. Rốt cuộc lại thì đạo Phật là đạo của tự lực, còn đạo tha lực là đạo của các tín ngưỡng, tôn giáo khác.

Phương thức tiếp cận đạo Phật giữa hai châu lục: Thực tế, cuộc đời có nhiều điều diễn ra trái ngược nhau. Nếu phương Tây đến với đạo Phật thông qua con đường tri thức, hành thiền, khoa học, tâm lý học, giáo dục học và triết lý... Ngược lại, dưới ảnh hưởng của các nền văn hóa nhất thần:

Không giáo, Lão giáo, Thiên Chúa giáo... đạo Phật ở các nước châu Á là đạo Phật của hữu thần. Cái gì liên hệ đến hữu thần thì mang nghĩa tha lực. Cái gì liên hệ đến tha lực sẽ tạo ra rất nhiều vầng hào quang của thần bí, viễn tưởng của niềm tin, rất nhiều tiền trình của hy vọng. Nhưng, giá trị của thực tại rất khác với những gì con người mong đợi.

Giương tự lực của đức Phật Thích Ca Mâu Ni: Nhà Phật không bao giờ dạy theo kiểu mơ tưởng những đàn gà mà dạy cách thức để làm cho trứng gà trở thành gà con. Đức Phật đã từng sánh ví Ngài như một quả trứng gà. Bằng tuệ giác, hành động, tu trì, chuyển hóa, Ngài dùng cái mỏ của trí kim cương để chọc thủng vỏ trứng vô minh và phiền não. Khi chọc thủng vỏ trứng đó, đức Phật sử dụng hai bàn chân tự lực cất từng bước chân đi để có mặt và hiện hữu ở cuộc đời này. Đức Thế Tôn nói rằng rất may mắn Ngài là con gà đầu tiên chọc thủng được vỏ trứng của vô minh và phiền não. Nếu không học theo Ngài, mà cứ mong gà mẹ dùng tha lực để mổ vỏ trứng cho mình ra, thì vẫn có thể ra được nhưng độ an toàn tuyệt đối không có. Vì, gà mẹ không biết mắt, mũi, miệng, não... của gà con nằm ở chỗ nào. Mổ không khéo sẽ khiến mắt bị mù, não bị thủng... và làm biến dạng cấu hình sinh học của gà con. Quả thực, hỗ trợ có thể dẫn tới khuynh hướng tác hại ở hiện tại và tương lai. Do đó, đức Phật khuyên: Hãy bắt chước như đức Thế Tôn, tự nỗ lực để con gà từ trong quả trứng đi ra được bằng cách dùng mỏ mổ vỏ trứng chứ không cần gà mẹ hỗ trợ từ bên ngoài. Đó là những gì đức Phật để lại trong kinh tạng Pàli.

Ảnh hưởng phong tục tập quán đối với đạo Phật

Thực tế, khi Phật giáo du nhập vào nền tảng văn hóa các nước, đặc biệt là Trung Hoa đã chịu ảnh hưởng của phong tục tập quán bản địa. Bây giờ, có thể nói, rất nhiều loài tằm

gửi, dây mơ rễ má bám lên cây Bồ đề của đạo Phật. Vai trò của hành giả Phật giáo là, đừng bao giờ đồng hóa cây Bồ đề với những cây tầm gửi. Dây tầm gửi chỉ bám vào Bồ đề hòng tạo sức sống hoặc nhiều người muốn lấy dây tầm gửi để chế tác thành thứ trang sức nào đó cũng không chừng. Phải phân biệt rạch ròi giữa hai cây này không phải một, và bản chất của đạo Phật là cây Bồ đề chứ không phải tầm gửi. Tha lực là tầm gửi, tự lực là Bồ đề. Đến với đạo Phật phải đến với cây Bồ đề chứ không phải tầm gửi.

Vì vậy, nếu có khuynh hướng của cảm xúc, yếu đuối quá nhiều thì bỗng dung khuynh hướng về nhu cầu tha lực bắt đầu xuất hiện trong con người. Nhu cầu tha lực đó có từ khi hình thành trong bào thai người mẹ. Ở chỗ, con người không thể tự sống mà phải được nuôi dưỡng trong thời gian chín tháng mười ngày bởi nhau thai truyền chất máu, cảm xúc, thực phẩm... và, sau lúc sinh ra, mất 3 năm nhũ bột, rồi mười mấy năm nuôi dưỡng trong học đường để trở thành người có vai trò, vị trí trong xã hội. Như vậy, tiến trình có mặt của con người cũng như các loài vật khác trong cuộc đời là một tiến trình của tha lực. Chính lẽ đó đã tạo ra di hường tâm lý, có xu hướng tìm một thứ để nương vào, dù là ảo giác, lý tính hay cảm xúc và cảm thấy được trấn an, an toàn, đảm bảo, vững chãi hơn khi phải tự cất bước thui thủi một mình. Con đường của nhà Phật là:

“Một mình cất bước, một mình vân du

Hạ đông rồi lại xuân thu

Thế gian làm cảnh, thái hư làm nhà”.

Nghe tiến trình như vậy, thấy ớn cả da gà và hể nhắc đến là ngán ngẫm. Vì thế, khuynh hướng tha lực bắt đầu có mặt và trở thành liều thuốc bổ tạm thời. Chưa đủ sức đi thì uống vào để tăng cường năng lực, đi chút thấy mỏi lại uống tiếp. Nếu chịu khó tập thể dục sẽ không còn lệ thuộc vào bác sĩ, thuốc

thang mà chỉ lệ thuộc vào tiến trình chuyển hoá sức khoẻ của bản thân. Bây giờ, đi thoải mái không cần thuốc vẫn không thấy mệt. Thuốc là tha lực, ai tin tưởng vào thuốc, bác sĩ, đồng nghĩa, giao mạng sống của mình cho người khác đến 80%.

Dựa vào tha lực vẫn tốt, vì có nhiều người yếu quá không đủ sức đứng lên nên phải uống thuốc hỗ trợ. Các pháp môn đặt nặng vấn đề lòng từ bi, giới thiệu quá nhiều về giá trị của nó với tình thương bao la không cùng tận và con người là đối tác. Thông qua niềm tin tôn giáo, thương tưởng được thiết lập, rõ ràng vẫn đạt được giá trị. Nhưng phải biết rằng giá trị đạt được trong tình huống này là hạn hữu vì đang “ăn” an sinh xã hội của các vị Bồ-tát. An sinh xã hội chiếm tới đa là 10% tiền lương từ con người tự lực làm. Chấp nhận chế độ an sinh vẫn sống an lành, thoải mái nhưng không có điều kiện làm vô số công đức bởi do thu nhập hạn chế từ bản thân.

Ở phương Tây, người dân đóng thuế rất cao. Thông qua hệ thống luật pháp, sự đóng thuế này là cách các chính phủ làm công đức tình nguyện thay vì người nộp thuế phải lấy 25% tài chính, theo lời đức Phật dạy là một phần tư tiền lương dùng làm công đức. Chế độ đóng thuế ở các nước phương Tây đã bắt chước lời dạy của đức Phật, lấy 25% thu nhập của người nộp thuế làm công tác an sinh xã hội, đưa vào hệ thống giáo dục... Quan niệm như thế, đến tháng, tiền lương bị cắt đi không cảm thấy tiếc nuối, nhả mặt, khó chịu, khổ đau mà thấy mừng ghê gớm bởi chính phủ làm hộ mình. Liên tưởng đến chế độ an sinh xã hội, được nhận trợ cấp thì đó là tha lực có thật. Tha lực chắc chắn có, bởi thế giới của nhà Phật là thế giới duyên khởi mà duyên khởi lại lệ thuộc vào nhau, và sự lệ thuộc này chính là tha lực. Không có thứ gì tách rời khỏi tha lực nhưng vấn đề ở chỗ, là hạt giống chính, cây cỏ thụ hay là cây da, cây me... tùy thuộc vào sự lựa chọn của mỗi người.

Dấn thân với bản lĩnh của tuệ giác, tình thương, sức chịu đựng đi trên con đường tự lực hiển nhiên đem lại rất nhiều hạnh phúc, lợi lạc cho cá nhân và con người. Được vậy, sẽ sớm có tám hộ chiếu về cõi Tây Phương Cực Lạc, nếu là cư dân của Tịnh độ. Đức Phật khẳng định: Không thể dùng công đức nho nhỏ, bé bé mà được về Tịnh độ. Nhiều người cúng Phật có nải chuối mà đòi về Tây Phương thật hoàn toàn không thể. Phải xây dựng nhiều cô nhi viện, viện dưỡng lão, chùa chiền, đúc chuông, tạc tượng, in kinh ấn tống, thậm chí các Phật tử trong tương lai cần phải giảng pháp và dấn thân vào việc hoằng pháp giống như người xuất gia. Những người có hoàn cảnh nghèo, không có tiền của để làm những việc phước thì phải có tâm tùy hỷ và phải tu tập niệm danh hiệu Phật thật nhiều mới được. Phong trào Bồ tát tại gia trong *kinh Duy Ma Cật* thời đại nào cũng phải có. Không làm được thì rõ ràng công đức rất nhỏ, rất yếu. Do đó, hộ chiếu có rồi nhưng visa không được đóng dấu nhập cảnh thì không thể làm những việc lớn.

Mối quan hệ giữa tự lực và tha lực

Tự lực và tha lực đều có và tồn tại song hành, nếu biết cách sẽ tạo sự hỗ trợ lẫn nhau rất nhiều. Trong đó, yếu tố tự lực chiếm tỉ lệ 90% tất cả giá trị hạnh phúc, thành công của cuộc đời. Tha lực chỉ đóng vai trò hỗ trợ. Ví dụ: Thịnh thoảng, có người hiểu rất rõ về đạo lý sự dấn thân, hành đạo. Nhưng mới xuất phát vào con đường làm Phật sự liền bị phong ba bão táp thì choáng váng, sợ hãi và thôi. Bảo với người ta lần sau có Phật sự đừng gọi tôi nữa nghe, thấy thầy từ xa vội kêu con cái đóng cửa lại và dặn trả lời nói là “mẹ không có nhà” nếu thầy hỏi. Hiểu được vấn đề và việc Phật sự mà ứng xử vậy thì rõ ràng đang bị thôi chuyển, đang rất cần tha lực. Khi ấy, người thiện hữu tri thức sẽ đến khuyên

tấn, khích lệ, truyền chất liệu lòng tự tin, bác ái, từ thân của ngọn đuốc soi đường để người kia tự tin và vững bước trên con đường đạo lý, bất chấp mọi lời thị phi, chỉ trích không có giá trị cho đạo đức và dân thân. Lúc đó, rất cần tha lực với vai trò hỗ trợ.

Tha lực được hỗ trợ đúng mức sẽ tạo ra khuynh hướng thay đổi cả cuộc đời, tạo ra hướng đi với nhiều dân thân có ý nghĩa. Cho nên, tự lực và tha lực đều rất tốt nhưng đừng lệ thuộc vào tha lực bởi, sự lệ thuộc này khiến tiềm năng trong con người không bao giờ được phát huy, đây là sự thật 100%. Con cái trong gia đình phải lệ thuộc hoàn toàn vào cha, mẹ thì không phát triển trọn vẹn. Từ nhỏ đã có sự bươn chải, dân thân thì về sau này sự thành công sẽ lớn hơn. Quan sát hai em bé trong hai bối cảnh gia đình khác nhau. Một em thuộc con nhà giàu, có vú nuôi, người dưỡng mẫu, đầy đủ các trò chơi... Mỗi lần ngã, người mẹ chạy tới kêu: Trời ơi! con làm sao ngã thế! Mẹ đánh cái bàn này, cái bàn này làm cho con ngã này, mẹ đánh nó, mẹ đánh nó... Người mẹ càng vỗ về chùng nào thì nó càng khóc oà lên chùng đó. Trong cùng trường hợp, em bé khác khi ngã, vẫn khóc nhưng nhìn xung quanh không thấy ai thì đứng dậy lẳng lặng bỏ đi.

Như vậy, khả năng tự lực và tha lực nằm sẵn trong con người. Do nhu cầu bùng bít về cảm xúc của những người xung quanh, hoặc do sống trong vòng từ trường văn hóa tôn giáo quá cường điệu về tha lực của các thần linh, nên tin tưởng vào tha lực nhiều. Cảm xúc, niềm tin tha lực đó làm xuất hiện sự an ủi: Thà tin, dư còn hơn thiếu! Vì thế, biết rõ người chết không ảnh hưởng đến người sống nhưng khi có người qua đời vẫn phải đến chùa nhờ quý thầy xem ngày, giờ. Các thầy biết rõ là mê tín dị đoan, sai với lời Phật dạy, nhưng do nhu cầu của Phật tử nên không thể không đáp ứng và dùng nó

làm phương tiện vì lo họ bỏ chùa, đến những nơi tà kiến thì còn nguy hiểm hơn. Các thầy cũng phải lấy sổ ra tính toán, rồi nói ngày tốt ngày xấu...

Có điều, ai gặp chúng tôi sẽ biết. Chúng tôi không dựa vào bất cứ cuốn sách nào, mặc dầu hiểu rất rõ về chữ Hán, thuật số này nọ. Chúng tôi chỉ dựa vào sự thuận lợi của chùa và công việc của người đó thôi. Thường, chúng tôi để đám tang hai ngày, ngày thứ ba là đem chôn hoặc thiêu. Giờ chôn, hỏa táng phải tránh giờ sát sư. Ở những nơi mê tín gọi là giờ linh đạo, tức 12h khuya để tránh trùng tang, li tán, tam tai... Chúng tôi gọi giờ đó là giờ sát sư, vì giờ này các thầy đang ngủ mà bị sốc dậy làm sao hoan hỷ nổi. Đó là sự thật. Còn mai táng vào 8h hoặc 14h là tiện lợi cả đôi bên. Buổi sáng, bốn giờ khuya các thầy tụng kinh hoặc thiền hành, sáu giờ điểm tâm, bảy giờ chấp tác việc ở chùa, tám giờ thanh thoi và đi tụng niệm, bái sám phù hợp. Buổi chiều, nghỉ trưa từ 12h - 13h, tiếp theo ngồi thiền hay thiền hành, xong xuôi, tâm rất an tịnh, tỉnh thức và thực hiện Phật sự rất thoải mái. Chúng tôi chỉ dựa vào sự thuận tiện cho cả hai phía, cứ giờ nào thuận tiện thì tiến hành và chắc chắn chưa từng bị ai thưa kiện vì xem trúng giờ trùng tang, ly tán...

Do đó, niềm tin tạo ra giá trị thặng dư. Cứ an ủi thì thà dư còn hơn thiếu. Chính điều đó sinh ra tha lực, phải nương vào những phong tục tập quán, truyền thống sai lầm, không cần thiết, chạy theo những thứ ấy. Chỗ nào càng bày vẽ nhiều, linh đình càng đem đến thích thú vì sự an tâm, trấn an được kích thích. Ngược lại, sự trấn an này làm cho sợ hãi ngày càng gia tăng. Chỗ nào có nhiều sự trấn an chỗ ấy nỗi sợ hãi có mặt.

Nhà Phật dạy, hãy quan niệm mọi việc thật bình thường và hệ nhân quả không bao giờ tác động lẫn nhau. Mỗi người

đều có hệ nhân quả riêng về phước lực, tuổi thọ, cuộc sống, còn ảnh hưởng chỉ cộng hưởng từ trường nhỏ, không lớn lắm. Nên đừng sợ cái chết của người thân kéo theo cái chết của mình. Nếu lo cho người thân vì sợ ảnh hưởng đến cái chết của bản thân thì đâu phải thương họ, mà thương bản ngã đúng hơn. Sợ bị thế này thế kia nên làm linh đình, phô trương. Do đó, phương tiện phải được thiết lập vì niềm tin tôn giáo ngoại đạo trà trộn vào đạo Phật quá nhiều và tha lực có mặt, rồi được truyền thừa qua nhiều thế hệ, đến độ, người ta cho nó là chân lý. Chính vậy, khi vào chùa, vẫn thấy những tập tục, phong tục đó không được tháo gỡ. Ban đầu, người thiết lập với chủ ý dùng nó làm phương tiện, sau khi Phật tử vào chùa sẽ giảng kinh về nhân quả, thuyết pháp về đạo lý, bày tỏ con đường chuyển hóa để họ tháo gỡ những thứ này nhưng cuối cùng nó vẫn còn nguyên.

Cái gì tiếp cận lần đầu tiên cái đó gây ấn tượng. Nhiều người, bình thường không đến chùa, khi có người thân qua đời mới đến coi ngày, giờ. Lúc ấy, quý thầy phải phương tiện, tùy thuộc theo yêu cầu của gia chủ. Càng sợ hãi càng làm, cuối cùng, hạt giống được gieo trồng một cách có ý thức, tới mức, người ta thấy nó là một phần của sự sống. Tách rời hạt giống sai lầm đó ra khỏi mảnh đất tâm, bỗng nhiên thấy không an toàn. Tha lực cứ như vậy tồn tại, phát triển. Hạt giống đã cấy gieo khó nhổ lên nổi, phải mạnh dạn lắm mới chuyển hoá được.

Nếu nghiên cứu tinh thần nhà Phật một cách đúng đắn, nghiêm túc, bản lĩnh thì nên chọn con đường tự lực mới bền bỉ, tạo ra nhiều hệ giá trị của dần thân còn hơn đi con đường tha lực phải lệ thuộc vào người khác. Sự lệ thuộc nào cũng bị trôi buộc hết. Ví như, sống ở Hoa Kỳ, không biết lái xe hơi thì đi đâu cũng phải nhờ vả, vào lúc người ta vui còn cảm

thấy vui, lúc người ta buồn có thể bị bỏ bất cứ khi nào. Nên, chắc hẳn là cứ chịu khó tập và sẵn sàng chấp nhận cái chết nếu xảy ra tai nạn thì mới lái được xe, chứ cứ sợ tai nạn sẽ không bao giờ lái được. Đừng vì tai nạn mà bỏ phương tiện giao thông, phải tập điều khiển chúng để có được những giá trị tự lực dần dần đi trên con đường này, trên cuộc đời. Lúc đó, sẽ đóng góp được rất nhiều thứ mà tha lực không thể sánh ví được, thậm chí, 1/16, nói theo ngôn ngữ của nền văn hóa Ấn Độ.

Phật giáo và chính thể

Cư sĩ Phan Mạnh Lương: *Có khi nào đức Phật hay trong kinh sách, chỗ nào đã cho phép chư Tăng hoạt động chính trị chính thức và chống đối nhà nước mà mình đang sinh sống hay không?*

Thầy giải thích thế nào về hiện tượng các vị cao Tăng, các vị có trách nhiệm trong cả hai giáo hội đã chính thức chống đối nhà nước tới mức phải lĩnh án tử hình, sau đó được miễn?

Kinh sách nào, những lời dạy nào của đức Phật đã cho phép chư Tăng ở nước ngoài “khăn gói qua mướp” đi các nước và tới Liên Hiệp Quốc, qua tận Roma yết kiến Giáo hoàng, hôn chân Giáo hoàng để đòi tự do tôn giáo?

Đã có những vị Tăng đứng ra làm chủ tịch hội đồng Liên Tôn để giải quyết những vấn đề giữa các tôn giáo, cộng đồng con người Việt. Đó là những sự việc đã xảy ra gần đây. Hành động đó biểu hiện điều gì?

Nhất là vài tháng vừa qua, sự kiện làm cho Phật tử như nổi. Là chuyến viếng thăm Việt Nam của Thiền sư Nhất Hạnh nhưng vì sao các vị cao Tăng của giáo hội từ chối không gặp Thiền sư?

Lời dạy nào của đức Phật đã cho phép các vị đó ứng xử, đối xử với nhau giữa các vị lãnh đạo trong giáo hội? Nêu gương về thực hành Phật pháp, giải thích thế nào về tinh thần Lục hòa, giải thích thế nào về việc điều hành Phật sự và giải thích thế nào cho Phật tử khi ứng dụng những lời Phật dạy trong thực tế?

Con xin Thầy từ bi giải thích rõ những hiện tượng nêu trên để Phật tử Việt Nam ở hải ngoại lần trong nước thấy rõ phải nhìn, ứng xử đúng đối với hoàn cảnh hiện nay của đất nước với sự chia rẽ rất cùng cực, căng thẳng đang diễn ra giữa đồng bào trong nước và ngoài nước làm nhức nhối cho nhiều người.

TNT: Trước nhất, rất cảm ơn bác Lương đã ưu ái nhường câu hỏi của thầy Tâm Thiện cho thầy Nhật Từ.

Câu hỏi bác nêu một đơn vị nhưng chứa nhiều nội dung. Tôi không phải là chư tôn đức được đề cập trong nội dung câu hỏi nên không đủ tư cách để trả lời thay thế dù vì động cơ, mục đích gì, đặt trên nền tảng nào để tiếp hay không tiếp Thiền sư Nhất Hạnh. Có lẽ, nên chuyển trực tiếp câu hỏi đó đến chư tôn đức được nêu trong nội dung.

Lời dạy và quan điểm của nhà Phật: Những về đầu của câu hỏi, xin được trình bày theo tinh thần mà đức Phật nêu trong kinh. Rõ ràng, không hề có ý nào đề cập đến việc đứng từ thế chính trị A để đặt vấn đề vào thế chính trị B và ngược lại. Bởi, đội bất cứ cái mũ nào, dù mũ cối hay sắt... cũng chỉ là một cách thế để trấn an. Cổ tình đội mũ cối để không bị chụp lên đầu chiếc mũ sắt đối với những người trong nước. Đội mũ sắt để không bị chụp lên đầu chiếc mũ cối đối với người ở nước ngoài. Đó đều là phản ứng của sự trấn an chứ không phải phản ứng của tĩnh tại, thông dong. Dựa vào kinh điển, đức Phật không hề có bất kỳ một lời dạy nào cho phép

134 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

những vị xuất gia làm chính trị, chống đối lẫn nhau. Đạo lý Bồ tát của Phật giáo Đại thừa dạy rằng: Nếu người xuất gia dẫn thân làm chính trị, thậm chí, chỉ xem quân trận⁽¹⁾ mà khởi lên tâm niệm ủng hộ phe này chống phe kia thì lòng từ bi của Bồ tát trong người đó bị thương tổn. Nếu có xem, chỉ với tư cách như phản ứng thấy được bản chất của lịch sử đang diễn ra như vậy để thương chung cho cuộc đời vì những tranh chấp mà sát phạt, giết hại lẫn nhau chứ không nghiêng về bất cứ một chính thể nào. Việc đó thuộc về các nhà chính trị chứ không phải hành giả tu tập.

Nhà Phật dạy, không làm chính trị dưới bất kỳ hình thức nào. Đức Phật cũng không dạy biểu tình chống đối. Ngài dạy, góp ý để giúp người khác chuyển hóa. Đạo lý nhà Phật là đạo lý nhìn con người không phải là kẻ thù, dù con người nào đó đã từng phạm tội tày trời, bị giam vào ngục, tuyên án tử hình vẫn không phải là kẻ thù của nhau. Kẻ thù chung của con người chính là lòng tham, sân, si được đức Phật coi là tam độc. Tức, ba loại độc tố uống vào sẽ chết, kẻ sống chất chứa chúng trong lòng thì coi như đã chết. Tất cả mọi người dù ở chính thể nào, ý thức hệ tôn giáo nào, thể chế chính trị nào cũng cần phải chuyển hóa chúng nếu muốn có đời sống an bình và hạnh phúc. Nên, nhà Phật thiết lập truyền thông bằng cách, bày tỏ những quan điểm phong phú, đa dạng khác nhau trên nền tảng của sự lắng nghe, tôn trọng những người khác để người ấy có những hệ giá trị tham khảo cần thiết thay đổi cơ cấu đã xem là bị lạc hậu, lỗi thời và đáp ứng nhu cầu an vui và hạnh phúc. Nhà Phật luôn khuyến khích mang chất liệu xây dựng chứ không chống đối. Vì, chống đối tạo kẻ thù,

1. Sự xem quân trận bây giờ được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau: Chẳng hạn, xem bộ phim chiến tranh của Việt Nam hay giữ nước này nước nọ.

xây dựng thiết lập bạn bè. Phật không bao giờ dạy thiết lập kẻ thù, chỉ dạy mang tình thương rửa hận thù thôi.

Hãy học theo đức Phật: Có sự kiện lịch sử đã diễn ra đối với người thân của đức Phật, cả cộng đồng dân tộc Sakya. Sau khi trở thành Bạc đại giác, Ngài không muốn thân bằng quyến thuộc của Ngài lên ngôi vua. Ngài khuyên con trai La-hầu-la, và vợ là công chúa Da-du-đà-la, di mẫu, anh em cùng cha khác mẹ Nan-đà, anh em A-nan xuất gia. Thậm chí, Ma-ha-nam là vua Ngài cũng khuyên xuất gia nhưng vì dòng tộc Sakya hết người nên buộc ông phải giữ vị trí này. Nếu có người chịu thay thế thì dòng họ Sakya không còn kế vị ngôi vua rồi. Vì, đức Phật thấy giới hạn rất lớn của đời sống chính trị đối với các chính thể trải qua chiều dài lịch sử nhân loại. Ngài dùng câu trong *kinh Bát Đại Nhân Giác*, “Quốc độ nguy thụy” hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa đen, thế giới với cấu hình vật lý giòn, vỡ, vô thường, chóng vánh, tạm bợ. Nghĩa bóng, là chính thể của một quốc gia dù chính thể đó lo cho nhân dân tự do, dân chủ, an vui hạnh phúc với nhiều chế độ an sinh xã hội khác nhau... đều vô thường, không tồn tại lâu dài trên cuộc đời này hướng hồ chế độ đi ngược lại với những vấn đề vừa nêu.

Đức Phật hiểu rất rõ vậy nên Ngài muốn thiết lập con đường của chủ nghĩa thánh vương, chính pháp, đưa chính pháp vào cuộc đời để tháo gỡ nỗi khổ niềm đau. Ấy thế, dòng họ Thích Ca của Ngài vẫn lâm vào nguy nan của sự diệt chủng. Do, trong thời xa xưa, tổ phụ của đức Phật Thích Ca có một vị vua rất cao ngạo với sức mạnh có thể không chế, biến tất cả các nước lân bang thành thuộc địa. Bây giờ, nước Lưu Ly vì tiềm lực quân kém hơn, chính trị yếu hơn nên phải dùng phương thức cầu hôn để thiết lập tình hữu nghị với vương quốc Sakya. Lúc đó, vua Sakya lấy một nữ tì thay công chúa và gả

cho vua Lưu Ly. Mấy thế hệ sau, chuyện đánh tráo bị bại lộ, dòng họ Lưu Ly vô cùng đau khổ và tuyệt vọng, phải trả thù dòng họ Thích Ca đến nơi đến chốn. Tới thời đức Phật Thích Ca, vua Lưu Ly, cùng giai đoạn này, vẫn mang nỗi sân hận đó.

Trước hoàn cảnh đó, đức Phật tỏ lòng từ bi, muốn nối hàm oan của hai bên được cắt đứt. Ngài dùng đạo lý của tình thương, xóa bỏ hận thù khuyên vua Lưu Ly: Không nên mang nỗi hận thù quá khứ thuộc nhiều thế hệ trước áp đặt lên hạnh phúc và biến hạnh phúc này thành thương đau trong thời hiện tại, trong số chúng ta đây, có ai không từng hận thù với nhau, có ai không từng nhục mạ với nhau đâu, tại sao chúng ta phải trả đũa lẫn nhau, đó là điều hoàn toàn không thích hợp!... Nhưng lời khuyên của đức Phật đối với vua Lưu Ly không thành công, vì vị vua này không mở lòng để đón nhận những giá trị tình thương mà đức Phật đã gieo rắc.

Trong tình huống ấy, đức Phật đâu có kêu gọi ai đi biểu tình chống đối. Ngài cũng không hề viện trợ nguồn quân sự, chính trị từ các nước lân bang như Ma-kiệt-đà... vốn là đệ tử của Ngài. Ngài không hề làm những chuyện để tạo ra liên minh, đối tác. Đức Phật chỉ dùng nội lực chính của mình thông qua lòng từ bi để chuyển hóa.

Như vậy, giới hạn về nhân quả nằm ở chỗ, khi thành kiến, bản ngã tạo thành ổ khóa đóng kín mối quan hệ tình người với nhau thì chân lý cũng bó tay. Đức Phật không hề dùng phương thức liên minh chính trị, liên minh quân sự, yêu cầu viện trợ bất cứ từ một người nào mà Ngài dùng năng lực của lòng từ bi. Còn sự thành công hay thất bại phụ thuộc vào yếu tố các duyên, nhất là tâm lòng của đối tượng.

Dùng từ bi để chuyển hóa

Dựa vào bài học lịch sử trên, cho phép ứng xử theo cách

thức, nếu biết rõ một chính thể bất kỳ có sai lầm thì người có lòng từ bi nên góp ý để họ sửa đổi. Dĩ nhiên, con đường chính trị không dễ dàng sửa đổi bởi, chính thể luôn cho mình là chân lý, đỉnh cao của thời đại, trục xoay của vũ trụ. Người ta được quyền nâng cao, cường điệu, bơm phồng giá trị của mình lên. Đó là sự tự do lựa chọn của mỗi chính thể hay cá nhân. Và, lòng từ bi của con người cho phép tiếp cận, gần gũi người khác để khiến họ xóa bỏ bản ngã. Bây giờ, họ sẽ thấy được những giới hạn của họ thông qua sự đối chiếu giữa mình và người khác, hoàn cảnh của một dân tộc với hoàn cảnh các dân tộc, quốc gia khác. Họ thấy được, đâu đúng và sai, tích cực và tiêu cực, giới hạn và không giới hạn. Khi ấy, bản thân nội tại của chính thể sẽ tự động huyền hóa nó.

Chuyển hóa! Theo nhà Phật là khởi lên từ đời sống nội tâm trong từng con người chứ không phải từ bên ngoài. Nếu từ bên ngoài, tức tiếp tục nhờ vào tha lực. Dựa vào tha lực của một chính thể đối lập, có nghĩa đã tự phủ nhận tiềm năng tuệ giác của bản thân, đi sai con đường của nhà Phật. Đức Phật dạy, cứ tin tưởng mọi thứ sẽ được chuyển đổi, có thể tiến trình chuyển đổi từ từ nhưng chắc chắn phải diễn ra, vì bản chất của mọi sự vật là vận động và chuyển đổi. Cần tin chắc chắn 100% như vậy.

Do đó, không cần biến mình thành một con gà để đầu lại với những con gà, không cần biến mình thành chó ở trong nhà để đầu lại những con sói. Làm những thứ đó, con còn lại vẫn bị trầy da tróc vẩy. Hãy dùng năng lượng của từ bi để chuyển hóa, dùng guơm trí tuệ chặt đứt những hạt giống vô minh thì chắc chắn trong tương lai gần hoặc xa phải có sự thay đổi những cái cở hủ, bằng không sẽ bị thay thế bởi cái khác. Cái thay thế đó chính là thế hệ con em, những phần tử tích cực hơn, những con người có tầm nhìn sâu sắc hơn, dần

138 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

thân hơn, vị tha hơn, vì cuộc đời hơn. Chỉ những con người nằm ở trong lòng thực tại của chính thể mới có thể thay thế được. Ấn độ đức Phật dùng: Chỉ có con vi trùng nằm trong con sư tử mới có thể chiến thắng được con sư tử chứ không phải con cọp hay hùm beo bên ngoài mà có thể chiến thắng được sư tử. Đừng bao giờ mơ tưởng, dùng cường lực bên ngoài để trấn áp một cường lực bên trong mà bản thân cho rằng nó bất lợi đối với dân tộc. Điều đó, hoàn toàn hoang tưởng, không có thực.

Chuyển hóa từ nội tại: Phải cấy những hạt giống nhưng đừng dùng hình ảnh con vi trùng vì gây ấn tượng xấu, không tốt mà phải thiết lập hạt giống của những yếu tố tuệ giác, chân chính nằm trong con sư tử thì nó sẽ thay hình đổi dạng nội tại dù vẻ ngoài vẫn giữ nguyên như đã có, vẫn chiếc mũ, chiếc áo, đôi dép đó nhưng nội dung hoàn toàn khác. Cái cần là thay đổi về nội dung chứ không phải hình thức. Nhà Phật dạy, chuyển đổi phàm phu thành thánh nhân không phải bằng cách đến thăm mỹ viện giải phẫu mà phải ở tính tình, nội tâm cho đẹp hơn, tích cực hơn. Sự thay đổi này mang lại rất nhiều hệ giá trị tốt đẹp, còn thay đổi về hình thức chỉ đem lại sự tranh chấp, tiếp tục chiếm và sở hữu để có thể xoay nó theo định hướng mà bản thân coi như một chân lý, giá trị, sự thật, lợi ích hay an vui.

Theo chúng tôi, nên đi con đường của nhà Phật. Chắc chắn giữa lời đức Phật dạy và lời của giáo hội nói có một khoảng cách rất lớn. Lời Phật không sai. Trong *kinh Dược Sư*, ngài A-nan nói: Mặt trời có thể từ nóng trở thành lạnh, mặt trăng từ huyền diệu có thể trở thành nóng, các ngôi sao có thể bị rơi, núi Tu Di có thể bị sụp lở nhưng chân lý của chính pháp không bao giờ thay đổi. Điều đó chính xác 100%, không thể có sự thật nào khác thay thế được. Chân lý của các giáo hội có thể bị thay đổi. Chân lý của các tông phái có thể bị sai

lầm, con đường dẫn thân đáp ứng nhu cầu về phương tiện nhiều quá nên không đủ can đảm giới thiệu chất liệu nguyên chất của nhà Phật, vì thế, dễ đi sai tôn chỉ của đức Phật. Đến với đạo Phật là đến với tôn chỉ của đức Phật chứ không phải đến với tôn chỉ của các giáo hội, dù A hay B. Giáo hội đó, tin chắc là giáo hội của phàm phu hoặc của cao Tăng là hết chứ không thể của Thánh tăng. Giáo hội của cao Tăng vẫn có thể sai lầm vì đó là cộng đồng của con người. Do vậy, đến với đạo Phật phải lấy đức Phật làm nền tảng học hỏi mới chuyển hóa được rất nhiều thứ để cống hiến cho cuộc đời.

Dĩ nhiên, khi nói những điều mang nội dung như vậy, người ta có thể nói chúng ta là những người thân phe này chống phe kia, chuyện đó là chuyện của họ. Dán nhãn đối tượng là thói quen, đệm danh đối tượng là ước mơ của con người. Nội dung trong con người với những nhãn hiệu được dán lên là hai cái hoàn toàn khác nhau.

Nhà Phật dạy, đừng bao giờ sống với cảm xúc, lao theo nó để rồi phải lo sợ. Hãy cứ bình tĩnh nói những gì đức Phật dạy. Người Phật tử không được quyền nói những gì sai với chân lý. Đức Phật dạy: Một trong những nguyên tắc đạo đức của người tại gia là tuyên bố sự thật, đoàn kết xây dựng, mang chất liệu của sự chuyển hóa chứ không phải mang tính chất nguyên rửa, chửi bới, tiêu cực, thậm chí những lời vô giá trị.

Truyền bá tinh thần của đức Phật: Nên truyền bá tinh thần của đức Phật, còn việc người khác không chấp nhận, biểu tình chống đối là chuyện của họ. Họ được quyền làm tất cả mọi thứ, nhất là ở các nước tự do này. Được quyền nói những gì đức Phật đã dạy trong kinh, dĩ nhiên, cách hiểu có thể khác nhau, nhưng đừng mắc vào sai lầm ở chỗ lợi dụng tự do để cưỡng bức tự do của người khác. Đừng lợi dụng tự do để chà đạp tự do, làm vậy là không đúng. Phải bỏ qua những chiếc

mũ, mũ cối hay sắt, mới có được chiếc mũ của chính pháp. Mũ đó đối với người tu hành là đầu trọc, đội “*chủ nghĩa Tam bảo*” lên đầu. Đối với người tại gia là mái tóc, tất nhiên không phải mái tóc thời trang được nối kết thêm mà là mái tóc của chân lý, từ bi, hành trì, hóa giải và đương nhiên mang lại rất nhiều giá trị.

Khi đề cập đến vấn đề này, chúng tôi cũng xin khuyên tất cả những người làm công tác chính trị đừng bao giờ đẩy mấy thầy vào thế chính trị, đừng bao giờ biểu tình chống đối quý thầy khi quý thầy không treo lá cờ nào trong khuôn viên của ngôi chùa. Chùa chiền là nơi tâm linh, tại sao phải treo cờ chính trị? Đức Phật dạy, xóa bỏ hận thù. Không nên ca ngợi một chính thể nào bởi, chính thể đã tự ca ngợi, đảng phái bất kỳ cũng tự ca ngợi họ, các thành viên của đảng phái đã tự quảng cáo. Phật tử chỉ quảng cáo chính pháp nhưng không cần phải quảng cáo theo góc độ, cường điệu giá trị mà quảng cáo bằng những giá trị hiện thực để người ta đến với đạo Phật không bằng thái độ mê tín dị đoan. Đừng buộc mấy thầy trở thành những nhà chính trị. Đem chính trị vào trong nhà Phật là biến nhà Phật trở thành lò sát sinh. Sát sinh trên lý tưởng, hành động, đồ nát... không đúng tinh thần của nhà Phật.

Ngay cả trong nước, chùa chúng tôi không hề treo cờ của chính thể hiện tại. Ở nước ngoài, đến nơi nào có treo cờ của chính thể bất kỳ trên chính điện thì chúng tôi không bao giờ giăng, không phải vì chúng tôi sợ “*Cờ vàng ba sọc đỏ*” hay “*Cờ đỏ sao vàng*”. Đó là chính trị nên hạn cuộc với thời gian còn chính pháp vượt lên trên những cái này. Được quyền tuyên bố như thế mặc dù bị cấm vẫn phải nói. Nó là sự thật. Đừng bao giờ biến nhà chùa trở thành biên cương liên minh của chính trị. Nếu làm vậy sẽ rất nhiều tội lỗi vì khiến ánh sáng của chính pháp bị lu mờ. Cứ mạnh dạn, không cần phải

treo cờ ở chùa dù là cờ nào đi chăng nữa. Trong nước, ngoại trừ những ngày đại hội Phật giáo còn hầu như các tỉnh hướng khác không bắt buộc treo cờ. Ở thế giới tự do lại đi đội một lá cờ của thể chế chính trị vào trong nhà chùa là sai lầm. Nếu có treo thì treo cờ Phật giáo vì đó là lá cờ ngũ sắc của hào quang tượng trưng cho ánh sáng tâm linh, ngũ sắc của sự hòa hợp tượng trưng cho nước hòa với sữa, ngũ sắc của sự dần thân với nhiều cách thể đa dạng khác nhau. Cờ của Phật giáo biểu tượng cho an vui và hạnh phúc chứ không phải của thể chế chính trị.

So sánh, đối chiếu với các nhà thờ của Tin Lành, Thiên Chúa giáo trong cộng đồng Việt Nam hay phi Việt Nam tại Hoa Kỳ, đâu thấy treo cờ gì đâu. Lúc đầu, chúng tôi tưởng các ngôi chùa ảnh hưởng truyền thống treo cờ trong các nhà thờ. Khi nghe một số cư sĩ lão thành cho biết thì rất là ngạc nhiên, đi quan sát thử mới thấy quả thực không treo cờ. Tại sao chùa phải treo cờ? Các nhà chính trị buộc nhà sư treo cờ. Vì sợ không treo cờ sẽ bị đội vào mũ cối nên phải treo. Như vậy, treo cờ đâu vì chính nghĩa mà vì sợ hãi. Kiểu treo cờ đó không có giá trị gì, chỉ làm giảm giá trị chính pháp và tâm linh. Cho nên, chính trị có thể làm và làm bất cứ ở đâu nhưng đừng bao giờ làm trong khuôn viên của nhà chùa. Phần lớn các ngôi chùa của cộng đồng người Việt Nam ở phương Tây nói chung đều phải treo cờ của một chính thể bất kỳ, đó là điều đáng nuối tiếc, vì việc này không đúng.

Phát huy tinh thần nhà Phật bằng con đường Bồ tát hạnh:
Kinh điển của nhà Phật dạy con đường chính pháp đi vượt lên trên tất cả mọi đối lập của chính trị, của ý thức hệ. Mang thân phận của Bồ tát dần thân, phải thương những con người vô minh nhiều hơn. Nếu họ là những con người sai lầm, chưa được sáng suốt, bị lạc hậu, cục bộ, cực đoan thì phải rút

chất liệu từ bi và tuệ giác vào họ nhiều hơn chứ! Cha mẹ phải thương những đứa con chưa được phát triển nhiều hơn những đứa con đã thành công.

Lòng từ bi của Bồ tát cũng y hệt như vậy, dạy dần thân chứ không dạy tách rời. Chỉ có đạo lý Bồ tát của nhà Phật mới dạy các vị Bồ tát phát nguyện xuống địa ngục để gần gũi “*dân anh chi*” thôi, chứ đâu có đạo lý nào dám dạy điều đó. Các đạo lý khác phải nguyện rửa cho người ta chết để cuộc đời này được an vui. Chết về thể xác mà tâm hồn không được chuyển hóa thì kiếp sau sinh ra cũng “*Đầu trâu mặt ngựa*” thôi, rất nguy hiểm! Do đó, nhà Phật dạy chúng ta phải chuyển hóa tận gốc rễ. Nếu có bản lĩnh, cứ dần thân. Có cái hay hãy cứ giới thiệu bởi, bế tắc, sờ đoản ai cũng có trong cuộc đời. Trong đạo Phật cũng có về phương diện tổ chức. Đi theo đạo Phật, rõ ràng phải vượt ra ngoài các giá trị của chính trị mới là đạo Phật của đại đa số quần chúng.

Học tập phương thức từ nước bạn

Đạo Phật ở Đài Loan hoặc đạo Phật Tây Tạng ở Ấn Độ cũng bị nạn, nhưng hai cộng đồng này phát triển vượt trội trong vòng mấy mươi năm. Đạo Phật Tây Tạng có mặt tại Ấn Độ năm 1959. Đạo Phật Đài Loan chỉ có mặt trong vòng 30 năm trở lại đây, nhưng chúng ta chưa từng có ngôi chùa nào bằng được một phần mười chùa Phật Quang Sơn, chưa từng có trường đại học nào như ba trường đại học Phật Quang Sơn, chưa từng có một đài tiếng nói Phật giáo nào phát sóng suốt hai bốn giờ cùng bảy đài truyền hình khác và mấy chục tờ nhật báo như Phật Quang Sơn tại Đài Loan.

Đọc những tờ nhật báo, tạp chí của Phật giáo, xem những chương trình phát thanh của họ, không khi nào thấy sự chống đối gì hết. Họ chỉ tìm cách phát huy Phật giáo. Vạch phương

hướng A phát triển đạo Phật. Mở con đường B giáo dục Phật giáo. Tạo con đường C hoằng pháp Phật giáo. Đưa Phật giáo vào nền kinh tế, giáo dục, vào mọi ngõ ngách tận cùng của cuộc đời. Do đó, họ thành công, vững mạnh, trưởng thành.

Vào năm 1999, kỷ niệm bốn mươi năm Tây Tạng bị mất nước, đức Đạt-lai Lạt-ma đã dùng từ với tinh thần đạo Phật rất tích cực: “*Kỷ niệm bốn mươi năm đại chuyển pháp luân*” chứ không nói: “*Bốn mươi năm pháp nạn*”. Dùng từ “*pháp nạn*” là mặc cảm, dù đang sống rất an vui và hạnh phúc, nhưng vẫn cứ mang thân phận tị nạn. Như vậy, rơi vào mặc cảm tự ti và sinh phiền não. Có thể nói tị nạn lúc đang vượt biên với tư cách thuyền nhân cách đây ba mươi năm, hai mươi năm, còn khi trở thành giám đốc của một công ty lớn, trở thành triệu phú, tỉ phú... mà vẫn nói mình tị nạn là sai lầm, không nên. Cần học tinh thần của đức Đạt-lai Lạt-ma theo tinh thần “*Bốn mươi năm đại chuyển pháp luân*”. Biên cố năm 1959, Tây Tạng phải cảm ơn những gì gây ra khổ đau và nhờ đó đạo Phật của Tây Tạng đã có mặt khắp mọi nơi.

Đạo Phật Đài Loan phải cảm ơn sự kiện đó, bởi vì không có nó rõ ràng không có mảnh đất tới 89% người dân theo Phật giáo thuần túy - mảnh đất hoàn toàn của đạo Phật.

Đạo Phật Việt Nam cũng vậy, phải cảm ơn những biến cố 1975, vì thiếu những biến cố đó, dân tộc Việt Nam không có mặt khắp nơi, người Việt không trở thành những người giàu có với gia tài sự nghiệp đồ sộ, phương tiện đời sống vật chất đầy đủ, với những tự do, dân chủ, an vui, hạnh phúc.

Hủy diệt tạo đà cho hồi sinh: Mọi biến cố trong cuộc đời đều có thể hồi sinh. Sự hủy diệt cuối cùng tạo ra hồi sinh. Cứ nhớ tiến trình: Sinh-trụ-dị-diệt, Thành-trụ-hoại-không. Cái diệt, cái không tạo ra tiến trình mới và nở hoa, kết trái, lá

xanh thay thế lá vàng đã rơi rụng. Nhà Phật dạy con người khả năng nhìn thấy tương lai tươi sáng, sau cơn mưa sẽ có ánh sáng. Nhìn thấy hướng đi của mặt trời thì sẽ bỏ được bóng đêm. Nhìn thấy được những giá trị tích cực thì tiêu cực không còn lẫn lộn chi phối cuộc đời. Với cách nhìn ấy, không còn thù hận những kẻ đã tạo ra nỗi khổ niềm đau, mà thương hơn, do họ bị vô minh nên mới tạo ra cảnh ngang trái đó.

Đạo Phật Việt Nam không bằng đạo Phật của Đài Loan, Tây Tạng nhưng giữ được hình thức hơn đạo Phật Trung Quốc ngày nay là rất đáng mừng. Sang Trung Quốc và thấy, một quốc gia có truyền thống tâm linh lâu đời với nhiều di sản tông phái, Tổ sư, thiền sư, người chứng đắc... giờ đây trở thành nơi thu hút du khách để kiếm tiền chứ không để truyền bá giáo dục tâm linh nữa. Chúng ta mừng thầm khi Phật giáo Việt Nam vẫn còn nhiều cái đáng mừng hơn những cái phi báng và tự hào với những cái còn lại đó.

Học tinh thần của *kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, đức Phật nói: Một trẻ em chỉ cần vẽ một chữ Phật trên bãi cát với sự nô đùa, khi vẽ xong dùng chân chà lên thì hạt giống tâm linh đó vẫn làm cho chúng thành Phật trong tương lai. Không có giá trị đạo đức nào tích cực như vậy, chỉ đạo Phật Đại thừa, chỉ trong đạo Phật mới có điều đó. Cho nên, có thể nhìn thấy được tiềm năng tuệ giác ở trong những con người nhất xiển đề, những việc mà hi vọng sẽ làm được trong những thế giới với điều kiện và phương tiện làm được. Tin tưởng vào tiềm năng đó, nhất xiển đề cũng thành Phật.

Bản thân cho những người là kẻ thù sẽ trở thành bạn trong tương lai. Theo đạo lý nhà Phật là không có kẻ thù. Chính trị còn dám phát biểu, không có kẻ thù vĩnh viễn mà cũng không có bạn thân vĩnh viễn. Khi có giá trị kinh tế là bạn thân, khi giá trị kinh tế bị tước đoạt trở thành kẻ thù. Mỹ là

một quốc gia như vậy. Nhiều quốc gia khác trên thế giới cũng có khuynh hướng chính trị tương tự.

Nhà Phật không đi trên lợi ích kinh tế, chỉ đi trên giá trị lợi ích tâm linh. Cho nên, phải xóa bỏ hận thù để thiết lập nhịp cầu tình thân mới tạo ra sự an bình thịnh trị lâu dài. Đương nhiên, quan điểm này không bao giờ được các nhà chính trị chấp nhận, bởi vì, chính trị là loại trừ lẫn nhau để tồn tại. Bên này làm chủ thì bên kia phải làm tớ, bên chiến thắng thì bên thua phải làm nô lệ. Đừng đem giá trị của sự loại trừ đó cài đặt vào trong đạo Phật với hình thức của một lá cờ, mũ cối, mũ sắt hay bất cứ một cái gì. Đó không phải đạo Phật. Hãy trả lại đạo Phật những giá trị nguyên thủy của nó, đạo Phật của quần chúng, phi ý thức hệ chính trị, tự do, an lạc, hạnh phúc chứ không phải đối đầu, loại trừ lẫn nhau.

Chúng tôi mạnh dạn trình bày những điều đức Phật dạy trong kinh điển, chia sẻ và nếu sự chia sẻ này khiến quý vị nào đó không hài lòng hoặc nghĩ rằng chúng tôi đang tuyên truyền cho một chính thể nào đấy thì xin cam đoan 100% không phải dụng ý của chúng tôi. Nếu có, là tuyên truyền “*chủ nghĩa Phật*” tức “*chủ nghĩa Giác ngộ*”, “*chủ nghĩa Pháp*” tức con đường của tuệ giác và tình thương, “*chủ nghĩa Tăng*” tức con đường hòa hợp, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Không có chủ nghĩa nào ngoài ba chủ nghĩa này.

Có lần chúng tôi tiếp xúc với phái đoàn hành hương tại Ấn Độ, một cuộc giao lưu giữa những người xuất gia du học tại đất Phật với những Phật tử cùng những nhà sư đang hành đạo ở phương Tây, có một Phật tử nêu câu hỏi khiến nhiều thầy rất buồn nhưng không tiện nói ra. Đại ý nội dung giữa chúng tôi và vị Phật tử này như sau:

- Thầy được đi du học như vậy, chắc chắn đã vào Đảng

146 • PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

rồi phải không?

+ Vâng, vào rồi.

- Tôi nói đùa mà thầy trả lời thật hả?

+ Tôi nói thật chứ không đùa đâu.

- Thầy vào Đảng hồi nào?

+ Chúng tôi vào Đảng lúc hai mươi tuổi, bây giờ được hai mươi lăm năm rồi.

- Thầy có bị bắt buộc thế này thế nọ không?

+ Bị bắt buộc nhiều thứ lắm nhưng những sự bắt buộc này rất có lợi ích cho bản thân và những người khác.

- Đã theo Đảng làm sao lợi ích được? Theo Đảng là sai lầm nên không thể đi song hành với chúng tôi được. Thôi, sau bữa cơm này chúng ta là những người xa lạ với nhau.

+ Chúng tôi đã nhập vào “*Đảng Phật*” và chỉ mới được 1% của “*Đảng Phật*” thôi, muốn mà chưa được kết nạp. Đang nhập vào “*Đảng Pháp*” và được kế thừa mấy mươi phần trăm. Còn “*Đảng Tăng*” thì chúng tôi đã là thành phần. Nhờ ba “*Đảng*” này nên có cuộc sống an lạc, hạnh phúc vô cùng.

Nghe vậy, tất cả các thầy đều cười lên.

Vượt qua mặc cảm

Có những mặc cảm, thành kiến cứ đội mũ cối cho những người trong nước ra nước ngoài và nếu không khéo, những người ở nước ngoài bị đội mũ sắt. Thành ra, những người cùng tôn thờ Tam bảo lại trở thành những người đối lập ý thức hệ với nhau. Có nhiều người kích động quần chúng biểu tình chống đối các vị Hòa thượng chuyên tu khi ra nước ngoài bị người ta cho rằng đã đội mũ cối rất lớn. Về phương

diện nhân quả, việc vu khống đó tạo nghiệp lớn lắm và phải gánh lấy những trách nhiệm nhân quả đó vì gieo rắc sự sợ hãi cho những người thân, biến tình thầy trò của những người trong nước và hải ngoại thành kẻ thù của nhau, biến đạo lý tình thương thành đạo lý không bao giờ gần gũi, xích vào nhau được. Đó là tội lỗi, sai lầm rất lớn.

Những kẻ thù của ý thức hệ chính trị còn có những buổi hòa đàm, ngồi lại thân mật, tâm sự cùng nhau để tìm ra giải pháp có lợi cho hai bên. Ixarel, Palestine, Ấn Độ, Pakistan là kẻ thù biết bao đời, thế mà vẫn ngồi với nhau. Chẳng lẽ, những người Phật tử lại không dám làm chuyện đó? Trong khi, đức Phật và đạo Phật là đạo lý duy nhất trong cuộc đời dạy về điều đó đầu tiên của lịch sử nhân loại. Ấy thế, có người đi ngược lại với đạo Phật, còn vay mượn chính trị, bỏ sở trường chạy theo sở đoản, khiến tổn thất thuộc về phía đạo Phật.

Nếu thực sự thương Phật pháp và thấy được giới hạn Phật giáo trong nước có nhiều cái cần phải bổ sung, cách tân, làm mới thì cần phải bắt tay với nhau để hợp tác. Có thể cách tân về nội dung hoặc hỗ trợ về giáo dục, hoằng pháp, tư tưởng vì ba điều này là ba mũi nhọn để tháo gỡ những bế tắc trong cuộc đời. Đó là ba con đường quan trọng nhất, ít tổn nhưng thành quả của sự đóng góp được mở rộng rất nhiều ở hiện tại và tương lai. Khi nguồn năng lực tuệ giác, chất xám của Tăng Ni lớn mạnh thì tất cả bế tắc trong quá khứ mà giới hạn của lịch sử đã vấp phải sẽ được tháo gỡ một cách trọn vẹn. Đừng tham vọng tháo gỡ sự bế tắc nào đó trong vòng một, hai năm, nó có thể kéo dài đến hai mươi, ba mươi năm, hoặc phải mạnh dạn tẩy não, súc ruột nhiều lần mới thành công.

Lợi thế và năng lực của tuổi trẻ: Chắc chắn giới trẻ trong nước và hải ngoại sẽ không có những nỗi đau, không có sự đóng băng giá cảm xúc của quá khứ nên dễ dàng hợp tác với nhau.

Mong rằng, tất cả các vị trẻ hãy cùng chúng tôi làm những công việc đó. Mạnh dạn lên, đừng sợ người khác chụp mũ, bởi vì, cứ đi làm đạo lý của nhà Phật thì giá trị nhân quả tự nó sẽ có ảnh hưởng rất lớn, không sợ người khác cô lập. Chỉ khi nào lợi dụng đạo lý nhân quả kiêu, “*Treo đầu dê bán thịt chó*” mới sợ. Nhân quả dựa vào tâm chứ không phải hình thức. Mang tâm trạng dần thân lớn, rõ ràng sẽ khai thông mọi ách tắc. Sợ hãi sẽ kéo theo những sợ hãi khác, cuối cùng thành gieo rắc những quả mìn sợ hãi. Những hành giả gieo rắc sự sợ hãi này có thể trở thành thương phế binh bởi những đổ ụp, thái độ không hoan hỷ, thành kiến cố chấp và khiến tất cả các hành giả trở thành người một “*giò*” hoặc cụt tay. Đến khi hiểu được nhau thì chỉ còn một giò, một tay sót lại và không thể làm đạo Phật phát triển vững chãi, thịnh trị được.

Kẻ thù còn biết cách bắt tay với nhau để phát triển. Vậy mà, trong đạo Phật có rất nhiều cái dở. Các tông phái, giáo hội không dám bắt tay nhau để làm Phật sự, vậy thì làm cho cái gì?

Nếu làm Phật sự phải bắt chấp tất cả các ý thức hệ, các hình thức, lấy nội dung chính pháp làm chuẩn mới thật sự phát triển Phật pháp. Còn lấy giá trị của một chủ nghĩa làm chuẩn, dù chủ nghĩa đó đặt dưới góc độ giáo hội, trong nước hay ngoài nước, đều là sai lầm, đều xiển dương bản ngã chứ không phải chính pháp. Đó là sự thật. Dĩ nhiên, khi nói những điều này ra sẽ tạo sự va chạm rất lớn. Các va chạm này có thể cản trở chúng tôi trên con đường đi Hoa Kỳ lần sau hay đi chỗ này chỗ kia giảng kinh, thuyết pháp nhưng chúng tôi vẫn không sợ. Vì, nhân quả tự nó định đoạt mọi giá trị. Những lời phê bình, đánh giá, chỉ trích, chụp mũ, dán nhãn, đặt danh đều không phản ánh con người chân thật của bất cứ ai được. Đó là điều chúng tôi tin chắc 100% như vậy.

Chương 6:

ẢNH HƯỞNG CHUYỂN ĐI CỦA THIỀN SƯ THÍCH NHẤT HẠNH TẠI VIỆT NAM



Kính thưa quý vị thính giả! Chương trình Đuốc Tuệ hôm nay rất vui và hân hoan được đón tiếp thầy Thích Nhật Từ, một vị tu sĩ cũng là một học giả Phật giáo đến thăm miền Nam California. Chúng tôi được thầy hoan hỷ cho phép mở cuộc phỏng vấn thầy về nhiều vấn đề. Chúng tôi xin hỏi thầy một số câu hỏi và sẽ phát thanh những lời phát biểu của thầy thành nhiều chương trình trong đài phát thanh Đuốc Tuệ.

PV: *Kính bạch thầy! Chương trình phát thanh Đuốc Tuệ tạ ơn thầy đã cho phép chúng con được phỏng vấn và hân hoan đón tiếp thầy ở đây. Trước hết, xin chúc thầy sức khỏe và mong muốn chuyến thăm, hoằng pháp này của thầy ở Hoa Kỳ mọi điều tốt đẹp và được chư Phật gia hộ!*

Riêng chương trình phát thanh Đuốc Tuệ, chúng con xin thỉnh ý thầy nhiều vấn đề. Đầu tiên, Tâm Cát xin hỏi thầy một việc có liên quan đến chuyến đi thăm của Thiền sư Nhất Hạnh tại Việt Nam. Xin thầy cho biết cảm nghĩ, đánh giá của thầy về chuyến đi đó và sau khi thiền sư rời Việt Nam trở về Pháp.

Sức sống từ trận mưa nguồn

TNT: Trước nhất, chân thành cảm ơn hội Phật học Đuốc Tuệ đã tạo cơ hội cho cuộc phỏng vấn này được diễn ra và thông qua đó, chúng tôi có cơ hội trình bày, chia sẻ với toàn thể thính giả của Đuốc Tuệ! Chuyến đi của Thiền sư Nhất Hạnh mở ra cho Phật giáo Việt Nam một vận hội rất mới vì sự khai phóng đó kéo theo hàng loạt sóng gió từ rất nhiều góc độ chính trị, văn hóa đối với Phật giáo trong và ngoài nước. Chúng tôi thích dùng ẩn dụ Dục thảo dụ trong kinh Pháp Hoa để nói về bản chất chuyến đi của thiền sư.

Một trận mưa đổ xuống, cây cỏ được hấp thụ chất và lượng nước mưa khác nhau. Có những cây sinh sôi nảy nở

rất tốt, có những cây phát triển vừa vừa, có những cây ngập lụt mà chết. Như vậy, bản chất giá trị của cơn mưa phụ thuộc vào từng cây, nhu cầu của các loại cây cỏ đó. Do vậy, có thể nói tương tự, chuyển về quê của Thiền sư Nhất Hạnh như một trận mưa.

Trận mưa này, trước nhất khiến không khí oi bức về tình hình tu học của Phật giáo Việt Nam trong thời gian vừa qua giảm đi. Thứ hai, những loài cây nào nghiêng về chính trị quá mức, không chấp nhận nó như nguồn dưỡng chất cung cấp cho sự sống thì có đối kháng. Đối kháng không thừa nhận nước, trong khi nước là nhu cầu cho sự sống và dĩ nhiên, loại cây đó sẽ bị èo uột. Nhiều loại cây do được nước này chu cấp nhiều quá, nhiều đến độ không tin đó là sự thật và nhu cầu nên có thể bị úng, bị ảnh hưởng, gây tác hại về phương diện này hay phương diện nọ. Nếu nhìn từ góc độ chính trị thì rõ ràng, chuyển đi đó có ảnh hưởng về chính trị. Nếu nhìn từ góc độ Phật Pháp, đặc biệt dưới góc độ của sự hành trì thì hiển nhiên, chuyển đi của Thiền sư Nhất Hạnh đã để lại rất nhiều ấn tượng.

Chúng ta biết rõ sau biến cố năm 1975, con đường hành trì của nội bộ Phật giáo vẫn tiếp tục nhưng còn nhiều trở ngại. Cách thức hành đạo của Thiền sư Nhất Hạnh mở ra ít nhất cho Phật giáo trong nước một dữ liệu rất quan trọng để tham khảo, được đặt trước Tăng-Ni và Phật tử Việt Nam. Trong thời gian rất ngắn, khoảng 13 năm trở lại đây mà thiền sư đào tạo được các đồ đệ dưới hình thức xuất gia có kiến thức về Phật pháp, cách dẫn thân hành đạo, con đường hành trì, những biểu đạt thân, khẩu, ý của các thiền sinh mới này không thua kém gì những người có quá trình hành trì lâu dài. Vì thế, con đường hành trì đó là điểm tựa tinh thần và tâm linh rất quan trọng, nếu Phật giáo thiếu phương diện này thì

chỉ có thể đóng góp lớn nhất về phương diện văn hóa, kể đến là phương diện tín ngưỡng thông thường chứ không đạt được mức đức Phật đã gửi gắm, đem chính pháp và biến chính pháp thành dưỡng chất của tinh thần cho tất cả những người có duyên với Phật pháp. Do vậy, dữ liệu tham khảo này rất quan trọng và cần thiết.

Bổ sung nguồn dữ liệu

Sở dĩ, dùng từ tham khảo vì muốn nhận định một cách khách quan. Chúng tôi không phải đệ tử của Thiền sư Nhất Hạnh, không phải cuồng tín về những gì thầy dạy mà chúng tôi tiếp cận những gì thầy mang lại cho cộng đồng quốc tế trong thời gian qua. Duyên kỳ ngộ đặc biệt trong thời gian trở về Việt Nam cho Tăng-Ni và Phật tử là rất quan trọng. Tham khảo trong trường hợp giúp con người có cái nhìn mở, thấy được ở chân trời phương Tây với nhiều bối cảnh của thế giới nhân danh là tự do, dân chủ, thoải mái thì hướng đi của thiền quán và sự hành trì đã để lại cho họ ít nhất một chất liệu tháo gỡ những căng thẳng, xung đột, va chạm ý thức hệ hàng ngày. Nếu áp đặt chất liệu đó vào mảnh đất Việt Nam, nơi có quá nhiều sự đổ vỡ, rạn nứt lẫn nhau chỉ vì ý thức hệ, con đường lý tưởng, khuynh hướng tông môn pháp phái hay trong và ngoài nước hoặc trước và sau năm 1975 thì khó có thể xem nó như một dữ liệu cần thiết. Dùng từ dữ liệu tham khảo để sự tiếp cận ít nhất mong được bằng cách khách quan, bỏ ra ngoài hết các khuynh hướng, định danh dán nhãn đối tượng hay đeo cặp kính màu của một thời quá khứ nào đó hoặc thành kiến từng hiểu lầm nhau trong quá khứ...

Tất cả những áp lực đó, nhà Phật thường gọi là ngã chấp, tức bản ngã chấp nhiều quá nên dán bản ngã đó lên các dữ liệu khác. Vì thế, không sẵn sàng và không đón nhận được những gì đến một cách rất vô tư mà nghĩ rằng, đã có sự sắp

đặt thế này thế kia ngược với khuynh hướng và hệ giá trị mà mình đã đặt ra. Tiếp cận chuyển đi của Thiền sư Nhất Hạnh dưới góc độ dữ liệu tham khảo, sẽ dễ dàng chấp nhận những giá trị ngài đã đóng góp, ít nhất là việc hành trì của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hiện đại.

Trước năm 1975, Việt Nam có nhiều trường, viện Phật học, cơ cấu tổ chức là Tăng-Ni khi nhập học phải ở tại chỗ nên khuynh hướng hành trì, cách thức dẫn thân và kiến thức Phật pháp chia sẻ với tinh thần Lục hoà tương kính trong Tăng đoàn, nhất là thế hệ đi sau có thể nhìn thấy được tấm gương đặc biệt cao thượng, giới đức tinh nghiêm của thế hệ đi trước. Bản thân của sự quan sát đó trở thành nguồn giáo dục rất lớn cho thế hệ trẻ để họ có thể dẫn thân làm những việc Phật sự sau này. Với những lý do lịch sử và điều kiện khó khăn của xã hội, sau năm 1975, truyền thống tốt đẹp đó không còn được duy trì.

Vì không bận tâm với những khó khăn về nguyên do đó và thấy nó như một thực tại nên khuynh hướng hành trì thiếu sự nhất quán, tất cả Tăng-Ni đến trường Phật học xong rồi về lại chùa riêng của mình sinh hoạt, khi ấy, dĩ nhiên chịu ảnh hưởng rất nhiều khuynh hướng dẫn thân và hành trì của vị trụ trì. Do đó, khi trưởng thành ra làm Phật sự thì có rất nhiều cách thức khác biệt khó có thể hòa nhập với nhau được. Bởi vậy, đào tạo được rất nhiều thế hệ trẻ thế mà làm Phật sự thành công như các thế hệ của những bậc tổ sư không là bao. Trong khi, các phương tiện, công cụ, chương trình, nội dung giáo dục ở các trường Phật học hiện tại so với trước không thua kém gì, hoặc thậm chí còn phong phú hơn rất nhiều. Chúng tôi không muốn đề cập đến vấn đề này nhưng nhìn một cách khách quan phải thừa nhận vậy.

Hệ quả dẫn thân làm Phật sự thua kém những thế hệ đi trước là bởi, không có nhiều môi trường thực nghiệm tâm linh, ít nhất môi trường thí điểm những gì chúng ta được học trong trường lớp Phật học dẫn thân hành đạo thế nào để có hiệu quả. Khuynh hướng hành đạo của Thiền sư Nhất Hạnh để lại những dữ liệu tham khảo rất quý báu. Nhìn con đường trở về của Thiền sư Nhất Hạnh dưới góc độ mời gọi, dẫn thân vào hành trì và đưa kiến thức Phật pháp đã học được trong các trường lớp trở thành nguồn dưỡng chất, thực phẩm rất đa dạng, phong phú thì tin chắc sẽ thấy được những giá trị đóng góp to lớn. Thiền sư Nhất Hạnh có cơ hội rất quý báu, trở lại Việt Nam trong bối cảnh chính trị nhạy cảm, ý thức hệ phức tạp trước và sau năm 1975, nhiều phong ba bão táp nhưng con đường của bậc cao Tăng đi luôn luôn vượt lên trên những cái mà con người cho rằng phải nên hay không nên trong từng giai đoạn nào đấy. Con đường hành trì Phật pháp phải vượt lên trên những cái đó. Nếu hành đạo dưới góc độ này thì thấy chân lý vững chãi và tồn tại lâu dài, bằng không sẽ bị rơi vào một sai lầm mà trong *kinh Bát Đại Nhân Giác*, đức Phật đã từng lưu ý, gọi là quốc độ nguy thuyý.

Nhìn nhận khách quan

“Quốc độ nguy thuyý” có thể được hiểu dưới hai góc độ. Thứ nhất, hiểu theo nghĩa đen, quốc độ là một cõi nước hay một quốc gia về phương diện vật chất thì giòn bở với tính cách vô thường của cuộc đời trong những điều kiện vật lý xung quanh. Thứ hai, hiểu quốc độ là một chính thể mà trong đó nó đóng vai trò chuyển đổi hay vận hành vận mệnh của quốc gia trong từng giai đoạn và bối cảnh lịch sử nào đó thì tin chắc, lời đức Phật dạy không bao giờ sai. Tức là, không có chính thể nào tồn tại lâu dài với cuộc đời, có những chính thể kéo dài 50 năm, 100 năm, 200 năm, 500 năm... tùy theo

cơ cấu tổ chức và giá trị phục vụ mà nó đóng góp cho cuộc đời nhưng nó vô thường, không tồn tại mãi với cuộc đời để thấy được giá trị chân lý phải vượt lên trên hạn định đó. Nhìn dưới góc độ nên hay không nên trong giai đoạn lịch sử này hay giai đoạn lịch sử kia là tự động cô lập chính pháp trong khuôn của định chế chính trị và định chế thời cuộc, tự tạo ra những rào cản, khoảng cách rất lớn.

Trong quá trình dần thân làm Phật sự, đôi lúc thấy hạnh nguyện của Bồ tát Quan Thế Âm với 32 ứng thân là một trong những cách thức có thể học theo. Phải mang rất nhiều thân phận, cách thế, vận dụng rất nhiều phương tiện để Phật pháp và giá trị chân lý của đức Phật đã dạy vượt lên trên định chế mà hiện hữu và kiến thức hạn hữu của kiếp người không thể làm vắn đục, bận chân, cản trở con đường dần thân của những bậc cao Tăng được.

Nếu tiếp cận với Phật pháp, với những đóng góp của các bậc cao Tăng dưới góc độ đó thì sẽ thấy giá trị cho cuộc đời rất lớn. Còn nhìn ở một định chế hay lấy một góc độ chính thể bất kỳ để nhận định, đánh giá thì không những không tiếp nhận được sự đóng góp mà lại gieo nghiệp rất xấu đối với vị cao Tăng đó nên trở thành người bất hạnh. Tạo ra sự cộng nghiệp ảnh hưởng giao thoa, lây lan tâm lý khiến người khác vì sợ hãi, thiếu dữ liệu, thiếu cách hiểu chính xác trở thành người xa lìa với những giá trị đóng góp ấy. Quả thật, đó là bất hạnh rất lớn cho cộng đồng Phật tử Việt Nam trong cũng như ngoài nước.

PV: *Xin thành thật cảm ơn thầy đã đưa ra cái nhìn tổng quát trong chuyến đi của Thiền sư Nhất Hạnh. Sự nhìn nhận với tư cách tu sĩ vừa là học giả Phật giáo giúp thỉnh giả có cái nhìn tốt hơn, nhận xét chính xác hơn về chuyến đi*

của thầy Nhất Hạnh. Đi vào cụ thể, con xin thầy nói qua quá trình Thiền sư Nhất Hạnh giảng dạy ở trong nước gần bốn tháng? Xin thầy cho biết, ảnh hưởng lời giáo hoá của thầy Nhất Hạnh và Tăng đoàn của thầy đến quần chúng nói chung? Tiếp theo là ảnh hưởng chuyến hoằng dương này tới thanh thiếu niên, chính quyền, Phật tử Việt Nam ở quốc nội?

TNT: Đề cập đến ảnh hưởng của Thiền sư Nhất Hạnh qua chuyến đi hơn ba tháng rưỡi tại Việt Nam phải nhấn mạnh các giá trị đóng góp thầy để lại với tư cách một thiền sư hướng dẫn đời sống tâm linh qua những buổi thuyết pháp trong suốt thời gian thầy có mặt tại Việt Nam, ít nhất, có ba góc độ ảnh hưởng rất tích cực cho cộng đồng Việt Nam nói chung và các thể hệ Tăng-Ni Phật tử trong nước nói riêng.

Giá trị trận mưa

Phương diện liên hệ đến chính trị, dù Phật giáo không liên quan đến chính trị, không cổ súy cho bất cứ chính thể nào, không tán đồng, phê bình, chỉ trích bất kể cái gì không thích. Trên con đường đi, nếu đi đúng Phật pháp thì rõ ràng vẫn có những quan điểm nhất định nào đó về chính trị mà không cổ súy cho chính trị. Từ góc độ này, chúng ta thấy ảnh hưởng chuyến đi của Thiền sư Nhất Hạnh đối với nền chính trị Việt Nam rất lớn. Trước nhất, giúp giới chức của Đảng Cộng sản trong nước hiểu được đạo Phật thông qua cách lý giải của Thiền sư Nhất Hạnh hoàn toàn không lệ thuộc và không phải như bộ mặt về tín ngưỡng truyền thống tôn giáo mà họ đã gặp trong mấy mươi năm qua, kể từ khi chủ nghĩa Cộng sản trở thành một ý thức hệ quan trọng của nước Việt Nam. Nền tảng đạo học, tâm lý học hiện đại để triển khai Phật giáo trong các ngõ ngách của xã hội khiến người trong nước phải xem lại cách hiểu của mình về Phật pháp.

Phật giáo và chính thể

Đặt vai trò Phật giáo trong lịch sử cũng như thời hiện đại, chúng tôi còn nhớ một buổi thiền sư thuyết trình về đề tài *“Tương lai của đạo Phật ở Âu-Úc-Mỹ”* cho khoảng 1.000 các nhà nghiên cứu về tôn giáo, làm công tác tôn giáo, giáo sư đại học và các nhà chính trị đã để lại ấn tượng rất tốt. Chẳng hạn, thiền sư nói: *“Tôi nghe người ta nói, Đại sư Việt Nam và phu nhân tại Pháp rất muốn đến Làng Mai, nhưng đến bây giờ chúng tôi vẫn chưa có cơ hội gặp các vị. Sẵn đây, chúng tôi xin hỏi quý vị, yếu tố nào, cản lực gì khiến quý vị không thể đến Làng Mai được? Rõ ràng, Làng Mai không hề có súng ống, rào cản, những cách dò xét các thủ tục này nọ, tại sao các vị không đến được?”*. Cách đặt vấn đề đó rất có ý nghĩa trong bối cảnh của hoạt động tôn giáo ở Việt Nam, vì nó có một giai đoạn lịch sử dù không thành văn nhưng các Đảng viên không đi chùa, sinh hoạt tôn giáo.

Thiền sư nêu sự kiện Làng Mai ra để muốn nhắn nhủ với các vị Đảng viên, *“lý do gì khiến các vị không dám đến chùa?”*. Các vị biết, truyền thống lịch sử nước Việt Nam được cường thịnh trong suốt bốn thế kỷ, từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV dưới hai triều đại Lý và Trần là nhờ vào chất liệu tâm linh, chất liệu Bi-Trí-Dũng, những đóng góp to lớn của các vị thiền sư, cao tăng, nghĩa sĩ Phật giáo. Tại sao hiện tại lại xem đạo Phật như cái gì đó xa lạ? Chúng ta có một phản ứng đầy ngược cái xa lạ đó ra bên ngoài, đến nỗi làm thương tổn Phật giáo ở góc độ này hay góc độ khác. Nền, cách giới thiệu đạo Phật dưới góc độ của tâm học và đạo học làm họ thấy đạo Phật rõ ràng phù hợp với những cái mà họ có thể cho là số một trong lịch sử tiến hóa của nhân loại. Họ có thể cho họ là tất cả ấy vậy mà họ thấy được, bao nhiêu thế kỷ trước đức Phật đã vượt lên trên những cái họ cho họ là số một. Chúng

tôi nghĩ, cách thức hành đạo, truyền bá, giới thiệu một cách khoa học đó làm người ta phải suy nghĩ lại.

Cách đặt vấn đề khác, Thiền sư Nhất Hạnh đưa vào cách thể làm cho não trạng của những nhà lãnh đạo trong nước phải thay đổi. Ví dụ, thiền sư nói: *“Chúng tôi không ngạc nhiên khi biết Đại tướng Võ Nguyên Giáp mỗi ngày đều ngồi thiền và khi được mời đến những nơi quân đội thay vì thuyết trình về chiến lược, chiến thuật thì Đại tướng lại truyền bá con đường thiền quán cho các binh sĩ để họ có thêm tinh thần vô úy, chí hùng cường, quan niệm về sống chết rất tầm thường, lòng yêu nước phát triển hơn bởi trong lịch sử Việt Nam, tổ tiên chúng ta đã từng làm điều đó.*

Chúng tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên khi cựu Thủ tướng hay Chủ tịch nước trước lúc chết lại trở thành một Phật tử vì tổ tiên chúng ta đã từng làm thế”. Sự khác biệt Thiền sư Nhất Hạnh muốn nhấn nhủ giới chức lãnh đạo trong nước là, tổ tiên chúng ta đến với đạo Phật khi họ còn rất trẻ, còn nhiều tiềm năng, nhiều nhiệt huyết có thể biến ước mơ thành hiện thực. Bây giờ, quý vị đến với đạo Phật vào tuổi xế chiều, dĩ nhiên không muộn màng nhưng đã bỏ một khoảng thời gian rất xa, khoảng thời gian có thể làm được rất nhiều việc mà lại không làm. Thiền sư Nhất Hạnh nhấn nhủ giới chức lãnh đạo về chính trị, không chỉ những nhà làm công tác chính trị, cầm cân nảy mực của quốc gia trong từng bối cảnh, giai đoạn lịch sử nào đó mà tất cả những nhà văn hoá, nhà học thuật, nhà nghiên cứu, đặc biệt những nhà kinh tế cần phải ứng dụng Phật pháp khi còn trẻ để có thể thấy được rằng, bên cạnh những giá trị vật chất đang theo đuổi và có được cần được hỗ trợ bởi một giá trị tinh thần cao hơn để đời sống con người không bị khập khiễng, ngoài bước chân của vật chất thì cần phải có bước chân tinh thần hỗ trợ.

Cách thức đánh động như vậy là chất xúc tác và tạo ra cơ chế thay đổi não trạng, tư duy của con người, khi đạt được giá trị vật chất rồi con người vẫn thấy thiếu một cái gì đó. Những cách thức đặt vấn đề của Thiền sư Nhất Hạnh khiến não trạng có nhiều sự thay đổi về chính trị ở những người đang đóng vai trò rất quan trọng trong nước. Nhận định dưới góc độ này sẽ thấy, chuyến đi đó rất tích cực. Mấy mươi năm trời, kể từ năm 1975 trở về đây, hầu như người ta đánh giá đạo Phật là đạo rất mê tín, là đạo dành cho người hấp hối hoặc đã qua đời. Như vậy, bộ mặt Từ-Bi-Trí-Dũng từ cách thức dẫn thân, hội nhập vào cộng đồng xã hội với tinh thần vô ngã vị tha, vô úy của đức Phật, các vị Bồ-tát, các bậc cao Tăng được xã hội Việt Nam nhìn nhận như một tôn giáo bị quan, yếm thế. Vì thế, cách thức dẫn thân của Thiền sư Nhất Hạnh, ít nhất là dám đặt ra vấn đề cần phải thay đổi về cái nhìn đối với tôn giáo, đừng đưa chính trị vào tôn giáo để hai bên dùng lũng đoạn, tạo nỗi bất hạnh lẫn nhau, điều mà nhiều người đã suy nghĩ và lên tiếng.

Lên tiếng có thể tạo ra sự đối kháng hoặc những suy nghĩ mà không dám đặt vấn đề hoặc có thể nói người ta nghe nhưng không chấp nhận là sự thật. Thiền sư đã đưa ra được vấn đề với tinh thần từ bi và xây dựng của nhà Phật. Chúng tôi tin chắc, dù người khó tính cỡ nào, người có thần tượng học thuyết, chủ nghĩa cá nhân chừng nào đi nữa thì vẫn tiếp nhận nó dưới góc độ rất khách quan. Qua sự khách quan đó sẽ thấy nó tạo ra sự thay đổi, đừng can thiệp lẫn nhau, chính trị đừng đưa vào đạo Phật. Dưới góc độ chính trị Cộng sản hay chính trị đối kháng Cộng sản, chính trị Tư bản hay chính trị sau Tư bản... nếu đưa vào đạo Phật tất cả những cái đó thì làm cho đạo Phật không còn là nền tảng cung ứng giá trị tâm linh vốn vượt lên trên hạn cuộc thông thường của

cuộc đời. Về phương diện chính trị, Thiền sư Nhất Hạnh đã khuấy động được não trạng của những người được xem như đóng vai trò quan trọng trong khuynh hướng phát triển của Phật giáo hay khuynh hướng có mặt của đạo Phật trong nước Việt Nam mấy mươi năm qua, cần sự thay đổi rất cơ hữu chung cho cả dân tộc.

Bước chân tâm linh

Giá trị lợi ích thứ hai là giá trị về tâm linh, nếu nhìn cách thức hành đạo của thầy Nhất Hạnh, nhìn cách thầy dẫn dắt đạo Phật Việt Nam ở hải ngoại như Mỹ, những nước từng có nền tảng Thiên Chúa giáo, Tin Lành làm chuẩn thể mà đạo Phật đã len lỏi vào cộng đồng của người phương Tây không thông qua chiến tranh, cuồng tín, kinh tế theo kiểu “*theo đạo có gạo mà ăn*”. Nhưng, người ta vẫn thấy đạo Phật có giá trị tinh thần lớn và mạnh, làm cho giới trí thức, nghiên cứu Việt Nam phải xem lại vấn đề về cách thức đã hiểu đạo Phật thông qua văn chương ảnh hưởng thấp kém do kỳ thị đạo Phật từng diễn ra trong lịch sử văn học Việt Nam, từ góc độ đó, tin rằng giới nghiên cứu sẽ có cái nhìn khác hơn về đạo Phật.

Trước nhất, họ có thể thấy đạo Phật mà Thiền sư Nhất Hạnh giới thiệu ở phương Tây là một đạo Phật rất trẻ trung. Hình ảnh gần 200 người xuất thân từ 30 quốc gia, tôn giáo khác nhau có vai trò, vị trí xã hội rất lớn, có tiến sĩ, luật sư, giáo sư, thậm chí có vị đã từng làm linh mục, mục sư Tin Lành mà trở thành đệ tử của thiền sư thì rõ ràng điều đó cho thấy một đạo Phật tâm học vượt lên trên tất cả hạn cuộc, biên cương của tôn giáo, bờ cõi ý thức hệ, những hạn cuộc trong và ngoài nước. Do đó, giới trí thức Việt Nam có nhiều cơ hội suy nghĩ lại cách thức đã từng ứng xử đối với đạo Phật trong mấy mươi năm qua.

Góc độ đó được hỗ trợ rất hay bằng hoạt động thiền hành, với tư cách là hành giả, thiền sư dẫn một đoàn thiền sinh mấy trăm người đi rất an nhiên, tự tại, thanh thoi ở những khu vực rất hiếm sự hiện hữu của các tu sĩ. Có thể thấy tu sĩ Phật giáo đi chợ búa, chợ tết, chợ hoa... nhưng chưa thấy những vị ấy đi với tính cách thiền hành, thiền quán. Thiền sư Nhất Hạnh có cơ hội rất quý báu mà người trong nước không có được, đi thông dong tự tại ở chợ Bến Thành, chợ Đồng Xuân hoặc những khu vực quan trọng của nền văn hóa Việt Nam như Huế.

Những bước đi của các thiền sinh dưới sự hướng đạo của thiền sư đã làm cho rất nhiều người phải suy nghĩ. Tại sao có những người tu sĩ là người phương Tây? Thường trong nước có bệnh quan niệm ngoại là quý, cái gì của ngoại quốc cũng phải hấp dẫn, giá trị hơn trong nước. Bây giờ, những người coi là quý, tốt lành đó trở thành đệ tử của thiền sư, đệ tử của Phật thì rõ ràng giá trị tâm linh đức Phật để lại trong kinh điển mấy mươi thế kỷ qua chắc chắn phải vượt lên trên những giá trị mà họ đã học được ở trong kinh thánh hoặc từ cách thức khéo léo dẫn dụ của các vị linh mục, các nhà thần học có mặt trong lịch sử đạo của họ trong nhiều thế kỷ vừa qua. Nội chừng hình ảnh nhà sư đi thông dong tự tại ở các khu phố chợ đã làm cho quần chúng phải đặt lại vấn đề rằng đạo Phật phải có giá trị nào đó nên mới thu hút nhiều giới trẻ, giới trí thức từ nhiều quốc gia khác nhau.

Tiếp đến, nếu tinh tế một chút có thể thấy được cách thức thiền sư muốn con người trở về nguồn đạo Phật ở chỗ, ngày xưa đức Phật đi hành đạo thông qua con đường hành khát. Hành khát này không phải để chứng tỏ một đạo Phật tách rời khỏi kinh tế, lao động mà vẫn nêu cao giá trị tinh thần, là nơi quy ngưỡng cho quần chúng. Mỗi bước chân thông

dong tự tại làm người ta tương phản lại chính bản thân thấy được rằng mình là một quốc sư, người cầm cân nảy mực, nhà chính trị, kinh tế, ngoại giao hay với vai trò, vị trí nào đó rất lớn trong xã hội, có tất cả những phương tiện ở cuộc sống nhưng chưa chắc có được cuộc sống hạnh phúc thông dong tự tại như những Tăng-Ni trong tay có thể không có một tấc đất, trong túi không hề có một đồng xu và trang phục giản đơn với một màu nâu sòng hoặc màu vàng tượng trưng cho sự giải thoát. Họ sống an nhiên với nụ cười thoải mái, không phải cười gượng gạo, cười làm duyên hoặc theo phản ứng sinh học mà cười bởi họ có được chất liệu hỷ lạc thông qua con đường hành trì, dẫn thân.

Chỉ chừng đó đã làm cho những người thành phố Hồ Chí Minh, Hà nội, Huế phải tương phản lại với những giá trị họ có và cho rằng giá trị an lạc thuộc về giác quan là giá trị số một. Nó như Niết bàn trần thế nhưng bị đánh đổ hoàn toàn bởi những giá trị tĩn tại tỏa ra từ đời sống nội tâm, chuyển hóa đời sống nghiệp chướng. Chúng tôi nghĩ, chừng đó hình ảnh đã khiến giới tri thức, bình dân ở Việt Nam nhìn thấy đạo Phật rõ ràng rất khác với những gì họ thấy trong quá khứ với hình thức tín ngưỡng pha tạp rất nhiều các truyền thống tín ngưỡng mê tín của các tôn giáo có mặt trước khi đạo Phật xuất hiện tại Việt Nam. Như vậy, về phương diện xã hội, rõ ràng thời gian Thiền sư Nhất Hạnh có mặt ở Việt Nam đã tạo ra một cái nhìn mới mẻ cho quần chúng đối với Phật giáo.

Động lực cho hành giả trẻ

Thứ ba, chúng tôi muốn đề cập đến ảnh hưởng của chuyển đi đối với hành giả, tức những con người có một quá trình tu tập với nhiều pháp môn, nhiều con đường hành trì và dẫn thân khác nhau ở Việt Nam trong thời gian dài về trước. Giới tu sĩ trẻ Việt Nam từng nghe, biết đến Thiền sư Nhất Hạnh

qua các tác phẩm như, *Nẻo Về Cửa Ý*, *Nẻo Vào Thiền Học*, *Duy Thức Học Thông Luận* hay *Nói Với Tuổi Trẻ*, *Nói Với Tuổi Hai Mươi* và nhiều tác phẩm văn học, lịch sử ẩn tượng khác thầy viết trong thời gian còn là Sa-di hoặc *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*... mà họ đã thần tượng thầy từ lâu. Họ cũng từng nghe băng giảng của thầy được đưa về Việt Nam một cách thầm lặng, từng đọc những cuốn sách in thô ở Việt Nam mà có giai đoạn không được phép phổ biến trong các chùa vì hạn chế từ phía giới chức lãnh đạo. Bây giờ, họ có cơ hội gặp thầy trực tiếp, tin chắc sự tiếp xúc đó tạo ra một tiến trình quan sát và theo dõi. Người ta quan sát thầy với hình thức hành giả và dẫn đo, giữa kiến thức và sự hành trì của thầy có ăn khớp, tương thích với nhau không?. Rõ ràng, họ tìm được câu trả lời “có”.

Như vậy, những gì đóng góp cho Phật giáo thông qua các tác phẩm bất hủ phản ánh kinh nghiệm tu học rất vững chãi. Nền Phật pháp mà ngài tiếp thu được từ truyền thống Phật giáo Việt Nam rất lớn, làm cho cách đi, đứng, nói, hành đạo, giải quyết xung đột, tháo gỡ bế tắc, cách dễ hoà giải những đối lập với nhau là một trong những điều giới trẻ cần tham khảo. Vì, con đường của Phật giáo là con đường hòa giải chứ không phải đối lập, con đường dung thông chứ không phải đối kháng, con đường vượt lên trên tất cả những đối lập hàng ngày, từ ý thức hệ chính trị, tôn giáo, tuổi tác của thế hệ đi trước đối với thế hệ đi sau hay ý thức hệ giữa nam và nữ. Chúng ta bắt gặp được ở thầy Nhất Hạnh cách thức truyền đạt và hành đạo đáp ứng nhu cầu của giới trẻ. Số lượng hơn 1.000 Tăng-Ni tại chùa Hoàng Pháp, 1.000 ở Bình Định, Huế và rất nhiều tại Hà nội, rõ ràng rất khao khát về phương diện hành trì. Tiếc là, thời gian vừa qua do hạn chế của lịch sử nên không có cơ hội quy tụ quần bên nhau trong thái độ hòa hợp,

đoàn kết, thương yêu, chăm sóc cho lý tưởng Phật pháp, sự dẫn thân hành đạo tạo ảnh hưởng lớn cho cộng đồng và phục vụ xã hội.

Cách thức của thầy Nhất Hạnh thông qua con đường hành trì đó khiến giới trẻ khao khát và có được niềm hy vọng mới. Tin chắc con đường hành trì đó được giới thiệu thêm lần thứ hai, thứ ba trong vòng vài năm tới thì hạt giống thầy gieo trồng trong thời gian quá ngắn (hơn ba tháng rưỡi) ấy mới thật sự nảy mầm, sinh sôi và phát triển. Bằng không, nó có thể trở thành giống như một cơn mưa trên sa mạc tạo sự bốc hơi từ những giọt mưa tiếp xúc ở trên cát nóng bỏng đó nên nó có thể trở thành một phong trào nhất thời, cuối cùng lại tắt lịm. Do vậy, một phong trào khi được tác động, gieo vào tâm thức thế hệ trẻ rồi thì cần có sự hỗ trợ nuôi dưỡng và hành trì. Vì thế, việc trở về Việt Nam của Thiền sư Nhất Hạnh hay những bậc giáo thọ lớn của Làng Mai cần phải nhiều hơn nữa để giới thiệu thêm dù ở trong nước cũng có những phương pháp hành trì, con đường dẫn thân, tổ chức tu học rất hay nhưng ít nhất chúng ta có thêm giá trị tham khảo làm phong phú hóa cách nhìn về đạo Phật, cách hành đạo, con đường dẫn thân và rõ ràng mang lại nhiều lợi lạc cho rất nhiều quần chúng.

Từ góc độ sự hành trì, Thiền sư Nhất Hạnh mang lại những khao khát và đáp ứng phần nào về sự khao khát đó nên mở ra vận hội mới, không khí rất tích cực đối với giới trẻ Tăng-Ni, Phật tử trong nước mà mấy mươi năm qua họ chưa từng tìm thấy không khí đó. Có thể nói một cách khách quan, không khí như vậy chưa từng có trong lịch sử mấy mươi năm qua tại Việt Nam.

Tóm lại, nhìn từ góc độ chính trị hay từ tác động về phương diện xã hội và ảnh hưởng chuyển đi của thầy trong đời sống

cộng đồng, đặc biệt trong tổ chức sinh hoạt của Tăng-Ni, Phật tử thì ba phương diện này được rất nhiều đóng góp tích cực từ Thiền sư Nhất Hạnh. Trước đây, những vị tôn đức, dù đạo cao đức trọng, có dân thân nhưng do hạn chế thời cuộc, biến cố lịch sử mà không thể đóng góp như thiền sư đã mang lại cho cộng đồng Việt Nam trong thời gian qua. Chúng tôi tin, nếu có cách thức hành đạo, nói rộng vòng tay thân ái, đoàn kết, hoà hợp Phật giáo trong và ngoài nước thì rõ ràng có cơ hội đóng góp cho cộng đồng người Việt Nam. Đừng nghĩ, làm cho tông phái này giáo phái nọ mà cần nghĩ, làm cho đại cuộc Phật giáo Việt Nam vượt lên trên hết tất cả ý thức hệ giáo hội thì mới đáp ứng nhu cầu tâm linh rất thiếu thốn, đặt nặng về phong tục tập quán trong nhiều năm qua tại Việt Nam.

PV: *Xin cảm ơn thầy! những điều thầy vừa dạy là một phần anh em chúng con trong chương trình phát thanh Đuốc Tuệ cố gắng theo đuổi. Câu hỏi cuối đề cập với thầy về công việc của Thiền sư Nhất Hạnh. Con xin hỏi thầy, qua cơn mưa như thầy dẫn dụ chuyến viếng thăm của Sư ông Nhất Hạnh đối với Việt Nam thì theo ý thầy, những Tăng-Ni ở Việt Nam có thể làm gì tiếp tục theo đó? Và những Tăng-Ni trẻ sẽ ảnh hưởng như thế nào? Những công dân trẻ nhìn Phật giáo Việt Nam sau này như thế nào và họ có thể đóng góp gì cho đất nước qua những bài học về Phật giáo mà họ được tiếp xúc với Thiền sư Nhất Hạnh?*

Tiếp nhận từ trận mưa

TNT: Ảnh hưởng của chuyến đi là điều không thể phủ định giá trị đóng góp của rất to lớn. Nhưng, muốn tạo ra một phong thái mới về hành đạo và dân thân trong nước thì nó phải thực sự thể nghiệm trong lòng dân tộc Việt Nam. Những giá trị vay mượn thường đem lại giá trị nhất định

của bởi cách thức thiền sư hành đạo ở Làng Mai, phương Tây đặt trên nền tảng phong tục tập quán của họ, nếu nhập cảng nguyên xi nền Phật giáo đó vào nước Việt Nam thì sẽ không thuận lợi 100% như suy nghĩ. Chúng tôi vẫn tin, phải có những phương thức hành trì chiếm 70% của cách đó cộng 30% phong tục tập quán, văn hóa Việt Nam thì có thể khiến ảnh hưởng đó càng ngày càng lớn mạnh hơn.

Chẳng hạn, cách ca tụng trong Làng Mai của Thiền sư Nhất Hạnh mang âm hưởng nền âm nhạc thánh ca phương Tây mà những người phương Tây không thể thiếu những yếu tố tinh thần đó được nên nó thành công tại đây. Nếu áp dụng nó vào Việt Nam thì e rằng không thích hợp lắm bởi người Việt Nam có nền nhạc dân tộc riêng, cách thức tán tụng truyền thống mang âm hưởng gần gũi với cách hiểu và tiếp cận thông qua nhạc cụ của Việt Nam. Nên, có thể lấy nội dung những bài trong Làng Mai thường đọc, tụng, ca hát rất hay đó phổ lại theo điệu thích ứng của người Việt Nam thì mới ảnh hưởng tiếp nhận dễ dàng, bằng không, sự đối chọi về văn hoá tạo thành bản ngã làm cho con người không bao giờ tiếp nhận được những cái khác với mình, dù cái đó hay hơn, hấp dẫn hơn, có giá trị đóng góp hơn và mang lại chức năng chuyển hoá cao hơn... vẫn bị đẩy ra và còn có thể coi là phi chân lý vì không hợp thời, hợp cơ... Từ góc độ này, cần phải có một đạo Phật ứng dụng mới, cộng với phong tục tập quán Việt Nam cùng những gì thiền sư đã làm rất thành công ở phương Tây để tạo ra con đường dẫn thân rất tích cực cho những người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ.

Dĩ nhiên, giới trẻ có được khao khát và sự năng động, khao khát của họ có thể đặt họ vào trong cách thể duy trí, tức là những ước mơ của họ có thể lớn hơn những cái hiện thực họ đã có, phải quý trọng những điều đó. Đề đạo Phật được

phát triển mạnh ở Việt Nam thông qua giới trẻ, tất nhiên cần phải gieo những hạt giống tươi mát mà kinh điển nhà Phật thường gọi là trạng thái hỷ lạc. Hỷ lạc được giới thiệu trong thiền quán như một cửa ngõ của Sơ thiền và Nhị thiền thông qua chuyển hóa được sự lệ thuộc hoạt động tính dục của con người như nhu cầu hưởng thụ giới tính, nhu cầu có mặt của một con người trong cuộc đời. Rồi có thể như hệ quả của sự chuyển hoá đời sống cảm xúc âm tính thông qua con đường thiền quán. Lấy con đường của hỷ lạc và có thể tạo ra nhịp nối thông qua các hoạt động mà thông thường cho là những hoạt động rất bình thường. Ví dụ, lời ca tiếng hát, sinh hoạt giới trẻ, sinh hoạt cộng đồng... nạp chất liệu hỷ lạc đó vào bên trong theo cách thức thiền sư đã làm, làm rất thành công.

Ví dụ, thiền sư đã tạo ra những bài ca, giá trị của nụ cười như chất liệu của cuộc sống. Thay vì nói sự hỷ lạc khiến người ta thấy giống như thuật ngữ khô khan, lạ lẫm, thuật ngữ liên hệ đến thiền mà có thể người đi Tịnh Độ tông không thích bằng hình ảnh một nụ cười, bằng hình ảnh của sinh hoạt giới trẻ, lời ca tiếng hát. Trong sự sinh hoạt đó, giới trẻ có thể tìm thấy được chất liệu của hỷ lạc. Do đó, họ có thể đến với đạo Phật dễ dàng hơn bằng không họ có thể nói, đạo Phật không dành sâu tâm linh, không gian sinh hoạt cho chúng tôi mà chỉ dành cho những người già, ưu ái những người gần đất xa trời. Như vậy, nhiệt huyết của họ không có cơ hội đóng góp, rồi tinh thần không có cơ hội được trưởng thành. Chính vì thế, giá trị rất cao, rất quý ở đạo Phật vĩnh viễn xa rời với đời sống quần chúng giới trẻ, sự tổn thất rất lớn.

Thông qua cách thức Thiền sư Nhất Hạnh hành đạo ở Việt Nam, có thể vay mượn một vài yếu tố để đẩy mạnh được hoạt động sinh hoạt giới trẻ đi lên bằng cách đưa vào lời ca tiếng hát. Lời ca tiếng hát về đạo rõ ràng không quá mới mẻ

trong truyền thống Phật giáo Đại thừa bởi biết rằng, khi đức Phật nói những bản kinh Đại thừa thì trước những bài kinh đó đều có chư thiên, những vị thần Khẩn na la trỗi lên những cung nhạc du dương, trầm bổng ca ngợi đạo lý, tán dương Tam bảo, nói rõ về giá trị của sự hành trì để làm cho những cử tọa, các thánh giả có mặt lúc bấy giờ thấy họ được khởi động tích cực.

Sự khởi động ấy làm nóng về phương diện tâm linh và họ có được chất xúc tác đi vào lời pháp hiệu quả hơn. Nên, chỉ cần thay đổi, từ nội dung của lời ca tiếng hát về yêu đương, thất tình, tình cảm nhỏ bé và tầm thường đó bằng nội dung của thiền quán, chuyển hoá và sự tu tập, của sự dẫn thân thì sẽ làm cho giới trẻ thấy được mình có mặt trên cuộc đời này thông qua sự giúp đỡ cuộc đời, làm lợi ích cho quần chúng và họ sẽ gắn bó nhiều hơn. Có thể vay mượn những hoạt động đó bằng cách lấy những nội dung rất tích cực trong đại thừa tạo thành cầu nối cho họ có mặt trong chùa, và sự có mặt ấy mang lại lợi ích cho những người khác. Như vậy, sự có mặt đó có lợi cho cả Phật giáo, cả người trực tiếp dẫn thân.

Mục đích ra đời của đức Phật được nói trong kinh *Pháp Hoa* là “*Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến*”, có nghĩa, sự ra đời của đức Phật và sau đó hình thành đạo Phật để mang lại tiềm năng giác ngộ cho con người thông qua con đường giáo dục. Giáo dục đầu tiên nằm ở vai trò của nhà hoằng pháp là “*khai thị*”. Hai động từ “*Khai*” và “*Thị*” mở ra vận hội “*Tuệ*” và “*Giác*”, tạo ra nhận thức chính xác, phương pháp luận, con đường dẫn thân và cuối cùng, 50% còn lại nằm tại con người của hành giả, ở tuổi trẻ, là phải “*Ngộ*” và “*Nhập*”, phải sẵn sàng mở mắt khách quan, phải tiếp nhận đóng góp của những bậc cao Tăng, của những người đi trước bằng tấm lòng vượt lên trên ý thức hệ chính trị, tôn giáo để thấy được giá trị rất

lớn. Khi tiếp cận dưới góc độ đó thì rõ ràng đã mang nó vào trong cuộc đời, phải đưa nó vào trong cuộc sống và biến nó thành một phần không thể thiếu trong giá trị của sự hành trì. Lúc đó, nhà Phật nói, đang với nó là một, sự thể nhập với nó mang lại giá trị rất thực tế trong cuộc đời. Nếu áp dụng những lời Phật dạy trong kinh điển đại thừa và những phương tiện Thiền sư Nhất Hạnh đã làm rất thành công ở phương Tây với những gì thầy dạy trong ba tháng rưỡi ở Việt Nam năm vừa qua thì có thể tạo một bộ mặt rất mới cho Phật giáo.

Dĩ nhiên, bộ mặt mới cho Phật giáo không có nghĩa cách tân giáo lý, thay đổi chánh pháp, làm mới những gì đức Phật nói để tạo ra những cái mới, hoàn toàn không có. Bản chất của đức Phật và lời dạy của Ngài luôn luôn mang tính khế cơ, có điều cách thức hiểu và hành trì trong từng bối cảnh lịch sử với nhiều bối cảnh, nền tảng văn hóa khác nhau không làm con người có mặt trong giai đoạn đó thấy nó là một phần sự sống của mình. Nên phải cách tân và có thể vay mượn, học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm mà Thiền sư Nhất Hạnh đã làm thành công trong những năm tháng thầy có mặt tại Việt Nam cũng như trong mấy mươi năm lưu vong, thầy đã giới thiệu một đạo Phật rất tươi mát, trẻ trung, nhẹ nhàng có giá trị thiết thực đặt trên nền tảng văn hóa tự lập mà thể giới phương Tây đã đi về và rất gần gũi với Phật giáo.

Nếu áp dụng Phật giáo với chất liệu đó, chúng tôi tin chắc giới trẻ Việt Nam sẽ thấy đạo Phật là nhu cầu không thể thiếu đối với họ. Họ không đến với đạo Phật sẽ mất nhiều lợi lạc, tổn thất và có thể biến họ thành nạn nhân của sự xung đột ý thức hệ, sự tranh chấp kinh tế hoặc hưởng thụ vật chất mà đánh mất những giá trị mà chỉ cần mở mắt ra nhìn, để lỗ mũi tiếp xúc với không khí tâm linh của những giá trị rất quý báu trong cuộc sống.

PV: Chương trình phát thanh Đuốc Tuệ thành kính cảm ơn thầy! Tuy thời gian có hạn nhưng thầy đã dành cho đề tài liên hệ đến chuyển trở về của Thiền sư Nhất Hạnh cái nhìn rất rõ ràng và đầy đủ, nhận xét rất lạc quan. Nhân danh chương trình phát thanh Đuốc Tuệ, một lần nữa, chúng con thành kính cảm ơn thầy và có thể nói, chúng con đã được nghe câu trả lời của một tu sĩ vừa là học giả vừa là hành giả. Xuyên qua việc trả lời của thầy, thính giả chương trình Đuốc Tuệ có thể học thêm những điều đó, nhất là của một vị học giả và hành giả Phật học nói với thính giả cũng như Phật tử Việt Nam về vấn đề tu học, đặc biệt sự tu học theo cách Sư ông Nhất Hạnh đã làm được thầy nhìn và khai triển rõ rệt.
